

CHAPITRE IV MISSIONNAIRE AU TONKIN

Le 17 septembre 1937, « le Bateau » — c'est ainsi que se désigne la promotion des jeunes missionnaires qui viennent d'être ordonnés prêtres, et qui sont prêts à prendre la mer pour les pays lointains — « le Bateau » se regroupe à Marseille et embarque à bord du *Félix Roussel*.

Onze ans plus tôt, en novembre 1926, le jeune Paul Seitz embarquait en ce même port, sous l'uniforme militaire, pour se diriger vers l'Afrique du Nord, sans se douter un instant que l'appel du désert setransformerait là-bas en appel à la vocation missionnaire...

Aujourd'hui, avant de monter à bord, le Père Seitz a tenu à célébrer la messe à la basilique de Notre-Dame de la Garde, la « Bonne Mère » qui veille sur la ville et sur le port, et plus encore sur les marins et les voyageurs qui s'embarquent sous ses yeux. Il a écrit un dernier mot à ses parents:

Je suis parti, mais combien je suis encore près de vous, je le sens plus que jamais. Non, Dieu ne nous sépare point, l'éloignement va nous rapprocher plus encore. Et surtout, surtout, Dieu va donner à chacun sa grâce, sa force, pour suivre pleinement, joyeusement, sa volonté. Quelle semence pour l'éternité ! Et quel germe de vie, déjà dès ici-bas, pour les âmes ! (...) Une vocation missionnaire, c'est un état de sainteté, nous disait notre supérieur. Oui, je le crois, et je crois aussi qu'il en est de même pour les parents. Dieu ne se laisse pas vaincre en générosité.

Par Port-Saïd et le canal de Suez, puis la mer Rouge et Djibouti où commence à sévir une chaleur torride — 40° environ à l'ombre, — le *Félix Roussel* gagne l'océan Indien.

Il y a du confort à bord — douches, piscine, rafraîchissements, — en sorte que ces semaines en mer sont reposantes et agréables. Pas grand-chose à voir avec ce qu'étaient les voyages des glorieux ancêtres du xviii^e siècle!

Sans doute le « bateau » se rappelait-il ce qu'on lui avait raconté, au séminaire, des exploits des premiers missionnaires en Extrême-Orient. Ainsi, Mgr Pallu, premier vicaire apostolique désigné pour le Tonkin le 13 mai 1658, mit-il deux ans et trois semaines pour faire le trajet de Marseille au Siam, par la Turquie, la Perse et l'Inde : Marseille, 2 janvier 1662 — Siam, 27 janvier 1664. Et dans

CHƯƠNG IV NHA TRUYỀN GIAO TẠI BẮC KỲ

Ngày 17 tháng chín năm 1937, nhóm “Hải Thuyền”- biệt danh tự đặt của nhóm các thừa sai trẻ vừa thụ phong linh mục và sẵn sàng ra khơi, đến các vùng đất xa lạ- qui tụ tại Marseille và lên tàu Félix Roussel.

Mười một năm trước, vào tháng mười năm 1926, chàng trai Paul Seitz đã lên tàu cũng tại bến cảng này, với bộ quân phục, để đi về Bắc Phi, mà không hề mảy may nghi ngờ tiếng gọi của sa mạc, ở đó sẽ chuyển thành tiếng gọi thiên triệu thừa sai...

Hôm nay, trước khi lên tàu, cha Paul Seitz đã nhất định dâng thánh lễ tại vương cung thánh đường Đức Mẹ Phù Hộ (Notre Dame de la Garde), Người “Mẹ Hiền” luôn canh chừng thành phố, bến cảng và cả các thủy thủ, các du khách cập bến dưới mắt mẹ. Cha đã viết những hàng chữ cuối cùng này cho cha mẹ:

Con ra đi, nhưng con vẫn còn gần cha mẹ biết chừng nào, lúc này, hơn lúc nào hết, con cảm nghiệm được điều đó. Không, Thiên Chúa không hề tách biệt chúng ta, sự xa cách càng xích chúng ta lại gần nhau hơn. Và nhất là, nhất là Thiên Chúa lại ban cho mỗi người chúng ta ân sủng, sức mạnh để chúng ta hân hoan tuân theo thánh ý Người cách vẹn toàn. Thật là hạt giống cho cuộc sống vĩnh cửu! Thật là mầm sống tuyệt vời, ngay tại trần thế, cho các tâm hồn (...). Ông gọi thừa sai là một trạng thái thánh thiện, cha bề trên đã nói với chúng con như vậy. Đúng, con tin chắc điều đó và con tin là đối với cha mẹ cũng vậy. Thiên Chúa không để chúng ta thắng Ngài về lòng nhân từ.

Qua Port-Saïd rồi kênh đào Suez, đến Biển Đỏ, rồi Djibouti, nơi sức nóng khủng khiếp bắt đầu hoành hành- trung bình 40° C trong bóng râm - tàu Félix Roussel đi vào Ấn Độ Dương.

Trên tàu tương đối tiện nghi: có đầy đủ vòi tắm bông sen, hồ bơi, giải khát. Những tuần lễ trên biển này là những ngày nghỉ ngơi, dễ chịu. Khác xa với những cuộc du hành của các bậc tiền nhân nổi danh thế kỷ XVII.

Chắc hẳn nhóm “Hải thuyền” đã nhớ lại những khám phá của những vị thừa sai tiên khởi ở Viễn Đông, đã được truyền tụng khi nhóm còn ở trong Chủng viện. Như Đức cha Pallu, đại diện tông tòa đầu tiên ở Bắc Kỳ, được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 1658. Ngài phải mất 2 năm 3 tuần để đi từ Marseille tới Xiêm la (Thái Lan) qua ngã Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Tư và Ấn Độ: Marseille ngày 2 tháng

quelles conditions !...À pied, à dos de cheval ou de mulet, en bateau ou pirogue. Et avec quelles péripéties !... Quels dangers !... Il pouvait énumérer tous ceux qu'avait éprouvés avant lui l'apôtre saint Paul.

Les jeunes missionnaires devaient sourire à ces souvenirs, eux qui étaient déjà en Extrême-Orient moins d'un mois après leur départ de France. Dans la matinée du 15 octobre, en effet, le *Félix Roussel* accoste à Haïphong, à l'embouchure du delta du fleuve Rouge, où il dépose la majorité des jeunes missionnaires qui vont maintenant se disperser. Le Père Seitz, lui, est accueilli par un missionnaire de Hanoï et prend le train pour la dernière étape du voyage : il arrive le soir même dans la capitale du Tonkin. Dans sa trente et unième année, il commence là sa vraie vie de missionnaire, qui va durer trente-huit ans.

Le Tonkin

Quel est donc ce pays qu'il aborde avec son enthousiasme débordant et son immense désir de conquête des âmes ? Le Tonkin fait alors partie de l'Indochine, dont le début de la conquête par la France commença sous le règne de l'empereur Napoléon III. Mais l'évangélisation du pays était bien antérieure et remontait même au xviii siècle. Depuis lors, les missionnaires comme les fidèles n'avaient cessé d'être persécutés par les mandarins, et les martyrs avaient été nombreux, tant prêtres que catéchistes ou simples chrétiens, massacrés sans pitié, et après bien des tortures. La foi de ce peuple vietnamien lui vient de ces persécutions, endurées avec courage et amour. Un édit de l'empereur Tu-Duc du 21 mars 1851 ordonne :

Les prêtres européens doivent être jetés dans les abîmes de la mer ou des fleuves; les prêtres annamites, coupés par le milieu du corps. Quiconque dénoncera ou livrera un prêtre d'Europe recevra une somme d'argent, plus la moitié des biens de ceux qui le cachent.

Le plus célèbre des martyrs de ce pays est sans doute Théophile Vénard, un petit prêtre du Poitou qui, dès ses neuf ans, avait déclaré qu'il voulait être missionnaire au Tonkin et y mourir martyr. Son vœu fut exaucé le 2 février 1861, en la fête de la Présentation au Temple de l'Enfant Jésus, sur le bord du fleuve Rouge à Hanoï, là où débarquait Paul Seitz ; il était dans sa trente et unième année, comme Paul Seitz ; il était des Missions Étrangères de Paris, lui aussi. Sainte Thérèse de l'Enfant Jésus, qui sera proclamée Patronne des missions, avait avec lui une relation virginale intime.

giêng 1662 đến Xiêm La ngày 27 tháng giêng 1664. Và trong những điều kiện rất u khó khăn!...Đi bộ, đi ngựa, đi la, đi tàu, đi thuyền. Với biết bao phiêu lưu mạo hiểm, biết bao nguy khôn!..Ngài có thể kể ra mọi thứ gian khổ, tương tự như những gì thánh Phao Lô tông đồ đã trải qua trước ngài.

Các nhà truyền giáo trẻ chắc đã phải mỉm cười về những kỷ niệm này. Họ đã đến Viễn Đông chưa đầy một tháng sau khi rời khỏi nước Pháp. Thực tế, sáng sớm ngày 15 tháng 10, con tàu Félix Roussel đã cập bến Hải Phòng, cửa ngõ của châu thổ Sông Hồng. Đa số các thừa sai trẻ sẽ xuống đây để chia đi nhiều hướng. Cha Seitz được một vị thừa sai ở Hà Nội đón tiếp. Rồi cha lên xe lửa để đi tiếp chặng cuối cùng của cuộc hành trình đưa cha về tới thủ phủ Bắc Kỳ ngay tối hôm đó. Ở tuổi 31, cha khởi đầu cuộc sống thừa sai đích thực ở đây, kéo dài 38 năm.

Xứ Bắc Kỳ.

Vùng đất mà cha Seitz đến, với lòng tràn đầy nhiệt huyết và ước muốn bao la chinh phục các tâm hồn, là vùng đất nào vậy? Bắc Kỳ là một phần của Đông Dương, mà nước Pháp đã bắt đầu chinh phục dưới thời hoàng đế Napoléon III. Nhưng việc rao giảng Tin Mừng đã có trước từ lâu, thậm chí từ thế kỷ XVII. Ngay từ thời đó, các thừa sai cũng như giáo dân đã không ngừng bị vua quan bách hại. Đã có rất nhiều chứng nhân tử vì đạo: các linh mục, các thầy giảng và cả giáo dân, sau nhiều cực hình, đã bị sát hại tàn nhẫn. Đức tin của dân Việt đã trở sinh từ những cuộc bách hại này. Họ can trường và yêu thương chịu đựng. Một chỉ dụ của vua Tự Đức ngày 21 tháng 3 năm 1851 đã chỉ thị:

Các linh mục châu Âu phải bị ném xuống vực thẳm dưới sông, dưới biển. Các linh mục Việt nam thì bị chặt đôi. Ai tố cáo hay giao nộp một linh mục châu Âu sẽ nhận được một số tiền thưởng, cộng thêm nửa gia sản của những kẻ che giấu linh mục đó.

Vị tử đạo nổi tiếng nhất trong nước có lẽ là Théophile Vénard, một chú bé chăn chiên vùng Poitou. Ngay từ lúc 9 tuổi cậu đã tuyên bố là muốn trở thành thừa sai ở Bắc Kỳ và chết vì đạo tại đó. Ước nguyện của cha đã được Chúa chấp nhận, ngày 2 tháng Hai năm 1861, đúng ngày lễ Đức Mẹ Dâng Con Trong Đền Thờ, trên bờ sông Hồng tại Hà Nội nơi mà cha Paul Seitz đã cập bến. Cha Vénard cũng 31 tuổi như cha Paul Seitz, cha cũng thuộc Hội Thừa Sai Paris. Thánh Têrêxa Hải Đông Giêsu, vị thánh sẽ được tuyên dương làm bổn mạng các xứ truyền giáo, có liên hệ rất mật thiết với cha.

C'est pour protéger les missionnaires catholiques européens qui étaient persécutés, torturés et mis à mort, mais aussi pour des questions plus matérielles de commerce avec la Chine et l'Europe, que la France du Second Empire envoya une escadre qui s'empara d'abord de la Cochinchine, puis du Tonkin, qui était une province de l'empire d'Annam. Le fleuve Rouge, ou Song-Koï, était stratégique pour le trafic des troupes et des armes venant de Chine, comme aussi pour faire remonter l'approvisionnement en riz et denrées diverses. En 1883, la flotte de l'amiral Courbet investit Hué, capitale de l'Annam, qui dut reconnaître le protectorat français. Les Chinois, qui exerçaient leur souveraineté sur l'Annam, furent repoussés, l'amiral Courbet détruisit leur flotte, s'empara même de Formose, les forçant à signer, en mars 1885, un traité reconnaissant le protectorat français sur l'Annam et le Tonkin.

Dix ans plus tard, c'est au tour du Laos voisin de faire partie du protectorat français. Un ensemble homogène est ainsi constitué que l'on appelle l'Indochine française. Elle est administrée par un gouverneur qui laisse en place les autorités locales légitimement investies de pouvoirs et cherche à former des cadres indigènes dans les diverses administrations.

La mise en valeur de ce pays demeuré très arriéré sous la domination chinoise est activement poussée. On construit des routes, des lignes de chemin de fer et des ponts ; les villes se transforment, avec de belles avenues plantées d'arbres, des bâtiments en dur remplaçant les paillotes,

les zones insalubres étant assainies; des hôpitaux sont construits partout, tenus généralement par des congrégations de religieux et de religieuses qui en financent même les constructions, tandis que d'autres congrégations fondent des écoles, des collèges et des universités. En quelques décennies, le pays est transformé, tant au point de vue sanitaire et alimentaire qu'au point de vue culturel, même si l'harmonie ne règne pas toujours avec certaines populations, ni entre les pouvoirs civils et religieux ; même aussi si certaines exactions sont commises par des coloniaux peu scrupuleux ou débauchés ; même enfin si certains gouverneurs francs-maçons ou certains ministres radicaux-socialistes de la métropole mettent des bâtons dans les roues et imposent des mesures laïcistes pour restreindre l'influence de l'Église.

Rapidement, des peuples autochtones, intelligents et fins, sortent une élite dont la formation se poursuit dans les universités et les grandes écoles de France. Dans l'Église, les conversions du bouddhisme et des nombreuses et diverses sectes

Chính để bảo vệ các thừa sai công giáo châu Âu đã bị bách hại, tra tấn và kết án tử hình, nhưng cũng để giải quyết những vấn đề thực tế liên quan đến buôn bán giữa Trung quốc và châu Âu mà nước Pháp dưới thời Đệ nhị đế chế đã gửi một hạm đội đến chiếm Nam Kỳ rồi Bắc Kỳ, lúc đó còn là một tỉnh của vương quốc An Nam. Sông Hồng, còn gọi là Sông Cái, là đường chiến thuật để vận chuyển binh sĩ và vũ khí từ Trung quốc cũng như để tiếp tế lúa gạo và thực phẩm lên. Năm 1883, hải quân đô đốc Courbet chiếm Huế, thủ đô của An Nam và triều đình Huế phải nhận quyền bảo hộ của Pháp. Trung quốc, nước có chủ quyền trên An Nam, giờ đây bị đẩy lui. Đô đốc Courbet phá hủy đoàn tàu Trung quốc, thậm chí còn chiếm đảo Đài Loan, buộc Trung Quốc ký hòa ước tháng ba năm 1885, nhận quyền bảo hộ của Pháp trên An Nam và Bắc Kỳ.

Mười năm sau đó, tới phiên nước Lào lân bang cũng gia nhập Bảo hộ Pháp. Như thế, một hợp thể đồng nhất được thành lập và được gọi là Đông Dương Pháp. Đứng đầu xứ bảo hộ là một vị toàn quyền. Ông này trao quyền hạn cho các giới chức địa phương và tìm cách đào tạo các cán bộ bản xứ cho guồng máy hành chính.

Việc phát triển đất nước dưới thời đô hộ của Trung Hoa còn rất lạc hậu, thì nay đang được xúc tiến mạnh mẽ. Nhiều đường bộ, đường sắt và cầu cống được xây dựng. Nhiều thành phố thay đổi với những đại lộ xinh đẹp, rợp bóng cây. Những nhà cửa kiên cố thay thế những nhà tranh vách đất.

Những khu vực dơ bẩn thiếu vệ sinh được chỉnh đốn lại. Bệnh viện được xây dựng khắp nơi, thường do các dòng tu nam hay nữ điều khiển và có khi còn tài trợ xây dựng nữa. Có những dòng khác xây dựng các trường tiểu học, trung học và đại học. Trong vài thập niên, đất nước đã thay đổi về lĩnh vực y tế và thực phẩm cũng như về lĩnh vực văn hóa. Tuy vậy, vẫn có sự bất hòa đối với một số thành phần dân chúng cũng như giữa thế lực dân sự và tôn giáo. Thậm chí đôi khi cũng có những nhân viên thuộc địa, thiếu khiếm nhã hoặc hủ hóa, đã sách nhiễu dân chúng. Cuối cùng, cũng có những thống đốc Tam Điểm hoặc một vài bộ trưởng xã hội cấp tiến, ở chính quốc, đã thọc gậy bánh xe, đưa ra những biện pháp thế tục hóa để hạn chế ảnh hưởng của Giáo hội.

Giữa những người dân bản xứ thông minh và lanh lẹ đã mau chóng xuất hiện một nhóm người trí thức, được theo học tại các trường đại học và những “trường lớn” nổi tiếng của Pháp. Trong giáo hội, nhiều người Phật giáo và các giáo phái

païennes se multiplient ; on construit petits et grands séminaires, ainsi que des monastères de contemplatifs.

Il reste néanmoins un travail considérable à accomplir lorsque le Père Seitz arrive à Hanoï. Il trouve un pays pacifié et florissant, une capitale superbe et prospère, peuplée de nombreux Français bien établis, depuis deux ou trois générations pour certains, des indigènes accueillants et souriants.

Des bruits de soulèvements sourdent néanmoins ici ou là; des exactions sporadiques sont commises, entretenues par des agitateurs venus de l'extérieur. Les bruits de la guerre qui menace l'Europe ne sont pas sans répercussions dans cette lointaine Asie. De cela, les missionnaires sont bien au courant, mais leur dynamisme et leur apostolat ne s'en ressentent en rien. Ils évitent de faire de la politique et de prendre parti, se faisant Vietnamiens avec les Vietnamiens, même si ceux-ci sont fort différents du nord au sud du pays par leurs origines ethniques, leurs coutumes ancestrales, leurs religions, sans parler de leurs langues qui varient à l'infini d'une contrée à l'autre.

Ha Noi

L'accueil des missionnaires résidant à Hanoï est, évidemment, fort chaleureux à l'égard du Père Seitz qui vient renforcer une équipe paroissiale déjà bien fournie. On lui fait visiter la ville qui le stupéfie par son caractère européen et qu'il appelle déjà « le petit Paris d'Indochine », avec ses avenues bien ombragées, bordées de coquettes villas et de magasins luxueux.

Inutile de vous dire, écrit-il à ses parents quelques jours après son arrivée, que les premiers Français qui foulèrent ce sol furent des missionnaires. On retrouve leurs traces partout. Ici, c'est la « rue des Missions », bordée des établissements missionnaires : procure, évêché, écoles ; plus loin, c'est une Hanoï immense et moderne clinique, bâtie jadis par une Soeur de Saint-Paul-de-Chartres ; puis, c'est le Carmel ; l'asile où l'on recueille les enfants abandonnés ou les infirmes; le collège Lacordaire, le grand séminaire, etc., etc. Quel travail formidable ont accompli mes amis dans l'apostolat ! Quelle somme de désintéressement, de sacrifices... Je reste sous le coup de l'émerveillement. Il faut avoir vu ! On ne sait pas cela en France.

Mais Hanoï a sa petite banlieue, une petite banlieue couleur locale. De nombreux Annamites sont venus de l'intérieur du pays et se sont campés à proximité de la grande ville. Nous avons parcouru ces quartiers tout grouillants

lương dân khác đã trở lại đạo. Các tiểu chủng viện, các đại chủng viện và nhiều tu viện chiêm niệm đã được xây dựng.

Tuy nhiên, còn bao nhiêu công việc phải làm khi cha Seitz đến Hà Nội. Cha đến với một xứ sở an bình và thịnh vượng, một thủ đô tuyệt vời và sung túc, với rất nhiều người Pháp, trong số đó có những gia đình đã định cư từ 2 đến 3 thế hệ, và người dân bản xứ luôn niềm nở và tươi cười.

Tuy vậy, cũng có những tiếng đồn về những cuộc nổi dậy đầu đó. Nhiều kẻ gây rối từ bên ngoài đã gây ra những sách nhiễu lẻ tẻ. Những lời đồn đại về chiến tranh đe dọa Âu châu cũng vang vọng đến miền đất Á châu xa xôi này. Các nhà thừa sai luôn đi sát thời cuộc, Nhưng lòng nhiệt thành và việc tông đồ của các ngài không hề bị chi phối. Các ngài tránh làm chính trị và không theo phe nào cả. Các ngài sống hoà mình với người Việt, tuy từ Bắc vô Nam, người Việt rất khác nhau, về nguồn gốc chủng tộc, về phong tục tập quán, về tôn giáo, cũng như về ngôn ngữ rất khác biệt từ miền này sang miền khác .

Hà Nội

Dĩ nhiên, các vị thừa sai ở Hà Nội chào đón cha Seitz rất nồng nhiệt. Cha đến để bổ sung cho nhóm linh mục giáo xứ đã khá đầy đủ. Người ta đưa cha đi thăm thành phố. Cha rất ngạc nhiên về dáng vẻ Âu châu của thành phố mà cha gọi là “Paris nhỏ của Đông Dương”, với những đại lộ rợp bóng cây, cùng những biệt thự duyên dáng và những cửa hàng sang trọng hai bên đường.

Sau khi đến đây vài ngày, cha đã viết cho cha mẹ: *Có lẽ con không cần phải nói cho cha mẹ biết rằng những người Pháp đầu tiên đặt chân đến vùng đất này là những vị thừa sai. Ta thấy vết chân của các ngài ở khắp mọi nơi. Đây là đường Nhà Chung, với những cơ sở truyền giáo san sát bên nhau: Nhà quản lý, Tòa Giám mục, các trường học. Xa hơn một chút là một bệnh viện hiện đại và rộng lớn đã do một nữ tu dòng Saint Paul de Chartres thiết lập. Rồi đến Dòng kín; cô nhi viện, nơi tiếp nhận trẻ em bị bỏ rơi hoặc khuyết tật; trường trung học Lacordaire, Đại Chủng Viện v.v..... Thật là một công việc kỳ diệu mà các bạn tông đồ của con đã thực hiện ! Vô vị lợi và hy sinh biết chừng nào! Con vẫn còn kinh ngạc. Có đến xem mới biết được. Ở Pháp người ta không biết đến điều này.*

Nhưng ở Hà Nội có một ngoại ô nhỏ, mang sắc thái địa phương. Nhiều người Việt từ các miền quê đến cắm lều bên cạnh thành phố lớn này. Chúng con đã đi qua những khu phố đông đúc và dơ bẩn, mang những tên hoa mỹ, như khu phố

et sordides, parés de noms pompeux : le quartier de « la pierre précieuse », par exemple. Ce sont de pauvres gens qui vivent Dieu sait comment! On ne voit là d'abord que misère et malpropreté : des cases misérables, d'innombrables enfants demi-nus. Mais là encore, le missionnaire est passé : un petit clocher dresse sa croix vers le ciel : il y a des chrétiens, il y a l'espérance — celle d'une vie meilleure.

Dès le surlendemain de son arrivée, le Père Seitz est invité à rencontrer son évêque — qui n'a ici que le titre de vicaire apostolique — Mgr François Chaize, lui-même des Missions Étrangères de Paris. Originaire du diocèse de Lyon, Mgr Chaize, alors âgé de 55 ans, est vicaire apostolique de Hanoi depuis deux ans, après avoir été coadjuteur durant dix ans. Le Père Seitz va le retrouver dans la brousse où il fait une visite pastorale, et il se voit aussitôt assigner sa nouvelle résidence : Ké- So, à une soixantaine de kilomètres au sud de Hanoi.

Ké-So: premier poste (octobre 1937-juillet 1938)

Ké-So, simple bourgade perdue au pied des montagnes sauvages, est connue de toute la mission, dont elle fut le centre et la ville épiscopale au temps des persécutions. Il était facile à l'évêque et aux missionnaires de disparaître, à la moindre alerte, dans les montagnes sauvages. C'est là que mourut de misère le grand apôtre Mgr Retord, qui repose dans la magnifique cathédrale construite par un de ses successeurs.

Ké-So a gardé non seulement son église-cathédrale, mais aussi les écoles paroissiales, une école de catéchistes, un hôpital et un ouvroir dirigés par une admirable Soeur de Saint-Paul-de-Chartres entourée de quelques soeurs indigènes, toutes dévouées aux miséreux et aux malades. Le jeune missionnaire va trouver là de quoi assouvir sa passion de l'apostolat, mais va surtout commencer par apprendre la langue annamite — et ce ne sera pas facile...

Son professeur, un jeune catéchiste, se montre très patient, comme tous ses congénères, et répète sans sourciller jusqu'à vingt ou trente fois un même son rebelle que le gosier de l'élève doit tenter d'imiter. Que de nuances dans ces langues asiatiques, dont la moindre déviation ou intonation peut exprimer des sentiments totalement différents et provoquer rires ou fureurs !

Ainsi Paul rapporte-t-il à ses parents qu'il apprend à distinguer *mua* = acheter, de *muá* (accent aigu) = danser, de *muà* (accent grave) = saison, de *mu a* (détaché) = pluie, de *mû a* (accent circonflexe) = vomir, etc. Quant à *mu*, cela signifie carapace, *mú* (accent aigu) signifie poisson, *mù* (accent grave) veut dire aveugle,

“đá quý” chẳng hạn. Họ là những người nghèo khổ mà có Chúa biết, họ sống bằng cách nào. Ở đó người ta chỉ thấy sự nghèo đói và dơ bẩn: những túp lều tồi tệ và vô số những đứa trẻ mình trần. Nhưng cũng ở đó, bước chân vị thừa sai đã đi qua : một tháp chuông nhỏ với thánh giá vươn lên trời cao: Nơi đây có người Kitô hữu, là có hy vọng, niềm hy vọng cho một cuộc sống tốt đẹp hơn. Chỉ hai ngày sau khi đến Hà Nội, cha Seitz đã được mời đến gặp Đức Giám Mục, Đức cha François Chaize, Đại diện tông tòa. Ngài cũng thuộc hội Thừa Sai Paris, gốc giáo phận Lyon. Lúc đó ngài 55 tuổi, làm đại diện tông tòa được 2 năm, sau khi đã làm phụ tá đại diện tông tòa 10 năm. Cha Seitz đi gặp ngài trong một cánh rừng, nơi ngài đang đi thăm viếng mục vụ. Ngài liền bổ nhiệm cha vào nhiệm sở mới ở Kê Sờ, cách Hà Nội khoảng 60 cây số về phía Nam.

Kê Sờ: Nhiệm sở đầu tiên (tháng 10/1937 đến tháng 7/1938)

Kê Sờ, một ngôi làng mộc mạc, mát hút giữa những chân núi hoang dã, nhưng lại được toàn xứ truyền giáo biết đến. Đó là trung tâm và Tòa Giám mục trong thời Bách hại. Chỉ cần một báo động nhỏ là các giám mục và linh mục có thể lần trốn vào rừng rậm. Chính tại đó mà vị đại tông đồ, Đức cha Retord, đã chết trong khổ cực. Ngài đã yên nghỉ trong nhà thờ chính tòa nguy nga, mà một trong các đấng kế vị ngài đã xây dựng.

Kê Sờ đã giữ lại được không những nhà thờ chính tòa mà còn các trường học giáo xứ, một trường thầy giảng, một bệnh viện và một nhà may thêu, do một nữ tu dòng Saint Paul de Chartres điều khiển, với sự cộng tác của một vài nữ tu bản xứ. Tất cả đều hy sinh phục vụ người nghèo khổ và bệnh tật. Nơi đây vị thừa sai trẻ sẽ tìm được cách thỏa mãn đam mê làm tông đồ của mình. Nhưng trước hết phải bắt đầu bằng việc học tiếng Việt đã. Và điều này không phải là dễ ...

Người dạy cha là một thầy giảng trẻ luôn tỏ ra rất kiên nhẫn, như những thầy giảng khác. Không hề cau mày, ông lập đi lập lại, thậm chí đến 20 hoặc 30 lần một âm bướng bỉnh, mà cổ họng của học viên phải cố bắt chước. Có quá nhiều âm sắc trong những ngôn ngữ Á Châu này. Chỉ trệch một chút hay sai cung một chút có thể diễn tả những tình cảm hoàn toàn trái ngược nhau; và làm người ta cười sặc sụa hay giận dữ.

Cha Seitz đã kể cho cha mẹ cách cha học phân biệt chữ *mua*, thêm dấu sắc là *múa*; nếu đổi dấu huyền, lại là *mùa*. Thêm dấu móc lại là *mura*. Thêm dấu hỏi là *mửa*. Còn chữ *mu* là mu rùa, Thêm dấu sắc lại là *mú* (cá mú), đổi dấu huyền lại là *mù*. Đổi dấu hỏi là *mủ*, dấu ngã là *mữ*, dấu nặng là *mụ* (đàn bà).

avec un accent circonflexe = pus ou humeur, et on peut encore nuancer pour dire chapeau, casque ou femme.

Vous pensez bien, ajoute Paul avec humour, dès lors que voulant dire à mon boy de blanchir mon casque, si j'en viens, par défaut d'accent, à lui ordonner de blanchir ma femme, ou mon poisson, ou ma carapace... il se paie ma tête de bon coeur. Et l'explication donnée, je n'ai plus, par manière de vengeance, qu'à lui sortir quelques mots du plus pur argot parisien. Je ne m'en fais pas faute!

Croyez-moi: étudier cette langue est un vrai sport, qui ne manque pas de charme!

Annamite avec les Annamites, le Père Seitz met tout de suite son point d'honneur à manger avec des baguettes: le riz, évidemment, mais aussi les nouilles, les haricots, etc., réservant la cuillère uniquement pour la soupe. Le fumeur qu'il est depuis longtemps se met aussi à chiquer le bétel.

Pouah ! reconnaît-il... Le dégoûtant ! — Eh oui, c'est vrai, et je ne vous contredirai pas. Ce n'est pas des plus appétissants, le spectacle d'un chiqueur de bétel ! Mais le fait est là : je chique ! Quand vous faites visite à un Annamite, il est de la plus élémentaire politesse que celui-ci vous offer une chique. La boîte est en permanence sur la table, et il est d'une non moins élémentaire politesse que vous acceptiez ! Alors, vous comprenez... votre fils est bien élevé!

Nous épargnerons au lecteur la description de la cérémonie qui suit... et ses résultats 1. Retenons la conclusion :

C'est piquant, légèrement étourdissant ; le goût est... indéfinissable. À vrai dire, c'est plus sale pour le spectateur que pour l'acteur ! — Maintenant vous pouvez m'offrir une chique : imperturbable, avec une dignité très compatible avec l'acte en question, je ferai comme tout le monde — et tout le monde trouvera cela très naturel. Inutile de vous dire cependant que je n'ai point de boîte à bétel chez moi, et que je préfère de beaucoup une bonne pipe!

==

Note:

Pour les coeurs bien accrochés, lisons tout de même la suite : « Les premières fois, j'ai refusé : j'avais peur de vomir. Je voyais la bouche toute rouge des Annamites, et surtout le jet de salive ensanglanté qu'avec une habileté consommée, ils lançaient dans le crachoir au col évasé que, de mains en mains, ils se passaient. Mais, foin de ces délicatesses de civilisé par trop raffiné ! Et un

Cha còn hài hước kể cho cha mẹ: Cha mẹ có thể tưởng tượng có lần con nhờ chú bé giúp việc giặt cái mũ. Nếu đặt sai dấu con có thể nói chú ấy giặt mũ (người đàn bà) hay mú (con cá) hoặc cái mu (mu rùa) của con... Dĩ nhiên chú bé cười nhạo con khoái chí... Sau khi được giải thích, con không biết làm gì hơn là đáp trả bằng một tràng tiếng lóng đặc Paris. Con đâu làm gì sai!

Cha mẹ tin con đi: học ngôn ngữ này giống như chơi một môn thể thao đích thực, một môn thể thao đầy hấp dẫn!

Sống với người Việt như người Việt, Cha Seitz tập sử dụng đũa ngay để ăn cơm, ăn bún, ăn đậu... chỉ dùng thìa để ăn súp. Cha hút thuốc từ lâu, nhưng cha cũng bắt đầu ăn trà .

Góm! cha nhận định: Thật góm! Đùng thế, thật sự con không nói ngược với cha mẹ đâu. Không ngon lành gì khi trông thấy cảnh tượng người ăn trà! Nhưng thực sự, con đã ăn trà! Khi đi thăm một người Việt, thì phép lịch sự tối thiểu nhất là người ấy mời ta ăn trà. Hộp trà luôn để sẵn trên bàn; Và phép lịch sự tối thiểu là ta phải nhận. Đó, cha mẹ biết, con là đứa con được giáo dục đến nơi đến chốn mà!

Chúng tôi không muốn mô tả cho độc giả những cung cách, cũng như những diễn biến tiếp theo. Hãy ghi nhớ nhận định cuối thôi:

Hơi cay cay, hơi say say; một cái vị... khó tả. Thực ra, nhìn thì thấy dơ hơn là ăn! Bây giờ bạn có thể mời tôi ăn trà: Diễm nhiên và trịnh trọng trong lời nói cũng như trong cử điệu, tôi sẽ làm như mọi người... Và mọi người sẽ cảm thấy rất tự nhiên. Tuy nhiên, không cần phải nói với các bạn rằng tôi không có hộp trà trong nhà, tôi vẫn thích hút điếu tẩu hơn .

==

NB:

Những ai không yếu tim có thể đọc thêm: những lần đầu, tôi đã từ chối: tôi sợ ói... Tôi thấy cái miệng đỏ quạch của người Việt và nhất là họ nhổ nước trà cách điệu nghệ trong một ống nhỏ cổ loe, mà họ chuyên tay nhau. Bỏ qua vẻ lịch lãm của một người văn minh, quá tao nhã, một ngày đẹp trời nọ, tôi đã ăn

beau jour j'ai pris ma chique. Celle-ci est composée d'une feuille de bétel verte, enduite d'une légère couche de chaux ; on la roule autour d'un quart de noix d'arèque (sorte de palmier), et l'on mâche... On ajoute alors seulement une pincée de tabac, et sort abondamment un jus rouge sang qu'il est bon d'évacuer d'urgence si l'on ne veut pas jouer coeur sur carreau ! »

==

Pour compléter son annamitisation, on donne au Père un nom du pays : il devient *Cha Kim*, plus facile à prononcer pour les indigènes qu'un nom européen. *Cha* (qui se prononce *Kia* — heureusement !) signifie «Père», et *Kim* signifie «or». Il est donc «le Père d'or», ou «le Père en or» — ce qui lui va très bien!

Cha Kim se lance maintenant à corps perdu dans l'apostolat qui l'enthousiasme. Il achète une bicyclette pour rouler sur les pistes embourbées du delta du fleuve Rouge dont les eaux s'étendent à perte de vue. Peu lui importe de glisser, de tomber, de porter son vélo plus que celui-ci ne le porte, d'arriver crotté des pieds à la tête. Bientôt, il commence à prêcher, doutant d'être compris par ses auditeurs et craignant les fous rires... Mais non ! Il visite les missions environnantes, retrouvant des confrères connus naguère rue du Bac, accueilli partout avec joie et entrain ; il est stupéfait de constater quelle foi et quel courage il y a dans ces peuples si dépourvus de tout bien matériel, où la famille est solidement ancrée et unie autour du père et de la mère, où l'on prie, processionne, chante en chœur, avec les églises pleines à toutes les messes, qui commencent le dimanche à 4 h ½ du matin — et cela même en semaine dans certaines paroisses.

Profitant d'une occasion, le Père Seitz répond à l'invitation du Père Fourneuve de visiter sa mission chez les Muôngs, habitants de la montagne. Cela lui donnera une idée de ce que sera bientôt son propre milieu de vie.

Autant le delta, avec sa plaine immense, inondée à perte de vue, manque de pittoresque, raconte-t-il à ses parents, autant la montagne offre des sites remarquables. En grande partie cette région, beaucoup moins peuplée que le delta, est une succession de pics sauvages ; bizarrement déchiquetés et couverts jusqu'aux sommets d'une végétation exubérante. Parfois les pentes s'adoucisent, une vallée fertile se creuse, dans laquelle, en général, un colon français s'est installé : à perte de vue, ce sont alors d'immenses plantations de café, au milieu desquelles nous passons.

Les Muôngs qui habitent ces montagnes parlent un annamite un peu différent de celui de la plaine ; ce sont en général des gens paisibles, mais extrêmement superstitieux. Le climat étant assez malsain, leur tempérament s'en ressent.

trầu. Miếng trầu là một lá trầu xanh, phết qua 1 ít vôi, quấn quanh 1/4 quả cau và người ta nhai. Sau đó người ta thêm một ít thuốc lào. Khi nhai sẽ cho ra một ít nước đỏ như máu. Tốt nhất nên nhổ đi ngay, nếu không muốn bị ói .

==

Để hoàn tất việc Việt Nam hóa của cha, người ta đặt cho cha một tên Việt: cha trở thành cha Kim, từ này dễ phát âm hơn từ tiếng Pháp. Cha là ông cha, Kim là vàng, có nghĩa là cha “vàng” hoặc là “cha bằng vàng”. Điều này rất hợp với cha!

Cha Kim phấn khởi dấn thân vào việc tông đồ. Cha mua một chiếc xe đạp để đi trên những con đường sinh lầy ở châu thổ Sông Hồng, ngập nước mênh mông... Trượt, ngã, vác xe nhiều hơn là đạp xe, đến nơi, lem luốc từ đầu đến chân. Tất cả đều không quan trọng gì. Cha bắt đầu giảng dạy ngay, chỉ e rằng giáo dân không hiểu hay phá lên cười ... Nhưng không! Cha đi thăm những giáo xứ lân cận, gặp lại những anh em quen biết trước kia ở Rue du Bac. Nơi nào cha cũng được tiếp đón vui vẻ và hào hứng. Cha rất đỗi ngạc nhiên khi thấy một đức tin kiên vững, một lòng can đảm mãnh liệt nơi những người dân, mặc dù họ rất thiếu thốn về vật chất. Nơi đây gia đình được neo chặt và liên kết quanh người cha và người mẹ. Nơi đây người ta cầu nguyện, đi rước và đồng thanh ca hát. Các nhà thờ đông nghẹt trong các thánh lễ ngày Chúa Nhật, bắt đầu từ 4:30 sáng và ngay cả những ngày trong tuần, nơi một vài giáo xứ.

Lợi dụng một dịp may, đáp lại lời mời của cha Fourneuve, cha Seitz đã đi thăm vùng truyền giáo cho người Mường, những dân cư trên núi. Việc này đã cho cha một chút khái niệm về môi trường sống của cha mai sau, trong một tương lai gần.

Cha kể cho cha mẹ rằng dưới vùng châu thổ, đồng bằng bao la, lụt lội mênh mông, thiếu vẻ xinh đẹp bao nhiêu thì ở đây núi non hùng vĩ lại có những cảnh đẹp đặc biệt bấy nhiêu. Phần lớn vùng đất này ít dân cư hơn dưới vùng châu thổ. Đây là một chuỗi những đỉnh núi hoang dã, nham nhở kỳ lạ và được bao trùm bởi cây cối xum xuê đến tận đỉnh. Thành thoảng có những sườn núi thoải thoai, một thung lũng phì nhiêu xuất hiện và thường có một ông chủ người Pháp, chiếm cứ làm đồn điền. Đó là những đồn điền cà phê mênh mông, thẳng cánh cò bay. Chúng con đã đi qua những đồn điền đó .

Người Mường sống trong những miền núi này nói một thứ tiếng Việt khác với tiếng Việt dưới đồng bằng. Họ thường là những người hiền lành nhưng lại rất mê tín. Khí hậu rất độc hại. Tính khí của họ cũng chịu ảnh hưởng .

Le Père Fourneuve est fixé depuis plus de vingt ans en pleine montagne, dans une petite chrétienté fondée par lui ; de là, il rayonne sur un vaste district comportant plus de trente autres chrétientés. Son établissement dans cette région où le diable régnait en maître ne se fit pas sans difficultés. Un jour, craignant de voir son autorité diminuer si le Père ne disparaissait pas au plus tôt, un chef païen fit mettre de la strychnine dans le repas du missionnaire. Le boy du Père introduisit le poison dans un poulet qu'il devait servir et, pour être sûr de réussir, il en mit une forte dose. Sans méfiance, le Père Fourneuve découpe la volaille et porte un morceau à sa bouche ; mais la dose de strychnine était si forte que toute la viande avait un goût d'amertume insupportable. Sans avoir avalé, le Père crache le morceau et se rince la bouche... tout en accusant le boy d'avoir « sûrement crevé le fiel du poulet » !

Le chien du Père, entrant dans la pièce, flaire le morceau qui était à terre et... moins difficile que son maître, avale la bouchée sans faire de grimace. Quelques secondes après, il tombe raide mort. C'est alors que le Père, qui connaît assez les « us et coutumes » des Muôngs, comprend qu'il s'agit bel et bien de poison mortel et non de fiel crevé. « Assurément, pense-t-il, je vais y passer aussi, car j'ai absorbé assez de salive amère pour constituer une dose suffisante ! » Il est seul dans son poste. Le confrère le plus proche est à plus de vingt kilomètres. Pas le temps de le prévenir. Et le Père sent déjà ses jambes qui raidissent.

«Alors, puisque c'est pour le Bon Dieu que je meurs, songe le Père, je veux mourir à ses pieds, comme un petit chien fidèle. » Il se rend donc à la chapelle et s'étend sur les marches de l'autel, attendant la mort. L'engourdissement le saisit, il perd conscience. Mais voici qu'au milieu de la nuit, il se réveille — dans l'autre monde ? Non pas ! Sur les marches de l'autel, toujours. Il se tâte, il étire ses membres, regarde autour de lui : rien qui ressemble au Ciel. C'est la terre, c'est la nuit. Un peu vexé d'avoir manqué son coup d'entrer tout droit au Ciel en martyr, il se relève et achève sa nuit dans son lit, tout simplement.

Cha Kim raconte aussi à ses parents — sans doute pour qu'ils soient prêts à toute éventualité concernant leur Paul ! — qu'il y a d'autres ennemis dans la région: les tigres. Ils pullulent dans ces forêts, dit-il, et sont parfois d'une audace incroyable. L'un d'eux, bondissant d'un rocher voisin de la cure, s'abattit un jour sur le toit de la maison ; d'un second bond, il se jeta dans la cour, saisissait le chien du Père, et s'enfuyait avec sa proie.

Une autre fois, le tigre saisit un enfant entre ses griffes et s'enfuyait déjà, quand l'enfant, se sentant perdu, jeta le cri : « Jésus ! Maria ! » Le tigre lâcha l'enfant, qui en fut quitte pour la peur et de profondes égratignures.

Cha Fourneuve đã sống giữa núi đồi này hơn 20 năm trong một cộng đoàn nhỏ bé cha đã thành lập. Từ chỗ này, cha ra đi phụ trách một vùng rộng lớn gồm hơn 30 cộng đoàn tín hữu khác nữa. Cơ sở của cha trong vùng này, nơi quý vương ngự trị, cũng đã gặp nhiều khó khăn... Một ngày nọ, một tù trưởng ngoại giáo, sợ rằng quyền lực của mình bị suy giảm, nếu cha không sớm biến mất, nên đã tìm cách đầu độc vị thừa sai trong thức ăn. Chú bé giúp việc đã bỏ thuốc độc vào món gà mà chú bung lên cho cha. Và để cho chắc, chú đã bỏ vào một liều thuốc độc cực mạnh. Không một chút nghi ngờ, cha Fourneuve đã xắt con gà ra và đưa một miếng vào miệng. Nhưng vì liều thuốc quá mạnh nên miếng thịt đã có vị đắng ngắt. Cha không nuốt miếng thịt, cha nhổ ra và đi súc miệng. Cha cho rằng chú bé đã làm bẽ mặt con gà!

Con chó của cha vào trong phòng, ngửi miếng thịt ở dưới đất, và... dễ tính hơn chủ nó, nó đã nuốt ngay miếng thịt. Vài phút sau nó chết không kịp ngáp. Qua đó cha biết được thói quen và phong tục của người Mường. Cha hiểu ngay rằng đó chính là thuốc độc, chứ không phải là mật gà bị vỡ. Cha tự nhủ chắc chắn tôi cũng sẽ chết vì tôi đã nuốt một liều thuốc độc vừa đủ trong nước miếng. Cha ở một mình trong xứ của cha, cha bạn gần nhất cũng cách xa 20 cây số, không đủ thời gian để báo tin. Và cha cảm thấy chân tay cứng đờ.

Lúc đó cha tự nghĩ, vì tôi chết cho Chúa, nên tôi muốn chết dưới chân Ngài như một con chó trung thành. Cha vào nhà nguyện, nằm dài trên bậc bàn thờ và đợi chết. Chân tay tê cứng, cha bất tỉnh, Nhưng nửa đêm cha tỉnh dậy... phải chăng là trong một thế giới khác? Không! Cha vẫn nằm trên bậc bàn thờ, cha quờ quạng, duỗi chân duỗi tay ra và nhìn quanh: không có vẻ gì như ở trên trời. Đây vẫn là dưới đất, bây giờ là ban đêm. Hơi lúng túng vì đã mất dịp bay thẳng lên trời như một vị tử đạo, cha đứng dậy, lên giường và tiếp tục giấc ngủ bình an..

Có lẽ, để cha mẹ sẵn sàng chấp nhận mọi bất trắc có thể xảy ra cho Paul, con mình, cha Kim cũng kể cho cha mẹ biết có những kẻ thù khác ở trong vùng: đó là cọp.

Cha kể: cọp ló nhỏ trong rừng, nhiều khi chúng rất lì lợm. Có một con nhày từ tảng đá cạnh nhà xứ lên mái nhà, nhảy thêm cú nữa, nó vào trong sân, bắt con chó của cha rồi cuõm con mèo, chạy trốn mất.

Một lần khác, cọp chụp một đứa bé trong nanh vuốt của nó, rồi phóng đi. Khi đứa bé cảm thấy mình sắp chết, nó la lên Giêsu! Maria! Cọp liền buông đứa bé ra. Đứa bé thoát nạn, với mình đầy vết xước, và vẫn còn run vì sợ.

Le Père se fait donc un devoir de protéger ses chrétiens contre les méfaits d'une bête aussi terrible, et je crois qu'il ne doit pas être loin de la vingtaine de tigres abattus.

Pour rassurer les siens, Paul leur confie qu'il a lui-même hérité d'un fusil de chasse, et qu'il compte bien s'en servir ! Il leur décrit aussi son cadre de vie et nous renseigne nous-mêmes sur les origines de sa mission:

Ké-So est un gros village de plus de cinq mille âmes, entièrement catholique. Il a une belle histoire dans les annales de la chrétienté et, que tous ses habitants soient venus à la vérité, nul doute que ce soit une récompense du Ciel. En effet, il y a un demi siècle environ (soit, à la fin du dix-neuvième siècle), les choses n'allaient pas ici aussi bien que maintenant : c'était la persécution à outrance. Missionnaires et chrétiens étaient traqués, emprisonnés, mis à mort. L'évêché — si évêché l'on peut dire, tant étaient misérables les « cagnas » qui servaient de refuge ! — était dans un autre village, au centre du delta. Les mandarins, voulant en finir une bonne fois avec la « religion perverse », firent cerner un jour ce village. Fort heureusement, les missionnaires et bon nombre de chrétiens avaient pu fuir à temps. Les soldats brûlèrent toutes les maisons, abattirent tous les arbres. Après quoi, toute trace du « village infâme » ayant disparu, les champs des chrétiens furent distribués aux païens et, dans le royaume, on proclama que pareil sort était réservé à tout village qui oserait donner asile aux « diables étrangers ». Les missionnaires ne savaient que devenir, et tous auraient été pris à brève échéance si Ké-So, bravant la défense des mandarins, ne s'était offert pour les recevoir. Le village, il est vrai, était admirablement situé pour oser se livrer à ce jeu dangereux. Construit au pied des montagnes sauvages, il suffisait, en effet, de passer une rivière pour trouver de suite un refuge aussi inviolable. Les chrétiens faisaient bonne garde : dès que l'alerte était donnée, les missionnaires disparaissaient, et les mandarins enquêteurs en étaient pour leurs frais ! Pendant de longues années, les chrétiens du village, que la Providence aidait visiblement, purent ainsi contribuer à sauver la mission du naufrage. Quand, après la conquête par les Français, le calme fut venu, l'évêque fixa sa résidence en ce lieu, et c'est alors que ce qui restait de païens dans cet endroit demanda à se convertir. Depuis lors, Ké-So est resté un centre bien fervent.

Mais il y a encore bien des conversions à obtenir dans ce pays, et le Père Seitz poursuit ses explorations. Il va, en compagnie de deux autres Pères, visiter une grande pagode aménagée dans une immense grotte naturelle, au milieu d'un site exceptionnel. Cent marches à monter pour y accéder. Un « très aimable bonzillon », comme il l'appelle, muni d'une torche, leur fait parcourir l'antre

Cha thấy có bốn phận phải bảo vệ con chiến mình chống lại loài ác thú ghê gớm kia, và, con nghĩ, chắc hẳn cha đã giết gần hai chục con cọp.

Để trấn an người thân, cha Seitz kể rằng cha đã được tặng một cây súng săn và cha sẽ không ngần ngại sử dụng nó. Cha cũng tả về khung cảnh sống của cha và nhờ đó, chúng ta biết được nguồn gốc sứ vụ của cha.

Kẻ Sở là một ngôi làng lớn, có hơn 5.000 dân, toàn tòng Công giáo. Kẻ Sở có một lịch sử oai hùng trong tập san Kitô giáo. Việc mọi cư dân đều tìm về chân lý đúng là một phần thưởng Trời ban. Điều này không ai chối cãi được. Thực ra cách đây nửa thế kỷ (khoảng cuối thế kỷ 19) tình thế không tốt đẹp như bây giờ. Đó là thời kỳ bắt đạo khủng khiếp. Các thừa sai và các tín hữu bị lùng bắt, bị giam tù và bị giết chết. Tòa Giám mục - Nếu có thể gọi là Tòa Giám mục - thực ra chỉ là những lều trại tồi tàn dùng làm nơi trú ẩn. Tòa giám mục ở trong một ngôi làng khác giữa vùng châu thổ. Vua quan muốn dứt điểm "Tà đạo" một lần cho xong, nên một ngày nọ họ đã cho bao vây dân làng. Rất may là các thừa sai và phần đông giáo dân đã có thể chạy trốn kịp thời. Linh tráng đốt hết nhà cửa, chặt phá cây cối. Sau đó tất cả dấu vết của "ngôi làng ô nhục" bị xóa hết. Ruộng vườn của người Công giáo được chia cho Lương dân và trong cả nước người ta công bố làng nào dám che giấu "những con quý nước ngoài" cũng sẽ cùng chung số phận. Các vị thừa sai không biết số phận sẽ ra sao và tất cả đã có thể bị bắt ngay, nếu Kẻ Sở đã không tiếp đón các ngài, mặc cho lệnh cấm của vua quan. Thực ra, ngôi làng đã dám chơi trò chơi nguy hiểm này là nhờ vào vị trí tuyệt vời của nó. Được xây dựng dưới chân những dãy núi hoang dã, nên chỉ cần vượt qua một con sông là có thể tìm ngay được một nơi trú ẩn an toàn. Giáo dân canh gác cẩn mật. Ngay khi báo động, các thừa sai liền trốn mất dạng. Và các quan lùng sục chỉ tốn công vô ích! Trong nhiều năm, giáo dân trong làng, nhờ Chúa Quan Phòng rõ rệt, đã góp phần cứu nguy việc truyền giáo. Sau cuộc chinh phục của người Pháp, khi tình hình yên tĩnh trở lại, Đức Cha đã đặt Tòa Giám mục ở đây. Lúc đó những lương dân còn lại trong vùng cũng xin tòng giáo. Từ đó Kẻ Sở luôn là một trung tâm rất sùng đạo.

Nhưng còn có rất nhiều cuộc trở lại đạo cần đạt được trong vùng này và cha Seitz đang cố gắng thăm dò. Cùng với hai cha khác, cha đi thăm một ngôi chùa nằm sâu trong một hang động tự nhiên rộng lớn, giữa một khung cảnh tuyệt vời. Phải leo 100 bậc để lên tới nơi. Một vị sư trẻ, mà cha gọi là "một sư con dễ mến" cầm đuốc dẫn các cha xuống một hang sâu dưới đất. Nơi đây có nhiều tượng

souterraine, peuplée d'énormes génies à la face terrible, de bouddhas ventrus, d'autels sur lesquels l'encens fume et clignotent des veilleuses. L'accueil déférent des bonzes et des jeunes novices l'étonne, mais il est frappé de l'expression fermée de leurs visages sombres, de leurs yeux apeurés reflétant une leur trouble qu'on ne rencontre — lui diront plus tard les Pères qui l'accompagnent — que chez les païens consacrés au culte des idoles. Et ce qui est extraordinaire — lui disent-ils aussi, — c'est qu'il suffit de la grâce du baptême pour effacer à jamais cette expression ; il y a ainsi, dans la communauté de Ké-So un vieux serviteur fervent qui fut bonze durant plus de trente ans ; ses yeux sont limpides et les traits de son visage parfaitement apaisés.

Nous sommes maintenant en 1938, et des bruits de guerre grondent de plus en plus sournoisement. En Europe, bien sûr. Mais également — et non sans liens — en Extrême-Orient, et les Français sont en état d'alerte. Les Japonais se montrent agressifs à l'égard de l'immense Chine : envisageraient-ils de s'emparer aussi du Vietnam ? Peut-être les Annamites les préféreraient-ils aux Chinois, dont ils ont subi un joug écrasant durant des siècles ; mais ils se sont aperçus que les Français leur avaient apporté une liberté inestimable et une prospérité qui leur était jusque là inconnue ; ils n'accueilleraient donc plus de gaieté de coeur ces Japonais qui, bien que proches par la race, viennent cependant de s'emparer indûment et cruellement de la Corée.

Ces périls en perspective n'empêchent pas les missionnaires de poursuivre leur travail. Durant les mois d'été, le Père Seitz dirige une colonie de vacances au bord de la mer, à Ba-Lan ; puis il part pour Hué, d'où il grimpera dans la montagne, à 1 300 mètres d'altitude, comme aumônier d'un camp-école de scouts. Cela lui convient parfaitement ! Il crapahute dans la jungle, découvre la forêt vierge, ses serpents, ses épineux, ses lianes enchevêtrées et ses arbres gigantesques, ses pluies torrentielles, ses ravins, ses torrents et ses cascades de 300 mètres : rien ne l'arrête. Ce qui lui plaît, c'est l'enseignement aux scouts, l'apostolat sans fard auprès de ceux qui ne croient pas encore, la préparation au baptême ou à la promesse scout.

Hué, au sud d'Hanoï à dix ou quinze heures de chemin de fer — suivant la bonne volonté des conducteurs, — est la capitale résidentielle de l'empereur d'Annam, Bao Dai. Le Père Seitz profite de son passage pour visiter le palais et la ville, riches et superbes, avant de reprendre le train pour Mân-Son où il aura droit à quatre semaines de repos bien mérité.

*Cô-Liêu : second poste
(septembre 1938-janvier 1939)*

thần to lớn, khuôn mặt dễ sợ, có những tượng Phật to bụng, những bàn thờ, khói hương nghi ngút và những đèn châu nhấp nháy. Cha ngạc nhiên về việc tiếp đón kính cẩn của các nhà sư và các chú tiểu. Nhưng cha kinh ngạc về dáng vẻ khép kín của những khuôn mặt tối sẫm, của những con mắt sợ sệt, phản ánh một tâm tư mờ ám mà người ta chỉ nhìn thấy nơi những người ngoại giáo tôn thờ các ngẫu tượng. Sau này các cha đi với cha kể lại cho cha như vậy. Điều kỳ diệu là các cha cũng nói với cha là chỉ cần ơn Thanh tẩy để xóa hết sạch những tâm tư này. Trong cộng đoàn Kê Sở cũng có một ông giúp việc già, rất đạo đức, đã từng là nhà sư hơn 30 năm...Đôi mắt ông rất trong sáng và nét mặt ông hoàn toàn bình thản.

Chúng ta đang ở vào năm 1938, càng lúc càng có nhiều tin đồn râm ran về chiến tranh ở Âu Châu, nhưng cũng có liên hệ đến vùng Viễn Đông. Người Pháp sống trong tình trạng báo động. Người Nhật muốn tấn công Trung Quốc. Liệu họ có tính xâm chiếm Việt Nam không? Có lẽ người Việt thích người Nhật hơn người Tàu. Người Việt đã sống dưới ách nô lệ của người Tàu nhiều thế kỷ. Họ nhận ra rằng người Pháp đã đem đến cho họ một sự tự do cao quý và một sự phát triển chưa từng có. Vì vậy, chưa chắc họ sẽ vui vẻ đón tiếp người Nhật, mặc dầu hai nước rất gần nhau, xét theo khía cạnh chủng tộc. Nhất là vì người Nhật vừa xâm chiếm Triều Tiên cách trái phép và tàn bạo.

Những hiểm nguy sắp tới này không ngăn cản các thừa sai tiếp tục hoạt động. Trong các tháng hè cha Seitz đã tổ chức trại hè bãi biển tại Ba Làng. Sau đó cha đi Huế. Từ Huế, cha leo núi, ở độ cao 1300 mét, làm tuyên úy cho trại huấn luyện hướng đạo. Điều này rất hợp với cha. Cha len lỏi vào rừng rậm, khám phá rừng nguyên sinh. Rắn rết, gai nhọn, dây leo chằng chịt, những cây cổ thụ, những trận mưa lũ, những thung lũng, những ghềnh thác cao đến 300 m. Không gì có thể ngăn cản bước chân cha. Cha thích huấn luyện hướng đạo, đơn sơ giảng dạy những người chưa tin, giúp chuẩn bị lãnh phép rửa tội hoặc chuẩn bị tuyên hứa hướng đạo. Huế nằm ở phía Nam Hà Nội, cách xa từ 10 đến 15 giờ xe lửa, tùy theo ý muốn của người lái tàu. Huế là kinh đô và là nơi cư ngụ của hoàng đế Bảo Đại, xứ An Nam. Cha Seitz lợi dụng dịp ở Huế, để đi thăm thành phố và các cung điện nguy nga, sang trọng trước khi đi xe lửa về Mân Sơn (Lạng Sơn), nơi cha sẽ nghỉ ngơi 4 tuần lễ.

*Cô Liêu: nhiệm sở thứ hai
(từ tháng 9/1938 đến tháng giêng 1939)*

Dès son retour à Hanoï, le Père Seitz est convoqué par son vicaire apostolique qui lui assigne son nouveau poste : Cô-Liêu, à mi-chemin entre Ké-So, où il était auparavant, et Hanoï. Il a reçu une formation accélérée, tant pour la langue que pour l'apostolat en milieu annamite, et il va être maintenant seul desservant d'une mission isolée ; il y arrive, un soir de septembre 1938, en poussant sa bicyclette sur une vague digue tortueuse, étroite, boueuse, d'où l'on ne voit que des rizières à perte de vue.

Dans un îlot de bambous, un clocher apparaît dont les cloches se mettent à sonner à la volée, tandis qu'il pénètre, seul, dans son église. Son catéchiste est arrivé la veille et la population a été prévenue, mais elle ne se manifesterait que le lendemain dimanche : à la messe, d'abord, puis dans l'après-midi où des délégations défilent : groupe des notables, groupe des jeunes gens, groupe des vieilles femmes, etc., chacune apportant un large plateau chargé de fruits et de bétel. Dignement, le Père invite chacun à s'asseoir ; le porteur des présents débite un petit compliment, qui est écouté non moins dignement, et auquel le Père répond par quelques mots de remerciements. Après quoi, chacun prend une chique de bétel, on palabre, et la délégation se retire, faisant place à la suivante; et la sympathique cérémonie recommence.

Mais que faire de tous ces fruits qu'on vient de lui offrir ? se demande le Père... Eh bien ! c'est très simple : tous les gamins du village connaissent le cérémonial: ils sont tous là, eux aussi, accroupis et entassés dans la cour ; et ils attendent pour déguster avidement toutes les bonnes choses apportées par papa et maman!

Même s'il n'est pas « curé » en titre, le jeune missionnaire va en assurer la fonction, sous la surveillance bienveillante d'un prêtre annamite qui réside au hameau voisin, et a pour consigne de laisser toute latitude, toute liberté à son vicaire, pour lui apprendre à voler de ses propres ailes, n'intervenant qu'en cas de difficulté. Enfin, le Père Seitz a gardé auprès de lui son précieux catéchiste qui continue à lui donner des cours de langue, qui ne sont pas superflus. L'horaire quotidien est donc tout de suite minuté et bien rempli, de 5 h du matin à 21 h 30. Car à 5 h du matin, la cloche sonne le lever. Et non seulement pour le missionnaire, mais pour toute la communauté chrétienne du village : six cents âmes environ. C'est encore la nuit noire en cette saison et, dans les misérables huttes de terre battue et de chaume, l'on s'étire sur la dure couche de bois. S'habiller et faire sa toilette est vite expédié, puisque les Annamites dorment tout habillés et ne font de toilette que les grands jours, ou lorsque vraiment ils se sentent trop crasseux.

Un quart d'heure après, les premiers chrétiens sont à l'église : la cloche sonne alors l'angélus et le chef de paroisse élu, le « *Trum* », un notable qui tient à la

Vừa về đến Hà Nội, Cha Seitz đã được đại diện tông tòa vời đến và trao cho một nhiệm sở mới: Cổ Liêu, nằm giữa đường từ Kê Sô đi Hà Nội. Cha đã học cấp tốc, cả ngôn ngữ lẫn việc truyền giáo trong môi trường Việt Nam, và bây giờ cha phải một mình, đảm trách một giáo xứ riêng biệt. Một chiều tháng 9 năm 1938, cha đạp xe trên một con đê mờ mịt, gập ghềnh, chật hẹp, sình lầy. Đứng trên đê chỉ thấy những cánh đồng lúa bạt ngàn.

Giữa lũy tre xanh nhô lên một tháp chuông giáo đường. Chuông đổ liên hồi khi cha một mình bước vào nhà thờ. Một thầy giảng đã đến báo tin hôm trước, nhưng giáo dân chỉ tụ tập vào ngày chúa nhật hôm sau. Trước tiên họ tham dự thánh lễ, rồi buổi chiều từng đoàn thể lũ lượt đến gặp cha: các trùm trưởng, giới trẻ, giới các bà ... mỗi nhóm đều mang theo một mâm đầy trái cây và trà. Cha trịnh trọng mời mọi người ngồi. Người mang lễ vật nói lời chúc mừng. Cha lắng tai nghe và đáp lại bằng đôi lời cảm ơn chân thành. Sau đó mỗi người ăn một miếng trà, người ta nói chuyện rôm rả, rồi đi ra, nhường chỗ cho đoàn thể khác và nghi thức thân thương lại bắt đầu lại.

Nhưng cha tự hỏi phải làm gì với những trái cây họ biếu kia? A ! đơn giản thôi! Bọn trẻ biết rõ nghi thức này. Chúng tụ họp trong sân, ngồi xôm, chờ đợi thưởng thức những của ngon vật lạ mà cha mẹ chúng đã đem đến .

Mặc dù không phải là cha xứ chính thức, vị thừa sai trẻ vẫn thi hành nhiệm vụ, dưới sự giám sát yêu thương của một linh mục Việt Nam ở làng bên. Cha này được khuyến cáo dành tự do rộng rãi cho cha phó (cha Seitz), để cha phó tập bay bằng chính đôi cánh của mình, chỉ can thiệp trong những tình huống khó khăn. Cha Seitz đã giữ lại ông thầy giảng quý báu của cha. Ông này tiếp tục giúp cha học tiếng, điều này không thừa. Thời khóa biểu hằng ngày được sắp xếp ngay và kín mít từ 5 giờ sáng đến 21 giờ 30. Đứng 5 giờ sáng chuông báo thức dậy, không những cho vị thừa sai mà còn cho cả cộng đồng giáo xứ trong làng, khoảng 600 người. Mùa này trời vẫn còn tối. Trong những ngôi nhà tranh vách đất, họ duỗi tay duỗi chân trên những giường gỗ cứng. Họ thay quần áo và vệ sinh cá nhân vội vã, vì người Việt mặc nguyên quần áo khi ngủ và họ chỉ tắm những ngày trọng đại hoặc khi cảm thấy thực sự dơ bẩn.

Mười lăm phút sau, những giáo dân đầu tiên đã đến nhà thờ. Chuông Truyền Tin vang lên. Người đứng đầu giáo xứ là ông trùm. Viên chức này vừa làm ông

fois du sacristain et du catéchiste, commence la prière que tous reprennent à haute voix — car aucun exercice public ne saurait se faire à voix basse. Pour les petits enfants, crier très fort est le signe le plus certain de la ferveur, constate le Père, qui admire aussi que ce n'est pas une petite prière pour chrétiens attédis et pressés de se livrer aux affaires du monde : on prie durant trois quarts d'heure, avec litanies et chapelet en entier.

Après quoi, c'est la messe : elle est dialoguée avec un groupe de jeunes filles qui suivent les mouvements du prêtre, qui chantent, qui récitent, qui lisent des prières explicatives, et entraînent le reste des fidèles. À cette messe en semaine, il y a au minimum cent à cent cinquante assistants, constate le Père, et la presque totalité des enfants. La messe terminée, il y a encore action de grâces en commun pour ceux qui ont communiqué, et qui ne sont pas moins de cinquante ou soixante.

Puis l'église se vide, mais il y a encore quelques vieilles personnes, hommes ou femmes, qui prolongent par un chemin de croix ou un exercice pieux.

S'il devait y avoir une persécution, ceux-ci feraient sans aucun doute des martyrs splendides, comme il y en eut tant autrefois, pense le missionnaire, qui poursuit le programme des journées : Midi : l'angélus sonne. Il ne sonne pas seulement pour que l'on dise : « Tiens ! c'est midi ! » — comme trop souvent chez nous, hélas ! — mais pour inviter à la prière. Et dans le village, on s'agenouille et l'on prie. Évidemment il n'est pas question de respect humain, car cette maladie mentale est l'apanage des Occidentaux seuls ; en Orient, on ignore le respect humain.

17 h : la cloche retentit de nouveau : c'est la prière spéciale pour les enfants, qui emplissent l'église de leurs voix ferventes et vibrantes.

19 h 30 : il fait nuit et, au son du tambourin, les chrétiens sont de nouveau appelés à l'église pour la prière du soir ; elle ne se terminera qu'à 20 h 15. La cloche sonnera alors l'extinction des feux, et chacun rentrera dans sa case, le cœur en paix.

Le Père a pu calculer qu'en guère plus de trois mois, il a distribué sept mille communions à ses six cents chrétiens. Ils sont fervents, reconnaît-il. Leur foi est simple, mais sincère. Assez fréquemment, il va porter la communion à des malades, et tout se passe solennellement selon les prescriptions du rituel.

Le Trum attend le prêtre à la porte de l'église et l'abrite aussitôt d'un grand ombrellino ; deux enfants de chœur revêtus de leur soutanelle rouge précèdent, portant des cierges allumés ; à quelques pas devant marche un crieur frappant du tambourin, assurant la voie libre. Suit alors une foule de chrétiens en prière.

từ vừa dậy giáo lý. Ông bắt đầu đọc kinh và mọi người lớn giọng đọc theo, vì kinh nguyện chung nào cũng đọc lớn tiếng. Cha nhận thấy rằng, đối với trẻ em, đọc kinh to chính là dấu hiệu đạo đức rõ ràng nhất. Cha cũng cảm phục rằng đây không phải là buổi cầu nguyện ngăn cho những giáo dân nguội lạnh hay vội vã việc đời: người ta đọc kinh 45 phút vừa đọc kinh cầu vừa lần hạt đủ 50 kinh.

Sau đó là thánh lễ. Một nhóm thiếu nữ dõi theo những cử điệu của linh mục và đối đáp, ca hát, xướng và đọc những kinh diễn giải (ND: thời đó thánh lễ còn bằng tiếng la tinh) lời kéo cả cộng đoàn tín hữu. Cha ghi nhận lễ ngày thường có ít nhất từ 100 đến 150 người tham dự và hầu hết toàn bộ các trẻ em đều có mặt. Sau khi thánh lễ kết thúc, còn có đọc kinh cảm ơn rước lễ cho những người đã rước lễ. Ít nhất có từ 50 đến 60 người.

Cuối cùng giáo dân ra về, nhưng vẫn còn một số ông bà già tiếp tục đi dâng thánh giá hoặc cầu nguyện riêng.

Vị thừa sai tự nghĩ nếu có bắt đạo như ngày xưa, chắc chắn những người này sẽ là những vị tử đạo hiển vinh như bao nhiêu những vị tử đạo khi xưa. Cha tiếp tục chương trình trong ngày:

Mười hai giờ trưa: chuông truyền tin, không phải chỉ để báo: Đây, trưa rồi- như thường xảy ra ở quê ta - nhưng còn là để mời cầu nguyện. Ở trong làng, người ta quỳ gối và đọc kinh. Tuyệt nhiên không có vấn đề sợ dư luận. Vì căn bệnh này là của riêng người Âu châu, bên Đông Phương người ta không sợ dư luận.

17 giờ, chuông nhà thờ lại vang lên. Đây là buổi cầu nguyện đặc biệt của trẻ em. Nhà thờ vang vọng lời kinh sốt sắng và rung cảm.

19:30 trời tối. Khi nghe tiếng trống, giáo dân lại được mời đến nhà thờ để đọc Kinh Tối. Buổi cầu nguyện kết thúc lúc 20:15. Chuông lại vang lên báo hiệu giờ tắt đèn và mỗi người trở về nhà tranh của mình, tâm hồn an bình.

Cha đã nhằm tính: chỉ trong vòng hơn 3 tháng, cha đã ban phát hơn 7000 Minh Thánh cho 600 giáo dân của cha. Đức tin của họ thật đơn sơ nhưng chân thành. Cha cũng thường đem Minh Thánh cho bệnh nhân. Nghi thức rất sốt sắng như trong sách luật.

Ông trùm đợi cha ở cửa nhà thờ, che lọng cho cha. Hai cậu giúp lễ, mặc áo đỏ, cầm nến sáng đi trước. Một người đánh trống đi trước, cách vài bước để dọn đường. Sau đó là một đám đông giáo dân đi theo và đọc kinh. Tại nhà bệnh nhân, tất cả được chuẩn bị chi tiết và chu đáo. Giáo dân vào nhà và quỳ tụ cả ở

À la maison du malade, tout est préparé comme il convient, personne n'ignorant ces choses élémentaires. La foule entre et déborde à l'extérieur. Tous à genoux prient et font l'action de grâces avec le malade.

Combien sont émouvantes ces communions de malades — souvent des moribonds misérables, — au point du jour, dans ces maisons pauvres et dénudées !

Mais Cô-Liêu n'est qu'un poste de transition. Le 18 janvier 1939, le Père Seitz se joint à la retraite communautaire prêchée à Hanoï par un jésuite, le Père Valensin, retraite qu'il suit avec grand intérêt et sur laquelle il prend des notes précieuses : sur les devoirs du prêtre et ses exigences, en particulier sur sa dévotion pour la sainte messe ; sur les sacrements, le sacrement de pénitence, en particulier, qu'il doit exercer malgré ses déficiences dans la langue locale, mais en pensant aussi à ses chutes possibles ; sur la vocation missionnaire et la cause qu'il sert : celle du Christ ; enfin et surtout sur l'exercice de la présence de Dieu, réelle, physique, et sur les fruits de cette pratique, sur nous-mêmes et sur les âmes.

C'est au terme de cette retraite que, le 25 janvier 1939, le Père Seitz se voit confirmer par son vicaire épiscopal, Mgr Chaize, sa nomination de vicaire à la cathédrale d'Hanoï.

Vicaire à la cathédrale de Hanoï (janvier 1939)

Hanoï n'est déjà plus une mission inconnue pour le Père Seitz ; il y est passé et repassé au cours de ses diverses pérégrinations, et les missionnaires se connaissent tous. Le curé de la cathédrale est le Père Villebonnet, souvent sur les routes lui aussi ; il est assisté de plusieurs prêtres qui viennent, occasionnellement, des divers services diocésains voisins. Le Père Seitz va tout de suite être nommé — sans surprise — responsable de la jeunesse, des scouts, en particulier de la formation des chefs, mais également des jeunes de l'Action catholique ; il va s'y donner à cœur joie et être tout de suite adopté par tous. Son entrain, son sourire, sa fermeté aussi, lui vaudront l'estime générale, sans parler des idées qui fusent de son esprit dans toutes les directions.

bên ngoài. Mọi người quỳ gối cầu nguyện và đọc kinh tạ ơn cùng với người bệnh.

Những buổi rước lễ của các bệnh nhân thật rất cảm động - thường là những người hấp hối nghèo khổ, được rước Chúa vào lúc rạng đông trong những ngôi nhà nghèo khó và trống trải.

Nhưng Cô Liêu chỉ là nhiệm sở trung chuyển. Ngày 18 tháng Giêng năm 1939 cha Seitz tham dự buổi tĩnh tâm chung tại Hà Nội do cha Valensin, Dòng Tên, thuyết giảng. Cha rất quan tâm buổi tĩnh tâm này và cha ghi chú cẩn thận: Cuộc tĩnh tâm nhấn mạnh đến bốn phận của linh mục, đặc biệt là việc dâng thánh lễ, đến các bí tích, nhất là bí tích hòa giải mà linh mục phải thực hiện, mặc cho những hạn hẹp về ngôn ngữ địa phương, đồng thời cũng cần nghĩ đến những sa ngã có thể xảy ra cho chính mình, đến ơn gọi thừa sai và nguyên do mình phục vụ: đó chính là Đức Kitô. Cuối cùng là thực hành sự hiện diện của Thiên Chúa, hiện diện đích thực và hữu hình, và về những thành quả của việc thực hành này trên chính chúng ta và trên các linh hồn.

Chính sau khi kết thúc cuộc tĩnh tâm này, ngày 25 tháng giêng năm 1939, mà cha Seitz đã được vị đại diện tông tòa, đức cha Chaize bổ nhiệm làm cha phó nhà thờ chính tòa Hà Nội.

Phó xứ nhà thờ chánh tòa Hà Nội. (Tháng Giêng 1939)

Hà Nội không còn phải là một giáo phận xa lạ đối với cha Seitz. Cha đã đi đi về về trong nhiều chuyến công tác và tất cả các thừa sai đều quen biết nhau. Cha xứ nhà thờ chính tòa, cha Villebonnet, cũng thường đi công tác. Thịnh thoảng cũng có các cha, từ nhiều bộ phận công tác của các giáo phận lân cận, đến giúp ngài.

Không ai ngạc nhiên về việc cha Seitz được bổ nhiệm ngay vào việc phụ trách giới trẻ, các hướng đạo sinh và đặc biệt là đào tạo các trưởng cũng như thiếu niên Công giáo tiến hành. Cha vui vẻ dấn thân vào công việc và được mọi người yêu mến. Về hào hứng, nụ cười tươi, cũng như tính kiên quyết của cha đã làm mọi người khâm phục. Chưa kể bao nhiêu ý tưởng mà cha đưa ra trong mọi lãnh vực.

Ba-Vi

Le camp du mois de juillet 1939 va connaître une activité particulière, qui sera à l'origine d'une étonnante oeuvre de formation de la jeunesse: le Ba-Vi. Son premier principe d'action est qu'il faut agir sans attendre que des temps meilleurs et moins incertains soient venus.

J'ai compris, en effet, que toute vie serait rendue inutile, toute action stérilisée dans son principe même, si on voulait avoir en main, pour commencer à agir, toutes les chances de réussite. Pour gagner, il faut savoir perdre parfois... et risquer souvent ! N'est-ce pas ce que le Christ nous enseigne dans l'Évangile lorsqu'il dit : « Celui qui perdra sa vie la sauvera » ? Il s'agit là du beau risque de la foi.

Du cadre du Ba-Vi où s'est déroulé le camp scout de l'été dernier, il a gardé une sorte de nostalgie, une sorte même d'intuition qu'il faut trouver, dans les hauteurs de ce majestueux massif montagneux et sauvage, un emplacement où l'on pourrait bâtir quelques huttes de branches, de bambous et de feuillages propices aux camps, et qui pourrait même devenir un centre de formation et d'éducation pour les cadres de l'Action catholique et pour les enfants.

Il s'ouvre de son projet à son évêque qui, très ouvert mais prudent, lui demande que cela ne nuise pas à ses devoirs de vicaire, d'une part, et d'autre part ne prenne pas sur la caisse de la mission. À lui de prendre ses responsabilités.

Ça, il sait faire ! Il commence donc par profiter d'une occasion pour acheter une vieille Simca, qu'un missionnaire en partance lui laisse « à prix d'ami » — 8 000 F, — alors qu'il a des acheteurs pour 15 000. Le Père Seitz a en tout et pour tout 1 000 F en caisse ; son curé accepte d'en payer 4 000, « à condition de pouvoir en bénéficier à l'occasion » — clause qui ne sera jamais appliquée... Il propose au Père procureur de la mission de lui avancer « sous forme d'hypothèque » les 3 000 qui manquent — qui ne seront jamais réclamés, espère-t-il. L'affaire est conclue, et voilà comment, soupire-t-il d'aise, dès la fin de l'année 1939, j'étais nanti de l'instrument de travail qui devait me permettre de lancer l'oeuvre de Ba-Vi. Depuis lors, reconnaîtra-t-il plus tard, bien des voitures me sont passées par les mains et des dizaines de milliers de kilomètres ont été parcourus.

Le seuil du massif du Ba-Vi n'est qu'à 63 km d'Hanoi ; la route est vite parcourue. Mais là, les difficultés commencent. Au cours du camp de Noël, le Père, accompagné de quatre routiers, explore la forêt inextricable, escalade les

Ba Vi

Trại hè tháng 7 năm 1939 sẽ là một hoạt động đặc biệt. Ba Vi sẽ là khởi đầu của việc đào tạo nổi bật dành cho giới trẻ. Nguyên tắc hành động đầu tiên của cha là phải bắt đầu vào việc ngay, không cần đợi đến lúc thời gian thuận tiện hơn hay chắc chắn hơn.

Thực ra, tôi đã hiểu rằng mọi cuộc sống sẽ nên vô ích, mọi hành động sẽ cứng nhắc trong chính nguyên tắc của nó, nếu, trước khi bắt đầu hành động, người ta muốn có trong tay mọi cơ may để thành công. Để thắng đôi khi phải biết thua và... thường là phải biết liềm. Phải chăng Chúa Giêsu đã dạy chúng ta như vậy trong Tin mừng khi ngài nói: “ Ai liềm mất mạng sống thì sẽ giữ lại được ”. Đây chính là sự liềm linh can trường của Đức Tin.

Nhớ về khung cảnh Ba Vi, nơi diễn ra trại hè hướng đạo vừa qua, cha như thấy trước việc phải tìm ra, trên những dãy núi cao hùng vĩ và hoang dã này, một nơi có thể dựng một vài căn chòi bằng gỗ, bằng tre, bằng lá để tiện việc cắm trại. Và thậm chí cũng có thể để trở thành trung tâm đào tạo và giáo dục các trường Công giáo tiến hành và thiếu nhi.

Cha trình bày dự án này với giám mục. Ngài tán thành nhưng rất thận trọng; Ngài bảo cha là đừng để việc đó ảnh hưởng đến bốn phận phó xứ của cha hay tổn kém ngân quỹ của giáo phận. Rồi Ngài để cho cha tự quyết định.

Và cha đã quyết định! Lợi dụng dịp may có được, cha mua một chiếc xe Simca cũ mà một cha thừa sai, sắp đi xa, để lại cho cha với giá hữu nghị là 8000 quan, trong khi có những người khác trả 15.000 quan. Cha Seitz chỉ có vốn vụn 1000 quan trong túi. Cha sớ đồng ý trả 4.000 quan - với điều kiện ngài có thể sử dụng khi cần, tuy điều khoản này chẳng bao giờ được áp dụng. Cha đề nghị cha quản lý giáo phận ứng cho cha 3000 quan cha còn thiếu, dưới dạng thế chấp, với hy vọng cha sẽ không bao giờ bị đòi. Vậy là việc mua xe kể như xong.

Cha thờ phào sung sướng: và thế là làm sao từ cuối năm 1939, tôi đã có phương tiện làm việc. Nhờ vậy, tôi có thể tiến hành công trình ở Ba Vi. Sau này cha nhận định: từ đó rất nhiều xe đã qua tay tôi và tôi đã lái hàng chục ngàn cây số.

Chân dãy Ba Vi chỉ cách Hà Nội 63 cây số. Đi trong chốc lát là đến. Nhưng sau đó, khó khăn bắt đầu. Trong dịp trại Giáng sinh, cùng với bốn tráng sinh, cha đã khảo sát khu rừng chằng chịt, đã leo những dốc thẳng đứng, đã đi tới một địa

pententes abruptes, et atteint une sorte de nid d'aigle formant presque un plateau, d'où, grimpé sur un arbre, il découvre une vue imprenable sur la plaine immense, 800 mètres plus bas.

C'est là ! C'est l'endroit que Dieu a préparé de toute éternité pour y établir le camp des jeunes Indochinois et les former pour devenir des chefs, des chrétiens surtout.

Ce massif est propriété du gouvernement général de l'Indochine ; la forêt qui le couvre est une réserve forestière, c'est-à-dire qu'on ne peut y abattre aucun arbre. Qu'à cela ne tienne ! Acheter, défricher, construire — sans un sou, évidemment : qu'à cela ne tienne, encore ! Les démarches bureaucratiques seront inextricables, épuisantes plus encore que ne l'est l'ascension de cette montagne. Le missionnaire intrépide passe par-dessus les règlements, frappe aux portes ; il consulte un administrateur du territoire sur lequel se trouve le mont Ba-Vi qui lui glisse à l'oreille : « Laissez tomber ces messieurs des bureaux de Hanoï, coupez, coupez, faites votre plan... Ils n'iront pas voir ce qui se passe là-haut ! » Près de prendre sa retraite, ce monsieur se désintéresse manifestement de l'affaire, et plus encore des ennuis que cela pourrait bien valoir au Père ; mais celui-ci trouve le conseil à son goût et, sans oser demander d'autorisation écrite, il fonce. Il trouve un colon qui lui prête ses coolies pour ouvrir un sentier, couper les lianes, les bambous, les arbres gigantesques qui serviront aux constructions. Le Père met la main à l'ouvrage : armé d'un coupe-coupe, il défriche avec ardeur, entraînant ses hommes. En quelques mois, une superficie de deux hectares est défrichée et forme un lieu de camp idéal, puis un périmètre est dessiné sur près de deux kilomètres de long. C'est superbe !

La première installation est celle d'une statue de la Vierge que le Père a apportée sur son dos — comme il l'avait fait naguère en forêt de Meudon — et qu'il érige sur un socle : Notre-Dame du Ba-Vi est intronisée, la messe est célébrée devant elle. Le grand camp d'été est un succès, les garçons sont enthousiasmés. Un article du Père paraît dans la presse, relatant ce camp.

Suprême imprudence ! Cet article attire l'attention de l'administration et un beau jour, au moment même où il s'appropriait, sac au dos, à quitter le camp, le Père voit arriver un visiteur.

Très étonné, raconte-t-il, *je le salue cordialement*: «*Bonjour, Monsieur, quel bon vent vous amène ici ?* » *Je vois alors que ce monsieur, quelque peu corpulent, ruisselant de sueur et tout essoufflé, a l'air gêné. Je l'invite à s'asseoir sur un tronc d'arbre abattu. Ayant repris haleine, il me dit : « Je suis*

dième khó vào như tổ đại bàng, nhưng cao và bằng phẳng. Dừng lại đó, leo lên một ngọn cây, cha phát hiện rõ ràng một bình nguyên bao la nằm 800m phía dưới.

Đó! đó chính là nơi, từ trước ngàn đời, Thiên Chúa đã chuẩn bị để thành lập nơi cắm trại cho giới trẻ Đông Dương và để huấn luyện họ thành những người trưởng và nhất là thành những Kitô hữu.

Dãy núi này thuộc quyền sở hữu của chính phủ toàn quyền Đông Dương. Rừng ở đây là rừng cấm, có nghĩa là không được chặt bất cứ một cây nào. “Không sao sót”. Mua, khai phá rồi xây dựng - dĩ nhiên chẳng có xu teng nào - : vẫn “không sao sót!” Thủ tục giấy tờ rất rắc rối, còn mệt hơn leo núi. Vị thừa sai can trường vượt trên mọi quy luật, đi gõ các cửa. Cha hỏi ý kiến người quản lý khu đất có núi Ba Vi. Ông này ghé tai cha nói nhỏ:” Mặc kệ các ông công chức bàn giấy ở Hà Nội, cha cứ chặt cây, chặt cây và thực hiện kế hoạch của cha đi, họ không thấy những gì xảy ra ở trên đó đâu. Sắp về hưu, ông này không mấy quan tâm đến vấn đề, ông cũng chẳng để ý đến những phiền toái mà cha có thể gặp. Thấy lời khuyên hợp ý mình, và chẳng dám đòi giấy phép, cha tiến hành luôn. Cha tìm được một người Pháp cho cha mượn nhân công để mở đường, cắt dây leo, hạ cây cổ thụ để dùng vào việc xây dựng. Cha bắt tay ngay vào việc: dùng dao phát, cha hăng say khai phá, lôi cuốn người của cha làm theo. Trong vòng vài tháng một diện tích 2 mẫu tây đã được khai hoang, làm thành nơi đóng trại lý tưởng. Một chu vi có chiều dài gần 2000 mét được phác họa. Thật tuyệt diệu!

Trước tiên, cha đặt tượng Đức Mẹ mà cha đã công từ dưới lên- như ngày xưa cha đã từng làm trong rừng Meudon. Cha đặt trên một bệ cao và tuyên phong Đức Mẹ Ba Vi. Cha dâng lễ trước tượng Đức Mẹ. Trại hè lớn gặt hái nhiều thành công. Trại sinh rất phấn khởi. Một bài báo của cha đã tường thuật cuộc trại này.

Thật là một sự bất cẩn ghê gớm! Bài báo này đã lôi kéo sự chú ý của nhà cầm quyền và một buổi sáng nọ, chính lúc, ba lô trên vai, cha chuẩn bị rời trại thì một người khách lạ đến thăm.

Cha thuật lại: *Hết sức ngạc nhiên, tôi thân mật chào anh ta: “Chào anh, ngọn gió lành nào dẫn anh tới đây?” Lúc đó tôi thấy rằng người thanh niên, khá vạm vỡ, ướt đẫm mồ hôi và gần như đứt hơi này, có vẻ bối rối. Tôi mời anh ta ngồi trên một khúc cây. Sau khi lấy lại hơi, anh ta nói với tôi: “Tôi là nhân viên kiểm*

*agent du Service forestier, envoyé par mon chef de service pour enquêter au Ba-Vi. Vous avez en effet écrit un article dans **L'Avenir du Tonkin** relatant l'établissement d'un camp scout dans la réserve forestière du Ba-Vi, et vous parlez de deux hectares de forêt défrichés. Or, vous n'êtes pas propriétaire et votre cas est prévu par les articles tant et tant du Code civil. Vous êtes poursuivi pour défrichement illégal. Je viens me rendre compte de l'importance des dégâts causés dans cette forêt domaniale. »*

Après ce discours, il se lève et promène un regard compétent sur le champ de bataille. De fait, il y a des centaines de mètres cubes de bois abattus... Un vrai carnage ! J'aurais mauvaise grâce à nier le délit. Je n'y songe d'ailleurs même pas. Je préfère attaquer.

Je songe à l'administrateur du territoire et à son autorisation verbale ; j'ai été joué. Tant pis, c'est une leçon ; une autre fois j'exigerai une pièce écrite. Pour le moment, essayons de nous tirer d'affaire.

« Mais, Monsieur, lui dis-je : comment voulez-vous que je fournisse un plan à l'administration sans ouvrir cette forêt ? Rendez-vous compte ! Ce n'est pas moi qui suis fautif, mais vos règlements... ou l'application que vous en faites ! D'autre part, l'oeuvre que je poursuis présente un caractère d'intérêt général. Le résident supérieur et le résident de Son-Tây l'ont bien compris et ils ont jugé que, le principe de ma demande d'achat étant admis, je pouvais déjà faire acte de propriétaire, commencer le défrichement et même camper. Pourquoi, dès lors, me chercher des histoires en appliquant sans discernement les règlements du Service forestier ? »

Mon enquêteur, au fond, est un brave homme. Son enquête est une sale corvée; il en sue encore ! Aussi, il découvre ses batteries. « Vous avez raison. C'est un petit inspecteur, nouvellement promu, qui veut faire du zèle. Mais moi, je n'y peux rien. En tous cas, comptez sur moi, je ferai mon rapport aussi doux que possible. »

Pour finir, et après encore bien des démarches et des interventions administratives, l'affaire se règle à l'amiable : la propriété de 8 hectares 89 ares est vendue pour le prix de principe de... 10 francs ! Quant aux frais d'enregistrement, ils s'élèvent à... douze fois plus : 120 francs... Notre-Dame de Ba-Vi a veillé avec délicatesse sur le domaine qui lui est consacré.

De retour à Hanoi, le Père Seitz doit revendre sa Simca : il en tire le double de ce que le propriétaire précédent lui avait concédé et peut ainsi payer les dettes

*lâm, đội trưởng tôi sai tôi đến để điều tra về Ba Vi. Cha đã viết một bài báo trên tờ “**Tương lai xứ Bắc Kỳ**”, thuật lại việc lập một trại hướng đạo trong khu rừng cấm Ba Vi, cha còn nói đến 2 hecta rừng được khai phá. Mà cha không phải là chủ đất và vụ việc của cha được qui định theo rất nhiều khoản của bộ luật dân sự. Cha bị truy tố về tội phá rừng bất hợp pháp. Tôi đến để xem khu rừng công cộng này thiệt hại đến mức nào”.*

Sau những lời dài dòng đó, anh ta đứng dậy, liếc nhìn quanh “chiến trường” bằng đôi mắt nhà nghề. Thực thế, có hàng trăm mét khối gỗ đã bị hạ... một sự àn phá đúng nghĩa! Tôi không thể nào chối tội. Thật tình, tôi cũng chẳng nghĩ tới. Thay vì đó, tôi thích đương đầu hơn.

Tôi nhớ đến người quản lý khu đất và lời cho phép của ông ta. Tôi đã bị lừa. Kệ! Đó là một bài học, lần sau tôi sẽ đòi giấy phép. Lúc này hãy cố thoát rắc rối đã.

Tôi nói với anh ta: “Nhưng làm sao các anh muốn tôi có thể trình dự án cho chính quyền, nếu tôi không khai phá khu rừng này? Anh thử nghĩ coi! Tôi không có lỗi, nhưng là luật lệ của các anh... hoặc là cách áp dụng luật của các anh! Đàng khác, công trình chúng tôi thực hiện có tính cách ích lợi chung. Vị công sứ toàn quyền và công sứ Sơn Tây đã biết rõ điều đó và đã cho rằng, trên nguyên tắc, tôi được quyền hỏi mua. Tôi đã có thể làm giấy chủ quyền, bắt đầu khai phá và thậm chí có thể cắm trại. Tại sao, từ đó, kiếm chuyện và áp dụng tùy tiện luật kiểm lâm với tôi?”

Người điều tra tôi, thực lòng, là một người tử tế. Việc anh ta phải đi điều tra là một việc quá vất vả. Anh ta vẫn còn tháo mồ hôi! Nhưng anh ta cũng tìm được cách phản pháo: “Cha có lý đấy. Đó là một thanh tra cấp dưới, vừa mới được thăng chức, nên muốn tỏ ra năng nổ. Riêng tôi, tôi không thể làm khác được. Nhưng dù sao đi nữa, cha hãy tin tôi, tôi sẽ báo cáo nhẹ nhất có thể”.

Cuối cùng, sau nhiều vận động và can thiệp về phương diện hành chính, vụ việc được giải quyết ổn thỏa: khu đất 8 hecta 89 được bán với giá, theo nguyên tắc, là...10 quan. Nhưng chi phí đăng ký lại gấp... 12 lần: 120 quan... Đức Mẹ Ba Vi đã khéo chăm lo cho lãnh địa, đã được cung hiến cho Ngài.

Trở về Hà Nội, cha Seitz phải bán chiếc xe Simca đi: cha bán được gấp đôi giá mà người chủ trước đã nhượng cho cha và như thế cha có thể trả hết nợ nần cho

contractées pour ses travaux ; puis, l'âme tranquillisée, il reprend ses activités à la cathédrale : catéchismes, scouts, J.E.C., enfants de chœur, prédications, confessions... Ba-Vi n'était qu'une parenthèse 1. Depuis longtemps déjà il y a des « incidents » en Chine. Le Japon n'a pas déclaré la guerre aux Chinois mais, sournoisement et avec une féroce habileté, il a profité de l'affaiblissement —1. À l'heure où s'écrivent ces lignes (2013), Internet montre ce qu'est devenu ce plateau au sommet d'une montagne qui était inaccessible avant que le P. Seitz n'y trace le premier sentier à travers la jungle : c'est maintenant un magnifique parc aménagé pour les loisirs des riches touristes.

L'invasion des Japonais (septembre 1940)

grâce à la France — de l'immense pays voisin pour y établir ce qu'il a appelé avec euphémisme une « sphère de co-prospérité ». Entendez par là : affirmer l'hégémonie des Japonais sur tous les peuples jaunes, en attendant de réaliser leur vocation de « fils du Ciel », qui n'est rien moins que la domination totale du monde. Le Japon est puissamment armé, et il a mis déjà la Chine à feu et à sang.

Le peuple japonais, autant et plus, s'il se peut, que les Allemands l'époque d'Hitler, est animé par une mystique collective profonde et dynamique ; leur conviction est telle qu'ils sont prêts à toutes les hardiesses, à tous les sacrifices, à toutes les folies.

Septembre 1940. En Indochine, on suit la marche victorieuse des Japonais avec inquiétude. Leur flotte croise dans les eaux proches, leurs troupes sont massées à la frontière, des « incidents » sont provoqués et certains postes attaqués, sans aucune déclaration de guerre, naturellement. Mais que faire ?... La puissance française vient de s'effondrer devant les attaques allemandes ; l'armée d'Indochine n'est pas prête à riposter ; aucun secours ne viendra de l'extérieur.

Brusquement, le 23 septembre, on apprend que des troupes japonaises, en masse, ont pénétré sur le territoire indochinois. Les soldats français se battent, la ville de Lang-Son est cernée, attaquée, emportée. L'armée se replie, les ordres du haut commandement sont hésitants, contradictoires, incompréhensibles. La France est loin. De Lang-Son à Hanoï, il n'y a que 130 km. La capitale est dans l'effolement, des avions la survolent, la panique gagne, la population prend les trains d'assaut, les autos encombrant les routes, tout le monde fuit vers le sud. Ce qui s'est passé en métropole trois mois plus tôt se renouvelle ici.

những công việc của cha. Sau đó, tâm hồn bình thân, cha trở lại với những sinh hoạt của nhà thờ chính tòa: giáo lý, hướng đạo sinh, thanh sinh công, các lễ sinh, giảng dạy và giải tội... Ba Vi được gác sang một bên.

NB: Trong khi đang viết những dòng này (2013), chúng tôi được biết qua internet: Cao Nguyên trên đỉnh núi Ba Vi này chưa hề có ai đặt chân đến, trước khi cha Seitz mở lối băng rừng. Nhưng ngày nay, được quy hoạch thành một công viên giải trí tuyệt đẹp dành cho những du khách giàu có.

Cuộc xâm lăng của Nhật Bản. (Tháng chín năm 1940)

Từ lâu đã có nhiều “biến cố” bên Trung Quốc. Không tuyên chiến với Trung Quốc, nhưng, xảo trá và khéo léo cách tàn bạo, Nhật Bản đã lợi dụng sự suy yếu của quốc gia lân bang rộng lớn này do Pháp gây nên, để hình thành cái mà họ gọi cách hoa mỹ là “Vòng đai thịnh vượng chung”. Theo nghĩa là khẳng định quyền bá chủ của Nhật Bản trên tất cả các dân da vàng, trong khi chờ đợi họ thực hiện sứ mạng của “Thiên Tử” là bá chủ toàn thế giới.

Được trang bị hùng hậu, quân đội Nhật đã đốt phá và chém giết nhiều người ở Trung Quốc. Có thể nói, người Nhật cũng giống người Đức thời Hít le; họ mang một đầu óc cuồng tín tập thể, sâu đậm và mãnh liệt. Niềm tin của họ mãnh liệt đến độ họ có thể liều lĩnh mọi thứ, hy sinh mọi thứ và làm mọi điều điên dại.

Tháng 9 năm 1940. Người ta lo lắng theo dõi bước chân chiến thắng của quân đội Nhật. Hải quân của họ lượn lờ sát bờ biển; Bộ binh dồn về biên giới. Nhiều vụ xung đột xảy ra. Một vài đồn bót bị tấn công và dĩ nhiên, người ta không hề tuyên chiến. Làm gì bây giờ đây? ... Nước Pháp hùng mạnh vừa sụp đổ trước những đợt tấn công của quân Đức. Quân đội Đông Dương không sẵn sàng đánh trả. Sẽ không có sự trợ giúp nào từ bên ngoài.

Thình lình, ngày 23 tháng 9, người ta được biết đông đảo quân đội Nhật đã tràn vào Đông Dương. Lính Pháp chiến đấu, thành phố Lạng Sơn bị bao vây, tấn công và bị chiếm đóng. Quân đội rút lui. Lệnh của bộ chỉ huy thì chần chừ, trái nghịch và khó hiểu. Nước Pháp ở mãi xa. Từ Lạng Sơn về Hà Nội chỉ cách 130 cây số. Thủ đô hốt hoảng; trên trời máy bay gầm rú. Mọi người hốt hoảng, dân chúng đổ xô lên xe lửa, xe cộ tắc nghẽn mọi ngã đường. Tất cả trốn chạy về hướng Nam. Sự kiện này lặp lại y chang như tại chính quốc cách đây 3 tháng.

Dans sa paroisse désertée, le Père Seitz ne veut pas rester les bras croisés. Ne pourrait-il pas servir comme aumônier militaire ? Des hommes se font tuer au front et ils n'ont pas de prêtre. Mgr Chaize et son curé, le Père Villebonnet, lui donnent leur accord. Le général Cazin, commandant la division du Tonkin, sollicite le 25, l'accrédite aussitôt, l'affecte au 9^e régiment d'infanterie coloniale et met une puissante automobile à sa disposition dans l'heure qui suit. Le soir même il est à Đông-Mô, à 30 km de Lang-Son où les troupes se sont repliées ; une ligne de résistance y est établie; si elle cède, c'est Hanoï et tout le Tonkin qui tombent.

J'arrive au P.C. du colonel de Cadoudal, commandant le 5^e régiment de Légion étrangère, raconte-t-il. Je trouve là quelques officiers, visages crispés, mais où se lit la volonté de vaincre. Je présente le papier m'accréditant comme aumônier. Je sens que le colonel est heureux de la présence d'un aumônier. « Vous aurez du travail », me dit-il. Puis il m'invite à partager le maigre repas. Il ne me cache pas son inquiétude : les troupes japonaises sont à trois ou quatre kilomètres d'ici, au plus ; elles attaqueront probablement cette nuit. Vers 21 h, les légionnaires font sauter le pont de chemin de fer à quelques centaines de mètres du P.C. Les bruits les plus sinistres circulent, en particulier sur la cruauté des soldats japonais qui ne font, dit-on, aucun quartier aux Européens.

Or, ceux-ci ont l'ordre — incompréhensible et contradictoire, évidemment ! — de contenir la pression japonaise, tout en évitant de tirer ! Le jour suivant voit défiler de nombreux rescapés de Lang-Son, Français et Annamites ; tous font un tableau horrifiant des Japonais ; on s'attend toujours à une attaque. La région est idéale pour la guerre de surprise et la guérilla, la tactique des Japonais consistant, d'ailleurs, à ne jamais attaquer de front, mais à tourner les positions pour bénéficier de l'effet de surprise ; ils utilisent admirablement le pays ; les postes frontières de Lang-Son ont été emportés de cette façon.

Surprise le 27 septembre: des patrouilles qui se sont portées en avant s'aperçoivent que les Japonais décrochent : quelle nouvelle tactique ont-ils inventée ?... Mais dans l'après-midi, une auto venue de Hanoï amène deux plénipotentiaires annonçant que depuis la veille Tokio a donné l'ordre à ses troupes de cesser le combat.

Que s'est-il passé ?... On ne connaîtra officiellement la vérité que plus tard, par un document émanant du général Martin, commandant supérieur des troupes d'Indochine:

Trong giáo xứ hoang vắng của cha, cha Seitz không muốn khoanh tay đứng nhìn. Cha không có thể phục vụ như tuyên úy quân đội sao? Người ta giết nhau ngoài mặt trận và không có linh mục. Đức Cha Chaize và cha Villebonnet, cha sở của cha, đều đồng ý. Ngày 25, được gọi ý, tướng Cazin, chỉ huy trưởng sư đoàn Bắc Kỳ, đã bổ nhiệm cha ngay, phái cha đến trung đoàn 9 bộ binh thuộc địa. Và ngay sau đó, ông ta giao cho cha một chiếc xe rất mạnh, để cha sử dụng. Ngay buổi chiều, cha đã đến Đông Mô, cách Lạng Sơn 30 cây số, nơi binh sĩ lui quân để lập phòng tuyến kháng cự. Nếu phòng tuyến này vỡ thì Hà Nội và cả Bắc Kỳ cũng sẽ thất thủ.

Cha kể lại: *Khi tôi đến bộ chỉ huy của đại tá Cadoudal, chỉ huy trưởng trung đoàn 5 Lê Dương, tôi gặp một vài sĩ quan, khuôn mặt căng thẳng, nhưng vẫn hiện rõ ý chí quyết thắng. Tôi trình giấy bổ nhiệm tuyên úy. Tôi cảm thấy rằng viên đại tá sung sướng vì có một tuyên úy hiện diện. Ông ta nói với tôi: cha sẽ không thiếu việc. Sau đó ông ta mời tôi cùng ăn một bữa cơm thanh đạm. Ông ta không giấu tôi sự lo lắng của ông ta: Quân Nhật đóng rất gần đây, chỉ cách 3 đến 4 cây số là cùng. Rất có thể họ sẽ tấn công chúng ta đêm nay. Khoảng 21 giờ lính Lê Dương đã đánh sập cầu xe lửa, cách bộ chỉ huy vài trăm mét. Người ta rỉ tai nhau những tin đồn ác độc, đặc biệt là sự hung dữ của quân Nhật. Chúng không tha chết cho bất cứ người Âu châu nào.*

Nhưng binh lính ở đây nhận được lệnh - dĩ nhiên một thứ lệnh khó hiểu và trái nghịch - là phải chặn đứng áp lực của lính Nhật, nhưng lại không được nổ súng! Hôm sau người ta thấy một đoàn người, thoát nạn từ Lạng Sơn, lũ lượt kéo về. Pháp có, Việt có. Tất cả đều mô tả quân Nhật thật là khủng khiếp và người ta đang đợi một cuộc tấn công. Địa thế rất lý tưởng cho một cuộc chiến bất ngờ và đánh du kích. Thật vậy, chiến thuật của quân Nhật là không bao giờ đánh trực diện, nhưng vòng qua những vị trí đóng quân để tạo thế bất ngờ; Họ khéo léo dựa vào địa hình. Những đồn biên giới ở Lạng Sơn đã bị chiếm đóng theo cách đó.

Thật ngạc nhiên, ngày 27 tháng 9 những toán tuần tiễu đi trước nhận ra rằng lính Nhật đã rút lui: chúng bày ra chiến thuật gì mới vậy?..Nhưng đến chiều, một chiếc xe hơi từ Hà Nội đến, chở theo 2 đại diện toàn quyền, thông báo rằng từ hôm qua Tokyo đã ra lệnh cho binh lính ngưng chiến đấu.

Chuyện gì đã xảy ra?..Mãi sau, người ta mới biết rõ sự thật, nhờ một tài liệu do tướng Martin, tổng chỉ huy lực lượng Đông Dương đưa ra :

Le 30 août 1940, le gouvernement français, dans un esprit de conciliation et de réalisme, signait avec le Japon un traité accordant à cette puissance certaines facilités pour la poursuite de ses opérations en Chine du Sud. Le Japon s'engageait formellement, en retour, à respecter l'intégrité de l'Union indochinoise et la souveraineté française en Indochine.

On ne se bat plus, mais toute la région frontalière du Nord est bouleversée. La piraterie se répand partout, note le Père Seitz. À Lang-Son, occupé par les Japonais, une révolution communiste (déjà soutenue secrètement par les Japonais) a éclaté ; elle est heureusement limitée à cette localité.

Pour le moment, les troupes françaises restent donc sur leurs positions. Je reste aussi. Des troupes, des troupes innombrables franchissent la frontière et, pacifiquement, le Japon prend pied en Indochine. Nous voyons sans cesse des camions pleins de soldats, hier ennemis, défiler sur la route. Nul ne se fait illusion sur la valeur du traité signé : c'est de l'entente, de la collaboration forcée. Il y aurait un parallélisme saisissant à établir avec ce qui s'est passé en France, mais avec cette notable et avantageuse différence pour nous que le Japon entre en Indochine sans avoir consommé sa victoire. La propagande française minimisera toujours l'incident de Lang-Son. On pense que l'essentiel est de gagner du temps.

Toutefois, nous perdons la face : notre prestige a subi une première atteinte, les Annamites ne s'y trompent pas ; si les Français ont signé, c'est parce qu'ils n'étaient pas les plus forts.

Les missionnaires qui ont été enrôlés dans l'armée sont maintenant libérés et retournent dans leur brousse ; une aumônerie militaire est officiellement constituée ; le Père Seitz pense qu'il peut maintenant retrouver sa paroisse d'Hanoï et, le 8 octobre, s'achève ce qu'il appelle sa « deuxième campagne de guerre ». Avec lucidité, il analyse la situation.

Les Japonais sont partout. À Hanoï, ils « noyautent » tous les quartiers. De nombreuses maisons, et non des moindres, sont occupées par leurs troupes. À côté de tous les organismes vitaux — eau, électricité, etc. — ils établissent des postes. En ville, les incidents se multiplient. Des soldats français, après de trop copieuses libations, « jouent la peau » d'un soldat japonais ; parfois, le pari porte sur un officier. Des civils qui réalisent mal la situation se montrent également hargneux et arrogants. Or, porter la main sur un Japonais équivaut

Ngày 30 tháng 8 năm 1940 Chính phủ Pháp, trong tinh thần hòa giải và thực tế, đã ký với Nhật một hiệp ước, thỏa thuận cho cường quốc này một ít dễ dãi để tiếp tục hoạt động tại miền Nam Trung Quốc. Đổi lại, Nhật chính thức cam kết tôn trọng sự toàn vẹn của liên bang Đông Dương và chủ quyền của Pháp tại Đông Dương.

Không đánh nhau nữa nhưng tất cả vùng biên giới phía Bắc đều xáo trộn. Cha Seitz ghi nhận: *Cướp bóc khắp nơi. Ở Lạng Sơn, nơi quân Nhật chiếm đóng, một cuộc bạo loạn của Cộng sản (do Nhật bí mật hỗ trợ) đã bùng lên. Rất may, cuộc bạo loạn chỉ giới hạn trong khu vực.*

Lúc này binh lính Pháp ở yên tại chỗ. Tôi cũng vậy. Từng đoàn quân đông đúc đã vượt biên giới và Nhật đã nhẹ nhàng đặt chân lên Đông Dương. Chúng tôi thấy liên tục những xe nhà binh, chát đầy những người lính, hôm qua còn là kẻ thù, hôm nay đã nói cười nhau, diễu hành trên phố. Chẳng ai ảo tưởng về hiệp ước đã ký. Đó chỉ là thỏa thuận, là sự hợp tác bó buộc. Có thể vẽ nên một sự song song với những biến cố ở bên Pháp, nhưng với chúng tôi, thì có sự khác biệt rõ rệt và thuận lợi này, là người Nhật vào Đông Dương nhưng không đi đến chiến thắng toàn bộ. Cơ quan tuyên truyền của Pháp coi nhẹ sự cố tại Lạng Sơn. Vì họ nghĩ rằng điều quan trọng nhất là làm sao kéo dài thời gian .

Dù sao thì chúng ta cũng bị mất mặt. Uy tín của chúng ta đã bị suy giảm. Người Việt không lầm, họ cho rằng nếu người Pháp đã phải ký hiệp ước, chính là vì họ không phải là những người mạnh nhất.

Các vị thừa sai trước kia đã nhập ngũ trong quân đội, giờ được trả lại tự do và trở về nhiệm sở cũ. Một phòng tuyên úy quân đội chính thức được thành lập. Cha Seitz nghĩ rằng bây giờ mình có thể trở về giáo xứ Hà Nội của mình và ngày 8 tháng 10, cha kết thúc thời gian mà cha gọi là “chiến dịch chiến đấu thứ hai” của cha. Cha sáng suốt phân tích tình hình.

Người Nhật hiện diện khắp nơi. Tại Hà Nội họ cài người vào tất cả các khu phố. Nhiều ngôi nhà lớn bị quân Nhật chiếm đóng. Họ thiết lập nhiều đồn bót bên cạnh những dịch vụ thiết yếu như điện, nước... Trong thành phố, những cuộc xung đột gia tăng. Lính Pháp, sau khi nhậu xỉn, thường kiểm chuyện với lính Nhật; đôi khi còn cả với sĩ quan. Những người dân thường, không nắm rõ tình hình, cũng hay cầu nhau và tỏ ra xác xược. Nhưng đánh một người Nhật đồng nghĩa với việc xúc phạm cá nhân Thiên Hoàng, là một việc gây chiến. Phản ứng

à une injure personnelle au Mikado : c'est un casus belli. Les réactions japonaises sont brutales et « décisives ». Il y a des morts. Il faudra des semaines pour que cette effervescence se calme ; des hommes de bon sens s'emploient à maintenir la paix dans l'honneur.

C'est l'amiral Decoux qui préside alors aux destinées de l'Indochine. Un terrible cas de conscience s'était posé à lui dès la catastrophe de la France : sera-t-il gaulliste ou pétainiste ? Je sais qu'il s'est posé la question. L'Amiral est un homme de valeur. Un homme de devoir. Je l'ai approché plusieurs fois durant ces années. Il a choisi la voie qu'il jugeait être celle du devoir et de l'honneur : il reste fidèle au seul gouvernement qui a pour lui la légitimité, celui de Pétain. Et puis, qui oserait raisonnablement le lui reprocher ?

poursuit le Père Seitz. Si en juin 1940 il avait opté pour De Gaulle, c'était immédiatement l'Indochine ennemie du Japon. Et comment aurait-il pu résister à ce puissant voisin ? Il n'aurait fait que précipiter la colonie dans la guerre et la défaite certaine. Après ces événements de Lang-Son où la souveraineté française a été maintenue de justesse, il n'est plus besoin d'argumenter.

Toute la politique de l'Amiral consistera à maintenir la vie en Indochine, à parer les coups que l'impérialisme triomphant du Japon va lui porter sans cesse, à revendiquer et à maintenir les droits et l'autorité de la France en ce pays. C'est miracle qu'il y ait réussi jusqu'en 1945. Et il ne s'écroulera que lorsque des Français eux-mêmes auront réussi — hélas ! — à saper son autorité.

Les 40 000 Français d'Indochine lui doivent la vie. La France lui doit d'avoir sauvé la colonie du désastre pendant cinq ans. Les Indochinois lui doivent d'avoir évité les horreurs de la guerre jusqu'au dernier moment.

L'amiral Decoux est de la lignée des Gallieni et des Lyautey ! Grâce à la sagesse de notre gouvernement d'Indochine, donc, un modus vivendi s'est établi, les incidents se font plus rares, la vie économique et sociale reprend presque normalement. L'Indochine peut vivre en économie fermée pendant un certain temps : on ne souffre encore d'aucune privation.

La vie de la paroisse reprend aussi ; les écoles, les catéchismes, les réunions jécistes, les sorties et les camps scouts avec les troupes françaises et les troupes annamites, l'aumônerie des prisons et tout le reste :

của người Nhật thường tàn bạo và quyết đoán. Đã có những người bị thiệt mạng. Phải mất nhiều tuần lễ tình hình sôi động này mới dịu đi. Những người biết điều tìm mọi cách để duy trì an bình trong danh dự.

Lúc đó chính đô đốc Decoux nắm trong tay vận mạng Đông Dương. Một tình huống rất khó xử đặt ra cho đô đốc, ngay khi thảm họa xảy đến cho nước Pháp: ông nên theo phe De Gaulle hay phe Pétain? Tôi biết ông đã tự đặt câu hỏi cho mình. Đô đốc là một người có phẩm giá, người của bốn phận. Tôi đã tiếp cận với ông ta nhiều lần trong những năm gần đây. Ông ta đã chọn con đường mà ông cho là bốn phận và danh dự: Ông vẫn trung thành với chính quyền của Pétain, chính quyền duy nhất mà ông cho là hợp pháp.

Cha Seitz nói tiếp: nhưng rồi, xét theo lý, ai dám trách cứ ông ta. Nếu tháng 6 năm 1940 ông ta theo De Gaulle, thì, tức khắc, Đông Dương đã trở thành kẻ thù của Nhật. Và làm sao để có thể chống lại cường quốc lân bang này? Ông ta chỉ có thể đẩy xứ thuộc địa vào chiến tranh và thất bại chắc chắn. Sau những biến cố ở Lạng Sơn, nơi chủ quyền của Pháp chỉ được duy trì trong tác gang, không cần gì phải bàn cãi thêm nữa.

Tất cả chính sách của đô đốc là nhằm duy trì cuộc sống ở Đông Dương và tránh né những đòn công kích mà chủ nghĩa đế quốc đắc thắng của Nhật liên tục đưa ra, đồng thời cũng để xác nhận và duy trì những quyền lợi và quyền lực của Pháp tại xứ này. Thật là một phép lạ là ông đã thành công cho đến mãi năm 1945 và điều này chỉ mất đi, khi chính người Pháp đã hoàn thành việc ngấm phá hoại quyền lực của đô đốc. Thật là một điều đáng tiếc.

40.000 người Pháp ở Đông Dương còn sống là nhờ ông ta. Nước Pháp nợ ông ta việc đã cứu xứ thuộc địa khỏi thảm họa trong suốt 5 năm. Người dân Đông Dương nợ ông ta việc đã tránh khỏi chiến tranh ghê gớm cho đến giây phút cuối cùng.

Đô đốc Decoux thuộc dòng họ những người như Gallieni và Lyautey! Nhờ vào sự khôn khéo của chính quyền Đông Dương mà một thỏa hiệp đã được dàn xếp, những xung đột ít xảy ra, đời sống kinh tế và xã hội gần như trở lại bình thường. Đông Dương có thể sống tự lập về kinh tế trong một thời gian: người ta chưa thấy thiếu thốn gì.

Sinh hoạt giáo xứ cũng trở lại bình thường: trường học, giáo lý, hội họp thanh sinh công, dã ngoại và cắm trại hướng đạo với những nhóm Pháp và Việt, tuyên úy nhà tù và nhiều thứ khác.:

J'ai un emploi du temps chargé, mais j'ai déjà bien l'habitude de ce travail. Il me passionne. Je m'y donne à fond, et il est pour moi la source d'une joie sensible et profonde qui ne me quitte pas. Non, je ne donne rien à Dieu : c'est lui qui me comble et je ne sais que le remercier de m'avoir choisi.

J'avoue bien simplement que je ne me ménage pas, pas du tout. Je me suis libéré une fois pour toutes du souci santé dès ma première retraite sacerdotale en Indochine en 1938 : j'ai tout confié au Sacré-Coeur de Jésus. J'ai trop à faire par ailleurs ; qu'il daigne s'occuper lui-même de ma santé. Et ce que Dieu garde est bien gardé : je n'ai jamais eu un accroc sérieux de santé.

Il lance alors, avec un dominicain, le Père Cras, et un sulpicien, monsieur Gastine, des cours supérieurs d'instruction religieuse ouverts à tous : étudiants, laïcs, foyers, fidèles de tous bords, qui désirent approfondir le dogme chrétien et qui cherchent la vérité.

Grand succès ! « Le snobisme aidant », reconnaît-il, « tout ce qui se piquait d'intellectualisme dans Hanoï tenait à suivre ces cours. »

Sans doute le bruit de ce succès parvint-il au loin car le voici requis pour prêcher une retraite aux grandes élèves de l'établissement des *Oiseaux* tenu par les chanoinesses de Saint-Augustin de Dalat — magnifique station d'estivage à 1 000 mètres d'altitude dans le Sud-Annam, près de Saïgon. 3 000 kilomètres aller-retour ! Et voilà qu'une autre invitation lui parvient du délégué apostolique pour donner un sermon de 15 minutes à la radio de Hué : 1 400 kilomètres aller et retour encore : 1 400 km pour 15 minutes de sermon, cela lui semble tout de même un peu disproportionné !... Ses supérieurs l'engagent à accepter ; il groupera les deux déplacements, préparant conférences et sermon durant les deux jours et demi de voyage en train.

Mais les couronnes de lauriers ont parfois des épines. Le jeune Paul avait bénéficié d'une excellente formation scout au Havre et il savait qu'il devait beaucoup à Baden-Powell et au Père Sevin. Arrivé à Hanoï, il est heureux d'être tout de suite chargé de l'aumônerie scout et il s'y donne de tout son cœur. Bien vite cependant, il se rend compte de l'esprit trop libéral des responsables locaux qui ont constitué une Fédération groupant indistinctement catholiques, païens, Français et Annamites. Impossible, dans ces conditions, de faire du bon travail sur le plan catholique. Il y a trop d'influences « neutres », « laïques », « païennes ». On a voulu faire une « alliance » — et c'est bien — mais on a abouti

Thờ khóa biểu của tôi kín mít, nhưng tôi đã rất quen với việc này. Tôi say mê làm việc. Tôi tận lực làm việc. Với tôi, đây chính là nguồn mạch của một niềm vui rõ rệt và sâu đậm không bao giờ xa rời tôi. Không, tôi chẳng có gì cho Chúa: Chính Ngài đã đổ đầy lòng tôi và tôi chỉ còn biết tạ ơn Ngài đã tuyển chọn tôi.

Tôi thành thật thú nhận rằng tôi làm việc không biết mệt. Tôi đã hoàn toàn thoát khỏi mọi lo lắng về sức khỏe ngay từ lần tĩnh tâm linh mục đầu tiên ở Đông Dương năm 1938: Tôi hoàn toàn phó thác cho Thánh Tâm Chúa Giêsu. Đàng khác, tôi có quá nhiều việc phải làm. Xin Ngài rủ lòng chăm sóc sức khỏe của tôi và điều mà Thiên Chúa gìn giữ thì Ngài gìn giữ rất cẩn thận. Tôi không bao giờ gặp trở ngại nghiêm trọng về sức khỏe.

Cùng với cha Cras, dòng Đa Minh và cha Gastine, tu hội Xuân Bích, cha mở nhiều lớp Giáo lý cao cấp dành cho mọi thành phần: sinh viên, giáo dân, gia đình, tín hữu từ mọi nơi, tất cả những ai muốn đào sâu giáo lý Ki tô giáo và muốn tìm tòi chân lý.

Cha nhận xét: Thành công lớn! Nhờ “ thói đua đòi học làm sang: ai tự cho là trí thức, đều tha thiết muốn theo những khóa học này “.

Chắc hẳn tiếng vang thành công này đã dội đi rất xa, vì cha được mời giảng tĩnh tâm cho những học sinh lớn ở Couvent des Oiseaux, một cơ sở lớn do các nữ tu dòng thánh Augustino ở Đà Lạt điều khiển. Đà Lạt là nơi nghỉ hè tuyệt vời ở độ cao 1000 mét trong miền Nam Việt Nam, gần Sài Gòn. Vừa đi vừa về ba ngàn cây số! Và đây, lại một lời mời khác: Khâm sứ tòa thánh mời cha nói chuyện trên đài phát thanh Huế 15 phút: 1.400 cây số nữa, vừa đi vừa về. 1400 cây số để nói chuyện 15 phút, có vẻ như không tương xứng... Các bề trên của cha khuyên cha chấp thuận. Cha gộp hai chuyến đi này làm một và sẽ soạn bài giảng tĩnh tâm và bài nói chuyện trong chuyến du hành hai ngày rưỡi trên xe lửa.

Nhưng đôi khi triều thiên nguyệt quế cũng có gai. Chàng trai Paul Seitz đã thừa hưởng việc huấn luyện hướng đạo tuyệt vời ở Havre. Cậu biết cậu mắc nợ Baden Powell và cha Sevin rất nhiều. Khi đến Hà Nội, cha Seitz rất sung sướng được giao ngay trách nhiệm tuyên úy hướng đạo và cha đã hết sức nhiệt tâm, nhưng cha sớm nhận ra tinh thần quá tự do của những vị hữu trách địa phương trong một Liên Đoàn qui tụ cả người Công giáo lẫn người ngoại giáo, người Pháp hay người Việt. Trong những điều kiện đó, không thể hoạt động tốt theo tinh thần công giáo. Có quá nhiều ảnh hưởng trung lập, thế tục và ngoại giáo.

à un « alliage », et c'est désastreux. On est très loin de la belle et féconde formule de « l'Association des Scouts de France », qui a fait ses preuves.

Le fondateur de cette fédération indochinoise a obtenu l'agrément des évêques et du délégué apostolique lui-même ; l'aumônier général, résidant à Hué, est le Père Lefas, un vieil ami du Père Seitz du temps où il était à Paris.

Le Père Seitz fait part aux uns et autres de ses réflexions : c'est un tollé général ! Du nord au sud de l'Indochine, le jeune missionnaire acquiert la réputation d'un révolutionnaire, d'un séparatiste. C'est le début de controverses, de discussions, de lettres, de rapports à n'en plus finir, de voyages même à Hué pour exposer ses vues au Père Lefas et au délégué apostolique. En vain. Finalement on lui signifie aimablement qu'il n'a qu'à se taire et à obéir — ce qu'il fait sans sourciller, car il s'est battu non pour avoir raison, mais parce qu'il a la conviction très ferme que la méthode imposée est une erreur.

L'avenir, hélas ! lui donnera raison. En peu de temps, le scoutisme a sombré pour n'avoir pas été assez fermement entre les mains de la hiérarchie catholique et pour n'avoir pas su former des cadres vraiment ancrés dans la foi.

En 1941 cependant, Mgr Chaize lui fait confiance et le nomme aumônier diocésain des scouts — ce qu'il accepte avec reconnaissance ; il pourra ainsi exercer son influence sur l'ensemble des troupes régionales. Plus tard même il sera nommé adjoint de l'aumônier général pour tout le Tonkin. Il écrira alors chaque mois un article dans *Montjoie*, la revue des scouts, puis créera un *Bulletin de liaison des chefs et aumôniers*.

Ses charges s'alourdissent, mais rien ne le rebute ni ne ralentit son élan ; il va même, sous l'impulsion venue du gouvernement de la métropole, organiser une éclatante manifestation nationale pour la fête de sainte Jeanne d'Arc, avec messe solennelle, défilé des mouvements de jeunesse et représentation théâtrale du *Mystère de Jeanne* sur le vaste stade de Hanoï : six cents acteurs, une grande ferveur, un immense succès !

Người ta muốn thành lập một liên minh - điều này rất tốt - nhưng người ta đã tạo nên một pha trộn tạp nham, và điều này thật tai hại. Rất khác xa với danh xưng đẹp đẽ và phong phú của “Hiệp Hội Hướng đạo Pháp”, một tổ chức đã hoạt động rất thành công.

Người thành lập Liên Minh Đông Dương này đã nhận được sự đồng thuận của các giám mục và của chính Đức Khâm sứ tòa thánh. Cha tổng tuyên úy lúc đó là cha Lefas, cư ngụ tại Huế và là bạn cũ của cha Seitz thời còn ở Paris.

Cha Seitz chia sẻ với người này người kia về những suy nghĩ của cha, và làm dấy lên một cuộc phản đối toàn diện. Từ Bắc chí Nam Đông Dương vị thừa sai được mang tiếng là một nhà cách mạng, một người ly khai. Từ đó bắt đầu những tranh cãi, những bàn luận, những thư từ, những báo cáo không ngớt, những chuyến đi, đến tận Huế, để trình bày quan điểm của cha với cha Lefas và với khâm sứ tòa thánh. Vô ích, cuối cùng người ta dệu dàng báo cho cha là phải im lặng và vâng lời. Điều mà cha vâng phục không kỳ hà, vì cha tranh cãi không để tìm phần có lý, nhưng chỉ bởi vì cha xác tín rằng phương pháp được đưa ra là một sai lầm.

Than ôi! Tương lai đã chứng minh cha có lý. Chỉ một thời gian ngắn sau đó, phong trào hướng đạo đã sụp đổ vì đã không được nắm giữ chắc chắn trong hàng ngũ lãnh đạo công giáo và cũng bởi người ta không biết đào tạo các trưởng thực sự neo chặt vào đức tin.

Tuy nhiên, năm 1941 Đức cha Chaize đã tin tưởng đặt cha làm tuyên úy hướng đạo giáo phận. Cha cảm ơn Đức Cha và chấp nhận công việc. Như vậy cha có thể gây ảnh hưởng trên toàn bộ các nhóm tại địa phương. Về sau, cha còn được bổ nhiệm làm phó tổng Tuyên úy cho toàn bộ Bắc Kỳ. Mỗi tháng cha viết một bài báo trong tờ *Montjoie*, nguyệt san của hướng đạo. Cha còn thành lập một *Tập san liên kết các trưởng và các tuyên úy*.

Bòn phận chất nặng đôi vai, nhưng cha không hề nản chí. Không gì làm chậm bước tiến của cha. Thậm chí, dưới sự thôi thúc của chính quyền Pháp, cha còn tổ chức một buổi trình diễn toàn quốc thật xuất sắc trong dịp lễ thánh Jeanne d'Arc. Có thánh lễ long trọng, có các phong trào trẻ diễu hành, có trình diễn văn nghệ *Màu nhiệm Jeanne* trên sân vận động lớn Hà Nội, có 600 diễn viên; rất sốt sáng. Đó là một thành công to lớn!

Le fameux camp du Ba-Vi n'est pas oublié pour autant; s'il a été mis en sommeil durant les mois critiques de l'invasion japonaise, le calme revenue permet de reprendre les travaux afin de pouvoir y amener une centaine de jeunes aux prochaines vacances. Le défrichage continue, il faut maintenant prévoir des constructions en dur. Avec pas un sou pour commencer, évidemment ! Démarches auprès de Monseigneur ; contacts avec un entrepreneur ami ; découverte d'une usine d'aviation dont la construction a été abandonnée à cause de la guerre, et qui regorge de matériaux inutilisés : fers à béton, ciment, bois de charpente et de coffrage, quincaillerie, sable : il y en a pour 60 000 F — une somme énorme pour le Père ! Il n'a que son sourire pour convaincre. On veut bien lui céder le tout pour ... 10 F ! La même somme que pour le terrain !

Mais le transport, maintenant, de ces centaines de tonnes de matériaux ? Qu'à cela ne tienne : le général Cazin, commandant la division du Tonkin accepte de lui prêter un superbe camion Ford de l'armée, très puissant, avec chauffeur et aide-chauffeur. Il faudra seulement que le carburant soit payé par le Père : c'est la moindre des choses, pense celui-ci. D'accord !

Voilà donc les matériaux nécessaires aux constructions qui vont être acheminés au pied de la montagne, cote 400 ; mais comment leur faire gravir les quatre kilomètres de mauvaise piste avec 400 mètres de dénivelé ?... Le Père paie d'audace : il demande au général un détachement de mulets pour le transport jusqu'à la cote 800.

« Combien vous en faut-il ? » — « Cinquante, mon général. » — « Eh bien, c'est entendu, je vous les prête. »

On s'apercevra cependant, un an et demi après, que le comptable de l'armée a «oublié » de faire suivre les factures pour l'essence : il y en a pour 13 000 F !... Cela fait un beau tapage dans les bureaux ! Du comptable, l'affaire remonte toute la hiérarchie militaire : qui est responsable ? Qui est coupable d'une telle négligence ?... Le général Cazin est reparti en France — son successeur juge bon de classer l'affaire. Sans suite ! Le Père n'en revient pas de la façon magistrale et pleine d'humour dont la Providence l'aide.

Le chantier du Ba-Vi bat son plein de nouveau : il faut, pour accueillir le camp de juillet 1941, construire un chalet de vingt-cinq mètres sur six, pour cinquante campeurs ; une maison de gardien ; un four à pain ; et bien sûr une chapelle, dont la capacité est prévue pour cent cinquante personnes. Le tout doit être édifié en dur, mais il y aura aussi cinq huttes en rondins. Manifestement Notre-Dame tient à son domaine car, moyennant de la part du Père une dépense d'énergie qui

Khu cắm trại nổi tiếng Ba Vì không vì thế mà bị lãng quên. Nếu nó đã tạm ngừng yên trong những tháng khó khăn, lúc quân Nhật xâm chiếm, thì nay an bình trở lại cho phép tiếp tục tiến hành công việc để có thể tiếp đón hàng trăm bạn trẻ vào những kỳ nghỉ tới. Việc khai phá tiếp tục và bây giờ phải nghĩ đến việc xây dựng kiên cố. Dĩ nhiên cha không có một xu dính túi để bắt đầu! Vận động với giám mục. Liên lạc với một người bạn chủ thầu. Cha khám phá ra một xưởng máy bay mà việc xây dựng đã bỏ bê vì lý do chiến tranh - và xưởng máy tràn ngập những vật liệu chưa được sử dụng: sắt bê tông, xi măng, gỗ làm mộc và ván cốp pha, sắt vụn, cát...: tất cả trị giá khoảng 60.000 quan - một số tiền khổng lồ đối với cha! Cha chỉ có nụ cười để thuyết phục. Người ta muốn nhượng cho cha tất cả với giá... 10 quan. Ngang bằng giá tiền khu đất!

Nhưng bây giờ làm sao vận chuyển hàng trăm tấn vật liệu này? Không sao sót! Tướng Cazin, chỉ huy sư đoàn Bắc Kỳ, chấp nhận cho cha mượn một xe Ford nhà binh tuyệt đẹp và rất mạnh, có thêm tài xế và phụ xế. Cha chỉ cần chi tiền xăng: Cha nghĩ đó là chuyện nhỏ. Đồng ý!

Như vậy, vật liệu xây dựng cần thiết sẽ được vận chuyển đến chân núi ở cao độ 400. Nhưng làm sao đưa lên cao được 400 m nữa, qua bốn cây số đường mòn khó khăn tới tột...Cha liền hỏi mượn ông tướng một đội la để vận chuyển tất cả lên độ cao 800.

“Cha cần bao nhiêu?” - 50 con, thưa thiếu tướng”. - “Được, đồng ý, tôi cho cha mượn”.

Nhưng một năm rưỡi sau đó, người ta nhận ra rằng bộ phận kế toán trong quân đội đã quên gửi hóa đơn tiền xăng: số tiền lên tới 13000 quan. Đây là một chuyện gây nhiều xôn xao trong công sở! Từ bộ phận kế toán, sự việc đã được trình lên tất cả hệ thống quân giai. Ai chịu trách nhiệm? Ai là thủ phạm một việc cầu thả đến vậy? Tướng Cazin đã trở về Pháp. Người kế nhiệm cho rằng tốt hơn nên xếp hồ sơ đó lại! Cha hết sức ngạc nhiên về cách thức đặc biệt và hết sức hài hước mà Chúa Quan Phòng đã giúp đỡ cha.

Công trường Ba Vì lại sôi động trở lại: để mở trại vào tháng bảy 1941 thì phải xây dựng một nhà gỗ dài 25 m rộng 6 m, dành cho 50 trại sinh, một nhà bảo vệ, một lò bánh mì và dĩ nhiên một nhà nguyện, dự kiến có thể chứa được 150 người. Tất cả phải được xây dựng kiên cố, nhưng cũng cần phải có 5 căn chòi bằng gỗ tròn nữa. Rõ ràng Đức Mẹ rất tha thiết với lãnh địa của mẹ; Vì Mẹ dùng năng lực của cha, một thứ năng lực vượt xa mọi thứ ta có thể tưởng tượng được.

dépasse ce qu'on peut imaginer, puisqu'il doit être à la fois chef de chantier, recruteur et formateur des jeunes et de leur encadrement, intendant de la nourriture et des transports, directeur et organisateur des activités, père spirituel, prédicateur, confesseur, etc., tout est prêt à temps.

C'est à ce moment qu'arrive une aide inattendue et inappréciable : Caroline. Mais laissons le Père nous la présenter. C'est avec émotion que j'écris ce nom... « Caroline ». Ma chère Caroline ! Quelle vaillante et fidèle compagne... pas très jolie, il est vrai, mais si dévouée, si empressée à faire mes quatre volontés. Oui, Caroline tient une place dans ma vie, et tous ceux qui me connaissent à Hanoi savent que nous sommes deux inséparables. Elle sans moi, moi sans elle, non, ce ne serait plus le Père Seitz ! Dieu seul sait quelle part elle a dans tous mes labeurs ! Ces effusions, peut-être, vous scandalisent ? Écoutez plutôt, et vous verrez qu'il n'y a pas lieu.

L'avant-veille du départ pour le camp de Ba-Vi, j'étais donc chez moi, à la mission, noyé dans un monceau de sacs, de caisses, de paniers destinés à être transportés au camp. On vient m'avertir qu'une dame et un monsieur me demandaient. Je ronchonnis un peu contre ces visiteurs importuns et, tout en épongeant la sueur qui ruisselait de mon visage, je retrouvais un sourire presque aimable pour les inviter à entrer.

« Mon Père, me dit la dame, nous venons vous faire une offre qui, sans doute, vous fera plaisir... » — « Qu'est-ce qui pourrait bien me faire plaisir, pensai-je: un coup de main pour boucler mes valises ? Ah ! oui, je veux bien ! » Je gardai pour moi ces réflexions impertinentes et restai muet. Bien m'en prit !

— « Nous venons vous faire cadeau d'une voiture automobile, mon Père, si ça vous va ? » — « Hein ? Quoi ? Une... une auto ? » Je regarde bien la dame. Non, elle a évidemment un sourire amusé, mais elle n'a pas l'air de se payer ma tête. Cette personne, d'ailleurs, je la connais bien, c'est la veuve d'un garagiste; elle continue à diriger l'affaire ; le monsieur qui l'accompagne est son chef de chantier. Alors, je réalise ce coup providentiel, — « Madame, c'est Dieu qui vous envoie. J'avais en effet besoin d'une voiture 1, et il vous a inspiré cette bonne et généreuse pensée. J'accepte évidemment et je vous remercie. » J'étais un peu ému.

Vì, cùng một lúc, cha có thể là trưởng công trình, là người tuyển mộ, là người huấn luyện thợ trẻ và sắp xếp các tổ trưởng. Cha còn quản lý thực phẩm và các phương tiện vận chuyển, là giám đốc và tổ chức các hoạt động. Là cha linh hướng, giảng dạy và giải tội... mọi thứ đều sẵn sàng đúng lúc.

Chính lúc này một sự trợ giúp bất ngờ và vô giá được gửi đến: Caroline. Nhưng hãy để cha giới thiệu về Caroline.

Tôi rất xúc động khi viết tên “Caroline”. Caroline thân thương của tôi! Một người bạn can trường và trung thành!... Không đẹp lắm, nhưng, rất tận tụy, rất ân cần làm theo ý tôi. Phải, Caroline đã có một chỗ đứng trong đời tôi, và tất cả những ai quen tôi ở Hà Nội đều biết rằng hai chúng tôi không hề xa rời nhau. Caroline không có tôi, tôi không có Caroline, không, tôi sẽ không phải là cha Seitz nữa! Chỉ một mình Chúa biết Caroline chia sẻ những phần nào trong công việc của tôi! Chắc hẳn những tình cảm dạt dào này có thể gây gương mù gương xấu cho các bạn? Hãy nghe đi và các bạn sẽ thấy rằng không có gì đáng lo.

Hai ngày trước khi lên Trại Ba Vi, tôi đang ở nhà, tại giáo xứ, đang ngập lặn giữa đống bao bì, thùng két, thùng mùng, chuẩn bị chuyên chở lên trại. Người ta báo cho tôi là có một phụ nữ và một người đàn ông muốn gặp tôi. Tôi hơi cầu nhàu với những người khách không-mời-mà-đến này, và trong lúc thăm mò hôi lã chã trên khuôn mặt, tôi tìm lại được một nụ cười khá dễ thương để mời họ vào.

Người phụ nữ nói: “Thưa cha, chúng tôi đến để tặng cha một món quà, chắc hẳn sẽ làm cha hài lòng....” “Tôi tự nghĩ cái gì có thể làm tôi vui lòng? Họ giúp tôi một tay để xếp xong hành lý chẳng? A, phải rồi, được vậy thì quá tốt! Tôi giữ lại trong đầu những suy nghĩ vu vơ này và đứng lặng câm. Thật may cho tôi!

“Thưa cha, chúng tôi đến để tặng cha một món quà, một chiếc xe hơi.(1) nếu cha muốn?” - “Sao? Cái gì? Một... một chiếc xe hơi?”. Tôi nhìn thật kỹ người phụ nữ. Không, hẳn nhiên là bà ta có một nụ cười ranh mãnh, nhưng không có vẻ gì là chế giễu tôi. Đàng khác, người phụ nữ này, tôi rất quen. Đó là vợ góa của một ông chủ gara. Bà ta tiếp tục điều khiển công việc đó. Người đàn ông đi theo bà ta là trưởng xưởng của bà. Lúc đó tôi nhận ra ngay bàn tay quan phòng của Chúa. - “Thưa bà, chính Chúa đã gọi bà đến. Thực sự tôi đang rất cần một chiếc xe hơi. Và Thiên Chúa đã gọi lên trong bà ý tưởng tốt lành và hào hiệp kia. Dĩ nhiên tôi đón nhận và tôi cảm ơn bà”. Tôi khá xúc động.

Le lendemain, je prenais livraison du véhicule. Sans perdre une minute, car le temps pressait, je fis les démarches nécessaires pour obtenir les papiers de circulation, et le matin du 1er juillet, les campeurs poussèrent des « hurrahs ! » quand ils me virent au volant d'une voiture. « Elle est moche ! » — « C'est une pétoire ! » — « C'est un clou ! » À qui mieux mieux, les gosses irrespectueux donnaient libre cours à leurs impressions. « C'est une bagnole, c'est une "Caroline" ! » lança un loustic. Du coup, ma voiture était baptisée. Le nom lui resta et depuis lors tout Hanoï sait de qui l'on parle quand on parle de « Caroline » !

De fait, mes campeurs avaient raison : à côté des V. 8 de leur papa, Caroline faisait figure d'ancêtre, d'animal préhistorique. C'est une Citroën, ancien, très ancien modèle, dont la fabrication date de 1924 : il y a donc plus de vingt ans que cette voiture roule ; elle est démodée, mais c'est une extraordinaire voiture: après 300 000 kilomètres sur toutes les routes de Chine et d'Indochine, elle tient encore sur ses roues. Vraiment, Citroën est un grand homme ! Je ne pense pas qu'une seule autre marque au monde — excepté Ford — ait produit pareille réussite.

Elle ne dépasse pas les 60 km à l'heure au grand maximum ; c'est tout à fait une voiture pour un prêtre : un instrument de travail, sans prétention, et non un instrument de luxe ou de plaisir. C'est une Torpédo trois places, mais il est courant que nous soyons huit dans la voiture, et nous 1. On se rappelle que sa Simca avait été vendue 15 000 F pour payer ses dettes antérieures. sommes allés parfois jusqu'à quinze voyageurs, sans compter un monceau de bagages ! Je n'exagère rien.

Caroline a eu un certain nombre de pannes retentissantes, me laissant des journées ou des nuits entières sur la route. Je ne lui en ai jamais voulu... comme elle ne m'en a jamais voulu de lui avoir fait exécuter certains tours de force au-dessus de sa condition et de son âge. D'un mot, c'est une voiture légendaire qui a été de toutes mes expéditions depuis quatre ans 1. J'ai décrété que jamais je ne m'en séparerai. Je pense même que s'il y a un paradis pour les voitures, nous y serons ensemble.

Le camp est un succès dont on parlera longtemps. Deux mois de vie intense, deux mois d'aventure, avec des responsabilités écrasantes. Le Père Seitz ne redoute rien ni personne.

Il rentre à Hanoï au début de septembre, rendant grâces à Dieu et à Notre-Dame,

Hôm sau, người ta giao xe cho tôi. Không lãng phí một phút, vì thời gian cấp bách, tôi tiến hành ngay các thủ tục để có giấy phép lưu hành và sáng ngày 1 tháng 7 các trại viên la lên "hu ra" khi thấy tôi đang cầm vô lăng xe. "Xí quá! -"Xe tôi!"- "Xe cùi!" Mạnh ai nấy góp ý, các cậu bé vô lễ này tự tiện đưa ra nhận xét. Một anh diều: "Đó là một chiếc xe cổ lỗ sĩ, một chiếc "Caroline"! Vậy là chiếc xe của tôi được đặt tên, và giữ mãi tên ấy. Kể từ lúc đó cả Hà Nội đều biết người ta nói về ai, khi người ta nhắc đến đến "Caroline"!

Thực ra, các trại viên cũng có lý, vì bên cạnh những chiếc xe V.8 của cha họ, Caroline mang dáng dấp của một cụ tổ, một động vật tiền sử. Đó là một chiếc Citroen cũ, mẫu mã rất xưa, được chế tạo từ năm 1924: Như vậy nó đã lãn bánh hơn 20 năm; nó đã lỗi thời. Nhưng đó là một chiếc xe phi thường: sau 300 000 cây số trên các nẻo đường Trung Quốc và Đông Dương, nó vẫn chạy tốt. Thực sự Citroen là một đại nhân! Tôi không nghĩ rằng có một nhãn hiệu nào trên thế giới - trừ Ford- đã chế được một chiếc xe bền bỉ như vậy.

Tốc độ tối đa của nó cũng không quá 60 cây số 1 giờ. Đây đích thực là xe của ông cha: một dụng cụ làm việc giản dị, không phải là thứ xa xỉ hay để ăn chơi. Đó là một chiếc Torpedo 3 chỗ, nhưng thường chúng tôi chở 8 người. Và thậm chí đến 15 người, chưa kể một đồng hành lý! Tôi không nói ngoa chút nào!

Caroline cũng có một số lần trục trặc nổi tiếng; Nhiều lần bắt tôi cả ngày cả đêm nằm lại trên đường. Tôi không hề giận nó, cũng như nó không bao giờ oán tôi đã bắt nó làm những việc nặng nhọc, vượt quá điều kiện và tuổi tác của nó. Nói tóm lại, đó là một chiếc xe huyền thoại, đã đồng hành với tất cả những cuộc thám hiểm của tôi từ bốn năm qua.[Thư được viết năm 1945] Tôi nhất quyết rằng tôi sẽ không bao giờ rời xa nó. Thậm chí, tôi nghĩ rằng nếu có một thiên đàng cho xe cộ, thì chúng tôi cũng sẽ ở chung trên đó.

Cuộc trại thành công và được người ta bàn tán dài dài. Hai tháng sống mãnh liệt, hai tháng mạo hiểm, cùng những trách nhiệm nặng nề. Cha Seitz chẳng sợ gì cũng chẳng ngại ai.

Đầu tháng 9 cha trở về Hà Nội, tạ ơn Thiên Chúa và Đức Mẹ, với lòng tin sâu sắc là mình đã hoàn thành một việc làm hữu ích. Cha đã gieo và Thiên Chúa sẽ

avec le sentiment profond d'avoir fait oeuvre utile. Il a semé, Dieu daignera féconder son labour et rendre les âmes de ses jeunes plus belles et plus pures.

==

Note:

On se rappelle que sa Simca avait été vendue 15 000 F pour payer ses dettes antérieures.

====

**Aumônier de lycée ; directeur des oeuvres
(septembre 1941)**

Lors de la rentrée scolaire de 1941, la direction de l'Instruction publique, suivant les ordres reçus du gouvernement du Maréchal, écrit à l'évêque d'Hanoï pour lui demander de nommer un aumônier au lycée de la ville. Ce lycée Albert Sarraut — du nom d'un ancien ministre des Colonies et gouverneur de l'Indochine — compte alors un millier d'élèves français et cinq cents annamites. L'instruction religieuse y sera désormais donnée officiellement aux élèves qui en feront la demande. L'aumônier fera partie du corps enseignant, au même titre que les autres professeurs, avec le grade et la solde de professeur licencié de première classe, chargé de seize heures de cours par semaine.

Monseigneur fait part au Père Seitz de son intention de le nommer. — Pas question ! Il n'a déjà pas le temps de remplir tous ses devoirs de vicaire de la cathédrale, d'aumônier des prisons, d'aumônier scout et de bien d'autres obligations. Et puis, il ne se sent aucun goût ni aucune vocation de professeur ; comment, d'ailleurs, pourrait-il préparer seize heures de cours par semaine ?...

Son curé l'invite cordialement à accepter, moyennant un allègement de ses charges, et il se rend devant ce qu'il voit être la volonté de Dieu. Il ne le regrettera pas, car il s'aperçoit qu'il connaît déjà la moitié de ses élèves, et que ses nouvelles fonctions ont l'immense avantage de pouvoir exercer une influence plus profonde et plus suivie sur les jeunes coloniaux.

Hélas ! soupire-t-il : que de sujets de tristesse à ce propos ! Il découvre un trop grand nombre de jeunes gens bien doués, à l'âme naturellement droite et pure, mais trop tôt gâtés, pervertis par l'influence de la société coloniale. Il expérimente la parabole du semeur d'ivraie dans le champ du Seigneur : le luxe, l'orgueil, le flirt, tous les vices de cette société pourrie détruisent, étouffent tout élan généreux et durable. Il ne se décourage pourtant jamais et se répète : « Il n'est pas nécessaire d'espérer pour entreprendre, ni de réussir pour persévérer. » C'est le Seigneur qui récoltera la moisson.

thương cho đơm hoa kết trái, biến tâm hồn những người trẻ nên xinh đẹp và trong trắng hơn.

==

NB(1) Chúng ta nhớ lại Cha đã bán xe Simca của cha 15.000F để thanh toán nợ nần.

==

**Tuyên úy trường Trung học. Giám đốc các tổ chức xã hội
(tháng chín 1941)**

Dịp tựu trường năm 1941, Nha học chính, theo lệnh của chính quyền của thống chế Pétain, đã viết thư cho Giám Mục Hà Nội để xin một cha tuyên úy cho trường trung học của thành phố. Trường Albert Sarraut này mang tên một cựu bộ trưởng xứ thuộc địa, đồng thời cũng là toàn quyền Đông Dương. Trường lúc đó có 1000 học sinh Pháp và 500 học sinh Việt. Từ nay, giáo lý sẽ chính thức được dạy cho những học sinh nào muốn học. Vị tuyên úy sẽ thuộc Ban giảng huấn, ngang hàng với các giáo sư khác, theo cấp bậc và mức lương của một giáo sư cử nhân bậc nhất; cha phụ trách 16 giờ lớp / 1tuần.

Đức cha đã chia sẻ với cha Seitz về ý định ngài muốn bổ nhiệm cha. - Không được! Cha đã không có thì giờ chu toàn bổn phận cha phó nhà thờ chính tòa, làm tuyên úy nhà tù, tuyên úy hướng đạo và còn nhiều công tác khác nữa. Hơn nữa, cha không đam mê cũng không có thiên hướng về nghề giáo. Vậy làm sao có thể chuẩn bị 16 bài mỗi tuần?

Cha sở thân tình mời cha chấp nhận, bằng cách giảm nhẹ công việc giáo xứ cho cha. Cha vâng thuận theo điều mà cha thấy là ý Chúa. Và cha sẽ không hối tiếc, vì cha nhận ra là cha đã quen biết hơn nửa số học trò và công việc mới của cha có lợi thế to lớn giúp cha gây được rất nhiều ảnh hưởng sâu xa và liên tục hơn trên giới trẻ xứ thuộc địa.

Cha thở dài: Than ôi! Có biết bao chuyện đáng buồn trong vấn đề này. Cha nhận ra một số lớn các học sinh trẻ có năng khiếu, bản chất tâm hồn ngay thẳng và trong sạch, nhưng đã quá sớm bị hủ hóa, suy đồi do ảnh hưởng của xã hội thuộc địa. Cha cảm nghiệm được dụ ngôn người gieo cỏ lùng trong ruộng của Thiên Chúa: Xa hoa, kiêu căng, bợ bich, tất cả những thói hư tật xấu của một xã hội băng hoại, đã hủy diệt, bóp nghẹt tất cả đã vươn lên hào hiệp và lâu dài. Tuy nhiên cha không bao giờ thất vọng, cha luôn lập lại: “Không nhất thiết phải có hy vọng mới bắt tay vào việc, phải có thành công mới kiên trì”. Chính Chúa sẽ đến để gặt.

Il dispose d'un bureau au lycée, où il reçoit les élèves pour des entretiens et des confessions. Il a un salaire de 4 500 F par mois, qui sera porté à 9 000 F en 1944 et 1945. Et il sourit en rapportant ces chiffres, songeant à ses débuts dans la vie comme stagiaire agricole à la ferme Paillette, près du Havre, où il gagnait royalement 100 F par mois ! Il se remémore aussi la parole du Maître : « Celui qui quittera son père, sa mère, sa maison... recevra le centuple, et la vie éternelle. » Mais pauvre il est arrivé au Tonkin, pauvre il compte bien y mourir. Quelques jours après avoir touché son mois, il ne lui reste plus un sou en poche: tout est passé au service des pauvres et des oeuvres.

1942-1945:

Les Années De « Guerre Larvée »

Paul Seitz a maintenant atteint ce qu'on pourrait appeler sa « maturité professionnelle ». Il est dans la force de l'âge, il se sent parfaitement dans sa peau, il déploie ses activités tous azimuts et domine souverainement les situations les plus scabreuses, la Providence lui sourit manifestement dans toutes ses entreprises. Pas question de s'endormir sur un confortable lit de plumes, évidemment, bien au contraire ! Ni non plus de se laisser griser par les couronnes de lauriers qui écraseraient sa tête ! De celles-ci, il se rit avec son humour ravageur, et reporte tout à Dieu et à Marie.

Le camp Notre-Dame du Ba-Vi fait parler de lui, au point qu'il reçoit la visite officielle du gouverneur général et du résident supérieur — deux plus hautes personnalités d'Indochine — qui se montrent l'un et l'autre très satisfaits de ce qu'ils découvrent. Le Père leur explique ses projets d'expansion, portant la capacité d'accueil de 150 à 400 campeurs, alors qu'il n'a pas un sou et n'a même pas pu achever sa chapelle. Les autorités mettent alors leur point d'honneur à aider une telle entreprise et promettent : l'un une somme de 300 000 F pour agrandir les bâtiments, l'autre la construction d'une vraie route carrossable longue de trois kilomètres et l'arrivée d'une ligne électrique à haute tension.

C'est inespéré ! Il n'y a plus qu'à foncer... Comme d'habitude, le Père Seitz sait frapper aux bonnes portes et décupler ses talents de diplomate. En plus du camion qui est laissé en permanence à sa disposition, il obtient de l'armée que les exercices d'école de conduite des jeunes recrues de la Compagnie motorisée s'accomplissent désormais sur le trajet qui conduit au Ba-Vi. De la sorte, sans bourse délier, vingt camions militaires peuvent, chaque semaine, transporter jusqu'à soixante tonnes de matériaux. L'escadron de cinquante mulets obtenu précédemment est doublé, puis triplé. On imagine cette procession de cent

Cha có một văn phòng trong trường, nơi cha tiếp đón học sinh để trao đổi và để giải tội. Lương tháng của cha là 4.500 quan, đến năm 1944 và 1945 tăng lên thành 9000 quan. Cha mỉm cười khi đề cập đến những con số này. Cha nhớ lại những ngày đầu tiên thực tập nông nghiệp trong nông trại Paillette, gần Havre, chỉ kiếm được vón vện 100 quan mỗi tháng! Cha cũng nhớ lại lời thầy chí thánh: “Ai bỏ cha mẹ, nhà cửa ...sẽ nhận lại gấp trăm và được sự sống đời đời”. Nhưng đến Bắc Kỳ nghèo khó, cha cũng muốn chết ở đây khó nghèo. Vài ngày sau khi lãnh lương, cha chẳng còn một đồng xu dính túi: tất cả đã để giúp người nghèo và chi vào công việc bác ái từ thiện.

1942-1945

Những năm tháng “chiến tranh ngầm”

Lúc này cha Paul Seitz đã đạt tới đỉnh có thể gọi là “chín chắn chuyên nghiệp”. Cha đang ở vào tuổi sung sức. Cha cảm thấy hoàn toàn thoải mái. Cha bung hoạt động ra mọi hướng và làm chủ những tình huống khó khăn nhất. Rõ ràng Chúa Quan Phòng mỉm cười với cha trong mọi công việc. Dĩ nhiên, không có vấn đề ngủ quên trên giường nệm êm ấm, mà ngược lại. Cũng không được say men chiến thắng bằng những vòng nguyệt quế nặng trĩu trên đầu. Khéo léo, khôi hài, cha coi nhẹ tất cả những thứ đó và dâng tất cả cho Chúa và Đức Mẹ.

Trại Đức Mẹ Ba Vì khiến người ta nói nhiều về cha, đến độ mà vị toàn quyền và vị thống sứ đã chính thức đến thăm cha. Cả hai quan chức cao cấp nhất Đông Dương này đã tỏ ra rất hài lòng với những gì hai ông phát hiện. Cha giải thích cho các ông về chương trình mở rộng có khả năng đón tiếp từ 150 đến 400 trại sinh, trong khi cha không có một đồng xu và thậm chí cũng còn chưa xây xong nhà nguyện đang dở dang. Các quan chức lấy danh dự hứa giúp đỡ công trình này: một vị giúp 300000 quan để mở rộng các tòa nhà, một vị hứa xây dựng một con đường xe ô tô dài 3 cây số và dẫn một đường dây điện cao thế lên.

Vượt quá mọi mơ ước! Chỉ cần bắt tay vào việc ngay...Nhu thói quen, cha Seitz luôn biết đi gỡ những cửa cản gở và gia tăng gấp bội khả năng ngoại giao của mình. Ngoài chiếc xe nhà binh đang được trưng dụng lâu dài ra, cha còn nhờ quân đội cho các tân binh trong công ty cơ giới, từ nay, được thực tập lái xe trên đoạn đường lên núi Ba Vì. Như thế, không tốn một xu, 20 xe nhà binh có thể, mỗi tuần, vận chuyển được 60 tấn vật liệu lên đó. Đội 50 con la, cha có trước kia, được tăng lên gấp đôi, rồi gấp ba. Thử tưởng tượng một đoàn 150 con la cùng với 400 công nhân leo lên leo xuống triền núi dốc thẳng, trên những con

cinquante mulets, accompagnés de quatre cents coolies gravissant et redescendant la montagne abrupte dans la boue du sentier précédemment tracé, tandis que six cents autres coolies, travailleurs annamites prisonniers, commencent la construction de la route. L'exécution de l'établissement de la ligne à haute tension, elle, sur un parcours de dix kilomètres, se hérissé de mille difficultés en raison de la conformation du terrain et de la forêt inextricable.

Sur le plateau, il y a jusqu'à dix chantiers simultanés : bûcherons, menuisiers, charpentiers, maçons, couvreurs, porteurs... C'est une fourmilière qui s'affaire, sous la direction du missionnaire qui, grâce à Caroline, est présent chaque semaine, donnant ses directives, rectifiant les malfaçons, encourageant les faibles et soignant les blessés. C'est une course contre la montre pour que les installations soient terminées pour le 1er juillet 1942, afin d'accueillir les quatre cents jeunes prévus.

Ils seront là, dans un campement encore sommaire qui se perfectionnera au cours des premières semaines grâce à l'allant de tous et aux encouragements des cadres, qui savent mettre la main à l'ouvrage. Le Père Seitz a obtenu la présence de cinq officiers, dont deux capitaines, qui constituent l'état-major. Cinq aumôniers l'assistent pour la direction spirituelle et morale. Ils constituent une équipe vraiment unie et forte, vivant là-haut des semaines inoubliables.

Un camp, c'est une épreuve, proclame-t-il ; c'est quelque chose de dur, qui doit développer l'endurance et le caractère : mes gars étaient servis ; ils furent magnifiques !

Des incidents, il y en eut, bien sûr ! Mais le chef avait le don de rétablir les situations de façons inattendues et imprévues et de profiter de toute occasion pour élever les coeurs. Ainsi, un jour où tout le monde est parti en exploration, neuf aînés restent au camp, planqués.... À midi, le Père Seitz, le visage fermé, aborde les récalcitrants. « Pierre, pourquoi n'es-tu pas allé en explo ? » — « Je n'ai plus de chaussures et je ne tenais pas à y aller pieds nus !... » — « Et toi, Jean ? » — « J'ai mal aux pieds... » — « Et toi, Jacques ? » — « Je suis fatigué ! » — « Et toi, Charles ? » — « Ça ne me disait rien ! » etc. — « Merci. Toutes vos excuses sont bonnes. Mais là, franchement, dites-moi : si vous l'aviez voulu, étiez-vous en état de marcher quand même ?... » — « Oui, Père ! » — « C'est bien. Alors, voilà : ce soir, à 9 h, nous partons tous et nous ferons une explo de nuit, une explo dure, longue, dangereuse ; nous aurons sûrement à souffrir. Je ne vous en dis pas plus long. Peu vous importe où nous allons, n'est-ce pas ? Vous êtes prêts à marcher ? » — « Oui, Père. »

đường sinh lầy đã được khai mở trước đây. Trong khi đó 600 công nhân khác, là những tù nhân Việt Nam, bắt đầu xây dựng con đường. Việc xây dựng đường dây điện cao thế 10 cây số gặp nhiều khó khăn do địa thế hiểm trở và rừng rậm chằng chịt.

Trên cao nguyên, có đến 10 công trường cùng một lúc: nhóm thợ rừng, nhóm thợ mộc, nhóm thợ làm khung nhà, nhóm thợ xây, nhóm thợ lợp, nhóm khuôn vác... Như một tổ kiến lúc nhúc hối hả, dưới sự điều hành của vị thừa sai. Nhờ vào Caroline, cha luôn hiện diện hằng tuần, ra chỉ thị, sửa những sai sót, khuyến khích những người yếu, chăm sóc những người bị thương. Tất cả đang chạy đua với thời gian để hoàn tất vào ngày 1 tháng 7 năm 1942, dự kiến đón tiếp 400 bạn trẻ.

Và các bạn trẻ sẽ có mặt, tuy ở trong một khu cắm trại còn thô sơ, nhưng sẽ hoàn thiện trong những tuần lễ đầu tiên, nhờ vào sự năng nổ của mọi người, và vào sự khuyến khích của các trưởng, những người biết tra tay vào công việc. Cha Seitz cũng mời được năm sĩ quan, trong đó có 2 đại úy, vào trong ban trại trưởng. Năm cha Tuyên úy sẽ giúp việc linh hướng và đạo đức. Tất cả làm thành một ê kíp thực sự hợp nhất và vững mạnh, sống ở trên đó những tuần lễ khó quên.

Cha nói: Đi trại là một thử thách, một điều gì đó rất vất vả, nhưng nó phát triển khả năng chịu đựng và nhân cách. Các chàng trai của tôi đã trải nghiệm điều đó. Họ thật tuyệt vời!

Dĩ nhiên cũng đã có những chuyện bất trắc xảy ra! Nhưng người đứng đầu đã được phú ban cho khả năng biết giải quyết tình huống cách bất ngờ và đột xuất, biết lợi dụng mọi thời cơ để thăng tiến các tâm hồn. Chẳng hạn, một ngày nọ, mọi người đều đi thám hiểm, trong khi chín bạn lớn tuổi lại ở nhà và trốn trong lều... Đến trưa, cha Seitz, khuôn mặt nghiêm khắc, nói với những chàng trai lì lợm này: “ Pierre, sao con không đi thám hiểm?” - Con không có giày và con không muốn đi chân không!... - Còn con, Jean? - Con đau chân... - Còn con, Jacques? - Con mệt! Còn con, Charles? - Con không thích! ... --- Cảm ơn. Tất cả những lý do của chúng con đều hay. Nhưng nói thẳng cho cha đi, nếu chúng con muốn, thì dù sao đi nữa, chúng con cũng sẵn sàng đi chứ? - Thưa cha, vâng! - Được, vậy thì tối nay lúc 9 tất cả chúng ta sẽ đi thám hiểm đêm, một cuộc thám hiểm vất vả, kéo dài, và nguy hiểm. Chắc chắn chúng ta sẽ phải chịu

Ce dialogue se passait sous la tente, tandis qu'une pluie diluvienne battait la toile et que le tonnerre roulait à grands fracas au-dessus des têtes. Partir dans la nuit?... Et s'il fait ce temps-là?... La question n'est même pas posée : il est trop évident que la décision prise sera exécutée, même s'il devait pleuvoir des hallebardes.

Une bonne corde de quarante mètres est préparée : il faut marcher en cordée, c'est absolument nécessaire, le Père en tête, évidemment. À 9 h, sac au dos, en avant ! direction la chapelle. Toute la cordée se recueille un moment devant le Saint Sacrement et demande l'aide de Notre-Dame:

Mon Dieu, dit le Père, nous sommes un peu fous de partir ainsi dans la nuit ; mais nous avons une idée : expier. Nous vous offrons d'avance fatigues et souffrances. Aidez-nous seulement à tenir jusqu'au bout. Tant qu'on n'a pas tout donné, on n'a rien donné.

Un genou en terre, les campeurs reçoivent la bénédiction du prêtre. Ils partent, avec deux lampes électriques, suivent une piste qui monte raide, puis gravissent une muraille presque verticale, dans un fouillis inextricable de lianes, de plantes aux piquants acérés, d'herbes coupantes ; puis c'est un fourré impénétrable ou il faut ramper pendant près de trois heures. Les sangsues en profitent pour attaquer les jambes nues.

Pas de jurons, avait dit le Père. Si vous tombez, si vous souffrez, serrez les dents, mais pas un mot ; pas de disputes, bien sûr, en cordée où il faut penser à celui qui est devant, à celui qui est derrière, jamais à soi. Il y eut seulement, une fois, un mot de Cambronne parti trop vite, et non sans motif... À minuit moins quatre: « Halte ! »

Mes enfants, je porte dans mon sac tout le nécessaire pour dire la messe, quand nous serons arrivés 1. Je pense que plusieurs d'entre vous auront à coeur de couronner cette explo par une communion. Je tiens à vous avertir que nous ne disposons plus que de quatre minutes si nous voulons nous reconforter. Ensuite, il faudra souffrir de la faim et de la soif. À bon entendeur, salut 2 !

Le bidon de café passe de main en main. Minuit : en marche ! Le ramping continue, fastidieux, pénible au dernier degré !

đặng. Cha không muốn nói dài hơn nữa. Đi đâu, không quan trọng chứ? Chúng con sẵn sàng để khởi hành chứ? - Thừa cha, vâng”

Những lời trao đổi đó diễn ra dưới lều trại, trong khi mưa như thác đang đổ xuống trên lều bạt và sấm sét âm ầm trên đầu. Đi trong đêm sao?... Đi trong thời tiết này à?... Câu hỏi thậm chí đã không được đặt ra. Quá rõ ràng: đã quyết định là thì hành, dẫu trời mưa như trút nước.

Một sợi dây thừng 40 mét, bền chắc được chuẩn bị để mọi người đều bắt buộc phải bám vào dây để đi theo nhau. Tuyệt đối cần thiết, và dĩ nhiên cha đi đầu. Lúc 9 giờ, ba lô trên lưng, mọi người tiến bước! về hướng nhà nguyện. Tất cả đoàn dây dừng lại một lúc, trước Thánh Thể và nguyện xin Đức Mẹ phù giúp:

Cha cầu nguyện: Lạy Chúa, chúng con khá điên dại, khi ra đi như thế này trong đêm. Nhưng chúng con có một ý định, đó là đền tội. Chúng con dâng trước cho Chúa những vất vả, những cơ cực của chúng con. Chỉ cần xin Chúa giúp chúng con kiên trung đến cùng. Bao lâu chưa cho hết là chưa cho gì hết.

Các trại sinh quỳ một chân, lãnh phép lành của cha. Họ xuất hành với hai đèn pin, đi theo một đường mòn dốc đứng, rồi leo qua một bức tường gần như thẳng đứng, giữa một mớ hỗn độn những dây leo chằng chịt, những cây nhọn, những cỏ sắc. Sau đó đến một lùm cây rậm rạp không thể vào được mà phải bò trong gần 3 giờ. Những con vắt loại dụng để tấn công những bắp chân trần.

Cha nói: đừng chửi thề. Nếu chúng con té ngã, nếu chúng con đau đớn, hãy nghiêng rặng lại, đừng nói gì. Dĩ nhiên, không được cãi vờ. Đi trong đoàn dây, phải nghĩ đến người đi trước, đến người đi sau, đừng bao giờ nghĩ tới mình.

Chỉ có một lần, một câu chửi thề vang lên chớp nhoáng và không phải không có lý do... Vào lúc 12 giờ đêm kém 4 phút, một tiếng hô vang: “Dừng lại!”.

Này các con, cha đang mang trong balô của cha những thứ cần thiết để dâng lễ, khi chúng ta đến nơi.(1) Cha nghĩ rằng nhiều người trong chúng con ao ước tuyên dương cuộc thám hiểm này khi chúng ta đạt đích, bằng việc rước lễ. Cha muốn báo với chúng con rằng chúng ta chỉ còn 4 phút, nếu chúng ta muốn ăn uống gì. Sau đó chúng ta “phải nhịn ăn nhịn uống” để giữ chay rước lễ. Ai hiểu được thì hiểu! (2)

Bi đông cà phê được chuyền tay nhau. 12 giờ đêm: lên đường! Cuộc leo núi tiếp tục, vừa chán, vừa mệt mỏi hết cỡ!

2 h 30 : victoire ! joie ! exultation! Le sommet de la montagne est atteint — un sommet de dix mètres de diamètre, — après cinq longues heures de crapahutage. Tout le monde est fourbu, mais le moral est splendide. Peut-être pourrait-on s'étendre ici et dormir ? Pas question!

Il s'agit de redescendre maintenant, et ce n'est pas le plus simple. De quel côté ? On ne voit rien ! On ne connaît rien ! À tâtons, on s'engage au hasard, mais on s'est trompé ; il faut revenir, remonter. On cherche d'un autre côté : la ténacité est récompensée, on glisse sur une vague piste, et bientôt on se retrouve en terrain connu. Ouf !

Il est 4 h 30. Il y a 7 h 30 qu'ils marchent, rampent, escaladent et retombent. Mais dans la joie de l'aurore qui pointe, ils ne ressentent même plus la fatigue. L'autel pour la messe est dressé. Mes enfants, je pense que vous avez compris le sens de ce que nous venons de faire. Cet effort, cette performance physique, c'est l'image d'un autre effort, moral et spirituel celui-là, que vous devez faire. C'est la preuve aussi que vous êtes capables de l'accomplir. Cette montagne que vous avez su gravir, c'est le symbole d'une autre montagne, celle de Dieu et qu'il vous faut gravir aussi : la sainteté.

Il faut à notre siècle des saints et des héros : vous venez de vous donner à vous-mêmes le preuve que vous êtes capables de le devenir — *si vous le voulez.*

Ite, missa est. La messe terminée, on ouvre le sac aux provisions. On dévore.

Le jour est venu. On se regarde. Les visages sont tirés, mais dans les yeux brille une flamme. Chacun examine ses glorieuses blessures ; on compte quinze sangsues dans l'une d'elles. Les vêtements sont déchirés, sanglants, souillés de terre et d'humus.

Dernière étape ; la cordée se renoue, c'est maintenant la descente rapide, presque aisée, vers le camp. Ils n'oublieront pas ! Pour la vie ils sauront ce que c'est que : — la discipline, — le travail en équipe, — le dépassement de soi-même.

Le Père aussi est profondément heureux. La formule du camp de jeunesse du

2:30: Chiến thắng, vui mừng, phấn khởi. Đỉnh núi - 10m đường kính - đã được chinh phục - sau năm giờ nhầy nhụa. Mọi người đều mệt lử, nhưng tinh thần thì sáng khoái. Có thể nằm dài và ngủ ở đây chăng? Không được,

bây giờ còn phải đi xuống nữa. Không đơn giản chút nào. Xuống lối nào đây? Không nhìn thấy gì! Không nhận ra gì hết! Mò mẫm, may rủi, nhưng rồi họ đã đi sai lối. Phải trở lại, phải lên lại. Họ tìm phía khác. Sự kiên trì đã được thưởng công. Họ lướt đến một đường mòn và ngay sau đó họ tìm ra khu đất quen thuộc. Tạ ơn Chúa!

Đã 4:30 sáng. Đoàn đã đi, đã bò, đã trượt, đã té 7 tiếng rưỡi. Nhưng khi bình minh ló rạng, họ không còn cảm thấy mệt nữa. Bàn thờ dâng lễ được dựng lên.

Chúng con thân mến, cha nghĩ rằng chúng con đã hiểu được ý nghĩa của việc chúng ta vừa làm. Sự cố gắng đó, việc tập luyện thân thể đó, chính là hình ảnh của một cố gắng đạo đức và thiêng liêng khác mà chúng con phải làm. Đó là bằng chứng rằng chúng con có thể hoàn thành được. Ngọn núi mà chúng con đã tìm cách leo lên đó chính là hình ảnh của một ngọn núi khác, ngọn núi của Thiên Chúa và chúng con cũng phải leo lên: đó chính là sự thánh thiện.

Thế kỷ chúng ta cần các thánh nhân và các anh hùng: chúng con vừa chứng minh cho chính chúng con rằng chúng con có khả năng để nên thánh và anh hùng - nếu chúng con muốn.

Ite, missa est. Thánh lễ đã kết thúc. Họ mở ba lô thực phẩm ra. Và ăn ngấu nghiến.

Trời sáng. Họ nhìn nhau. những khuôn mặt phờ phạc, nhưng trong đôi mắt, một ánh lửa bùng sáng. Mỗi người kiểm tra những vết thương về vang của mình. Trên một trong những vết thương đó, người ta đếm được 15 con vắt. Áo quần rách bươm, dính máu, vương đầy bùn đất.

Giai đoạn chót; đoàn người leo núi lấy lại dây cột, bây giờ họ đi xuống trại rất mau, gần như dễ dàng. Họ sẽ không bao giờ quên! Suốt cuộc đời, họ sẽ hiểu thế nào là ý nghĩa của kỷ luật, của việc làm theo nhóm và của sự vượt qua chính mình.

Riêng Cha cũng hết sức sung sướng. Công thức của trại giới trẻ Ba Vì nay đã

Ba-Vi est maintenant au point, indiscutée ; elle a l'estime et la confiance de tous: parents et jeunes, maîtres et supérieurs.

==

Notes:

1. *On imagine le poids que cela devait représenter ! Il ne pouvait célébrer la messe qu'avec une pierre d'autel, les nappes d'autel, tous les ornements nécessaires, les vases sacrés, le missel, les cierges, etc.*

2. *Les règles canoniques du jeûne eucharistique étaient à l'époque qu'on ne devait absorber ni nourriture ni boisson à partir de minuit, si l'on voulait communier le matin*

==

« **Un retour en chrétienté** »

Dans *L'Étoile du Ba-Vi*, organe des campeurs du camp Notre-Dame, il résume la raison d'être de ces camps : C'est notre premier but, toute notre ambition. C'est notre objectif suprême, qui contient, informe et achève tous les autres.

C'est la caractéristique propre de notre camp : recréer, redécouvrir l'atmosphère de la communauté chrétienne primitive. Si cette expérience ne devait pas être réalisée, j'estimerais pour rien un succès extérieur possible. Notre camp est comme un temple immense, temple aux fortes colonnes que chaque jour, ensemble, nous édifions.

La première de ces colonnes, c'est **la joie**.

Oui, d'abord la joie, parce que le chrétien n'est ni sombre ni triste. La joie qui dilate les coeurs, éclaire les visages, rend la vie douce et légères les contrariétés. Joie qui vient de l'âme et non de la sensibilité satisfaite, joie qui n'a rien de commun avec le plaisir. Joie de celui qui sait bien que ce qu'il fait est grand, est beau, est dur... et pas du tout commun. Joie de l'homme enfin, qui se dépasse, s'élève et se sent plus pur, plus près de son Dieu, dans sa grâce et son amitié.

La seconde colonne de notre temple est **La Charité**.

« oyez comme ils s'aiment ! » disait-on des premiers chrétiens. Le vrai campeur, c'est celui qui s'oublie, pour servir, qui pense aux autres. C'est celui qui pardonne aisément et sans réticence le mal qu'on aurait pu lui faire. C'est celui

hoàn chỉnh, không ai còn bàn cãi. Mọi thành phần: phụ huynh và giới trẻ, thầy cô và các bề trên đều ưa thích và tin tưởng.

==

NB:

1. *Thờ tưởng tượng sức nặng của những thứ này! Để dâng lễ, cha cần có đá thánh, khăn bàn thờ, và tất cả những những vật dụng cần thiết như chén thánh, sách lễ, nến*

2. *Giáo Luật về việc giữ chay Thánh Thể thời đó: “ không được ăn uống thứ gì hết từ nửa đêm, nếu muốn rước lễ vào buổi sáng”.*

==

“**Trở lại cộng đoàn Kitô giáo**”

Trong *Ngôi sao Ba Vi (L'Étoile du Ba Vi)*, cơ quan ngôn luận của trại sinh hội trại Đức Bà, cha đã tóm tắt lý do tồn tại của những hội trại này: *Đó là mục đích đầu tiên, là tham vọng của chúng ta. Là mục tiêu tối thượng của chúng ta vì nó chứa đựng, chi phối và hoàn tất tất cả những mục tiêu khác.*

Đây là đặc điểm của riêng hội trại chúng ta: tái tạo, tái khám phá ra bầu khí của cộng đoàn tín hữu đầu tiên. Nếu cảm nghiệm này không được thực hiện, cha nghĩ rằng mọi thành công bên ngoài đều là bất khả thi. Hội trại của chúng ta giống như một ngôi đền rộng lớn, có nhiều cột trụ vững chắc mà mỗi ngày, chúng ta đều phải cùng nhau xây dựng.

*Cột trụ thứ nhất, đó là **Niềm vui**.*

Đúng thế, trước tiên là niềm vui, vì Kitô hữu không phải là người u sầu, buồn bã. Niềm vui làm giãn nở con tim, làm rục rở khuôn mặt, làm cuộc sống trở nên êm dịu và biến những nghịch cảnh nên nhẹ nhàng. Niềm vui đến từ tâm hồn không phải là một cảm xúc được thỏa mãn. Niềm vui hoàn toàn khác với thú vui. Niềm vui của kẻ biết rằng điều mình làm là lớn lao, là xinh đẹp, là chắc chắn... và không có gì so sánh được. Cuối cùng niềm vui của con người tự vượt qua chính mình, tự vươn cao, và cảm thấy trong sáng hơn, gần gũi Thiên Chúa hơn, trong ân sủng và trong tình thân với Ngài.

*Cột trụ thứ hai của đền thờ chúng ta, đó là **Yêu thương**.*

“Xem kìa, họ yêu thương nhau dường nào!” Người ta đã nói về những Kitô hữu đầu tiên như vậy. Trại sinh đích thực chính là người biết quên mình để phục vụ, biết nghĩ đến người khác. Đó là người biết tha thứ dễ dàng và không ngần

qui est doux et patient envers les autres, mais dur pour lui-même. C'est celui enfin qui puise cette charité pour ses frères dans sa « *Un retour en chrétienté* » charité pour son Dieu, parce que le premier et le second commandements ne font qu'un. Il aime et sert son Dieu, il accomplit les gestes du chrétien, simplement, virilement, sans ostentation comme sans respect humain, parce que c'est ainsi que cela doit être.

Et la troisième colonne, **c'est l'obéissance.**

Le Fils de Dieu a obéi à un homme, à une femme. Le Fils de Dieu, chaque matin, obéit à la voix du prêtre, à son appel. Il se rend sur l'autel. C'est pourquoi l'obéissance, la discipline, qui élèvent et ennoblissent, loin d'avilir, qui fortifient et affermissent, loin d'affaiblir, sont voulues et recherchées, aimées dans notre camp. Obéissance à une règle. Obéissance à une hiérarchie, soumission au chef, à qui l'on donne les marques du respect qui lui est dû.

L'orphelinat Sainte-Thérèse

Chaque oeuvre, chaque succès n'est, pour le Père Seitz, qu'un tremplin pour rebondir plus loin, plus haut, plus fort. C'est vers les plus pauvres, les plus délaissés, que va maintenant s'orienter l'apostolat du missionnaire. Qui pénètre dans les banlieues de la capitale du Tonkin découvre une population vivant dans la détresse la plus sordide : des huttes de bois et de paille au bord de chemins boueux dans lesquels traînent des buffles, des porcs, de rares volailles étiques ; des vieillards assis sur un tronc d'arbre, entourés d'enfants malingres, couchés à même le sol, dont une maigre proportion atteindra l'âge de cinq ans, faute d'hygiène, d'eau potable, de soins élémentaires. Une enquête de l'époque conclut que « les neuf dixièmes de la population du delta du Tonkin vivent aux confins de la misère et de la famine ».

Certes, les nombreuses communautés de religieux et de religieuses ont apporté peu à peu, depuis un siècle, et selon leurs moyens, une importante amélioration à la situation, en construisant des maisons d'accueil pour les enfants, les malades, les vieillards, en nourrissant et soignant tous ceux qui venaient frapper à leurs portes, en éduquant dans leurs écoles et collèges. Les autorités civiles se sont efforcées, elles aussi, de venir en aide aux indigènes qu'elles employaient et à leur famille, mais de façon toujours insuffisante par rapport aux immenses nécessités d'une population à la merci des intempéries, des typhons, des

ngại điều xấu mà người khác có thể làm cho mình. Đó là người dịu dàng và kiên nhẫn với những người khác, nhưng lại cứng rắn với chính mình. Sau cùng, đó là người lấy nguồn tình yêu cho anh em mình từ tình yêu đối với Thiên Chúa. Vì điều rắn thứ nhất và thứ hai chỉ là một. Người ấy yêu mến và phục vụ Thiên Chúa, chu toàn bốn phận Kitô hữu cách đơn giản, mạnh mẽ và không phô trương, cũng như không e sợ dư luận; vì điều đó cần phải như vậy.

Cột trụ thứ ba, đó là vâng lời.

Con Thiên Chúa đã vâng lời một người đàn ông và một người phụ nữ. Mỗi sáng, Con Thiên Chúa vâng nghe lời mời gọi của linh mục. Người ngự xuống trên bàn thờ. Chính vì thế cả vâng lời lẫn kỷ luật giúp vươn lên, giúp nâng cao phẩm giá thay vì giảm giá trị, củng cố và tăng sức hơn là làm suy yếu. Trong hội trại của chúng ta, chúng ta đòi hỏi, tìm kiếm, và quý chuộng hai đức tính này. Tuân theo một nội quy. Tuân theo một trật tự cấp bậc, phục tùng người chỉ huy, biểu lộ sự kính trọng, như người ấy đáng được kính trọng.

Cô nhi viện Thánh Têrêsa

Mỗi công việc, mỗi thành công đối với cha Seitz chỉ là cầu nhún để nhảy xa hơn, cao hơn và mạnh hơn. Lúc này việc tông đồ của vị thừa sai hướng về những người nghèo khó nhất, những người bị bỏ rơi nhất. Cha đi vào những khu vực ngoại ô của thủ đô Bắc Kỳ. Cha phát hiện một số dân sống trong cảnh bần cùng và bần thiêu nhất: họ sống trong những chòi gỗ, mái rạ, cạnh những con đường bùn đất lầy lội, nơi người ta hiến thị tất cả nào trâu nào heo và cả những chú gà hiêm hoi mà lại ôm nhách ôm nheo; những cụ già ngồi trên những khúc gỗ, lũ trẻ ốm yếu vây quanh, nằm ngay trên nền đất, trong số đó rất ít đứa sẽ sống đến 5 tuổi, do thiếu vệ sinh, thiếu nước sạch và thiếu sự chăm sóc y tế sơ đẳng. Một cuộc điều tra lúc đó kết luận rằng 9/10 dân chúng ở châu thổ Bắc Kỳ sống trong hoàn cảnh nghèo khó và thiếu ăn.

Dĩ nhiên, nhiều cộng đoàn dòng tu, từ một thế kỷ qua, tùy theo phương tiện của họ, đã dần dần cải thiện khá tốt tình hình; xây dựng nhà đón tiếp trẻ em, bệnh nhân, người già; nuôi nấng và chăm sóc tất cả những ai đến gõ cửa; giáo dục các thiếu nhi trong các trường tiểu học và trung học. Giới chức dân sự cũng cố gắng hết sức để giúp đỡ các nhân viên bán xứ và gia đình của họ; nhưng vẫn luôn không thấm vào đâu so với nhu cầu rộng lớn của đám dân chúng luôn luôn sống dưới sự đe dọa của thời tiết khắc nghiệt, của cuồng phong, động đất, các dịch bệnh chết chóc và tất cả những nạn đói, mà trẻ em là những nạn nhân đầu

tremblements de terre, des épidémies ravageuses, de toutes sources de famines dont les enfants sont les premières victimes. D'où la prolifération de la mendicité, de la délinquance juvénile, de l'immoralité galopante.

Le Père Seitz décide de s'attaquer maintenant à ce problème. Pour lui, fermer les yeux est inacceptable : c'est une démission du cœur et de l'intelligence. Tout problème doit avoir une solution. Dès 1943, il conçoit un projet de « Maison d'accueil » pour l'enfance malheureuse, abandonnée, orpheline, pauvre ou délinquante, mais aussi estropiée ou dégénérée. Où cela ? Mais au Ba-Vi, pour commencer, puisque ce paradis, créé par lui à partir de rien, n'est occupé que durant les vacances.

Aussitôt le principe accepté, il y dirige une centaine d'enfants et bien vite il s'aperçoit de leur évolution : tous, comme de jeunes plants étioles, transplantés à temps dans une terre et un climat plus sains, s'épanouissent rapidement et perdent, en général très vite, les stigmates de la misère et du vice. Tous témoignent bientôt de ces signes d'affectivité et d'émotivité qui sont les tests irréfutables d'une bonne santé physique et morale. Formés à la méthode scout que le Père pratique depuis toujours, ils travaillent, en classe ou à l'atelier, s'exercent à la gymnastique, jouent, chantent et rient aux feux de camps.

Mais l'expérience montre vite aussi l'instabilité chronique de ces enfants qui, habitués à courir les rues, n'ont aucune référence ni familiale, ni morale, ni professionnelle, sans perspective d'avenir devant eux. Il faut donc leur donner ce dont ils ont toujours manqué : — l'affection d'un foyer, — de quoi manger à leur faim, — une éducation ferme, — une orientation dans la vie.

Le but du centre d'accueil, qui se révéla vite trop petit, est de reconstituer la vie normale d'une petite cité, avec tout d'abord le cadre naturel de la famille : c'est elle qui crée une atmosphère d'affection, de joie dont l'enfant a besoin pour s'épanouir normalement, avec des soins attentifs et dévoués dont un enfant ne saurait être privé sans préjudice grave. Il y a donc dans ce centre d'accueil des « familles » constituées d'un aîné, « chef de famille », d'une vingtaine ou d'une trentaine d'enfants répartis en équipes où les plus grands et les plus habiles se dévouent comme de grands frères auprès des plus faibles et des plus petits.

tiên. Từ đó số hành khất gia tăng cũng như số tội phạm thiếu niên, và sự mất đạo đức cũng gia tăng gấp bội.

Cha Seitz quyết định giải quyết vấn đề này ngay. Đối với cha, không thể chấp nhận nhắm mắt lại: đó là sự thoái thác trách nhiệm của con tim và của trí thông minh. Mọi vấn đề đều phải có một giải pháp. Ngay từ năm 1943, cha đã dự kiến một dự án “nhà tiếp đón” trẻ em bất hạnh, bị bỏ rơi, mồ côi, nghèo đói hoặc hư đốn; nhưng cũng dành cho những em tàn tật hay thiếu năng. Ở đâu bây giờ? Để khởi đầu, có thể ở Ba Vi, vì khu vườn địa đàng này - được cha tạo nên từ số 0 - chỉ được sử dụng vào mùa hè thôi.

Ngay sau khi dự án được chấp thuận trên nguyên tắc, cha liền dẫn khoảng 100 em lên. Cha nhận ra ngay sự tiến triển của các em: tất cả các em, như những cây non úa vàng, được bứng đi trồng đúng lúc trong một thửa đất và một khí hậu lành mạnh hơn, đã triển nở mau chóng và, trong một thời gian rất mau, đã xóa đi những dấu vết nghèo đói và tẻ đoan. Tất cả các em mau chóng biểu lộ những dấu chỉ tình cảm và xúc động: đó là những bằng chứng không thể chối cãi của một thể xác và một tinh thần lành mạnh. Được đào tạo theo phương pháp hướng đạo mà cha đã thực hành từ lâu, các em làm việc trong lớp hay trong xưởng thợ, tập thể dục, chơi thể thao, ca hát và cười giỡn trong những buổi lửa trại.

Nhưng kinh nghiệm cho thấy ngay tính thất thường mãn tính của các em, chỉ quen chạy rong ngoài đường phố, không có điểm tựa gia đình, đạo đức hay nghề nghiệp gì, cũng như không có một triển vọng tương lai trước mắt. Vậy, điều cần phải mang lại cho chúng chính là cái chúng đã luôn thiếu hụt: tình cảm của một mái ấm gia đình - cái ăn lúc đói - một nền giáo dục vững chắc - một định hướng cho cuộc đời.

Mục đích của trung tâm “tiếp đón”, chẳng mấy chốc trở nên chật hẹp, là tái tạo cuộc sống bình thường của một thị trấn nhỏ, trước tiên bằng khung cảnh tự nhiên của một gia đình; chính gia đình tạo nên bầu khí yêu thương, vui vẻ mà đứa nhỏ cần có để phát triển bình thường, bằng những chăm sóc ân cần và tận tụy, mà nếu thiếu đi thì đứa trẻ sẽ bị tổn hại nghiêm trọng. Thế nên trong trung tâm tiếp đón này có những “gia đình” gồm một anh cả là “trưởng gia đình” và khoảng 20 hoặc 30 em được phân bố thành từng nhóm, trong đó những anh lớn nhất và những anh khéo léo nhất sẽ tự nguyện làm anh lớn, bên cạnh những em yếu đuối và nhỏ bé hơn.

À côté de la famille et la complétant, il y a l'école où les enfants apprennent obligatoirement à lire, à écrire, à compter, et reçoivent quelques éléments d'hygiène, de morale, d'histoire ; certains sont peu motivés, préférant courir la forêt, mais d'autres s'intéressent vivement et pourront plus tard pousser loin leurs études.

Il y a encore les ateliers où chaque enfant découvre les divers corps de métiers utiles à la vie de la cité, et où il apprend à se servir de ses dons manuels : menuiserie, fabrique de brosses, reliure, tissage, vannerie.

Enfin, il y a les services d'intérêt général : cuisine, nettoyages, buanderie, soins divers auxquels les enfants sont appelés à participer à tour de rôle et qui leur sont montrés comme des devoirs de tout citoyen d'une cité.

Cette formule est beaucoup plus large et souple qu'un orphelinat, un collège ou une communauté. Il n'y a ni gardien, ni mur de clôture. Si certains s'enfuient, la plupart demandent bientôt à revenir, après de nouvelles expériences malheureuses en ville...

Le Père Seitz voit loin devant lui et envisage de suivre ses enfants après leur première formation au Ba-Vi : apprentissage, vie professionnelle, création d'une petite entreprise ; mais surtout soutien spirituel : la vie de famille continuera et les âmes s'élèveront.

Pour le moment, il doit faire face, comme d'habitude, à des perspectives de dépenses qui accablent tout autre que lui. Il a bien quelques allocations de l'État ; l'armée lui fournit de la main-d'oeuvre et du matériel ; il a aussi quelques revenus grâce à la vente des produits fabriqués par les jeunes ; mais il doit surtout recourir à la charité publique, que son don de sympathie rend fort généreuse : partout il reçoit un accueil bienveillant, et des bienfaiteurs réguliers adoptent un certain nombre d'enfants, versant chaque mois une part du prix de leur pension. Il fait prier régulièrement ceux-ci pour leurs bienfaiteurs.

Mais pour l'avenir ?... Déjà trois cents nouveaux enfants sont prévus pour l'année scolaire 1944-1945. Où et comment les loger ? Le Ba-Vi n'est plus extensible : il faut trouver autre chose, d'urgence. Cette pensée fait son tourment, à l'heure où la guerre froide atteint un nouveau pic, et où les occupants

Bien cạnh gia đình và để hỗ trợ gia đình là trường học, nơi các em bắt buộc phải học đọc, học viết, học đếm và học những khái niệm căn bản về vệ sinh, về đạo đức và về lịch sử. Một số em không thích học, chỉ thích đi chơi rừng; nhưng một số khác rất chăm chỉ và về sau có thể học lên cao hơn .

Cũng có những nhà xưởng, nơi mỗi em có thể khám phá ra những ngành nghề khác nhau, có ích cho cuộc sống ở thị trấn, và nơi đó các em học cách sử dụng những năng khiếu thủ công, như nghề mộc, chế tạo bàn chải, đóng sách, nghề dệt và đan lát.

Cuối cùng, có những công việc lợi ích chung như: nấu ăn, lau dọn, giặt ủi và những công việc khác mà các em được mời gọi thay phiên nhau tham gia. Những công tác này được chỉ cho các em thấy như là những bổn phận của mọi thành viên trong thị xã.

Đường lối giáo dục này bao quát và uyển chuyển hơn một cô nhi viện, một trường trung học, hay một cộng đoàn. Không có bảo vệ, không có tường rào. Nếu có những em bỏ trốn, thì đa số sẽ xin trở lại ngay, sau những trải nghiệm thương đau mới ở ngoài phố .

Cha Seitz nhìn xa. Cha dự kiến đồng hành với các em sau việc đào tạo ban đầu ở Ba Vi: bằng việc học nghề, nghề chuyên môn và việc thành lập một xí nghiệp nhỏ. Nhưng nhất là để nâng đỡ tinh thần các em: tiếp tục cuộc sống gia đình và giúp tâm hồn các em vươn lên mãi.

Lúc này, như thông lệ, cha phải đối mặt với những chi phí sắp tới; những chi phí chắc hẳn sẽ làm bất cứ ai mất ăn mất ngủ, nhưng cha Seitz thì không. Cha cũng có được ít nhiều trợ cấp của nhà nước; quân đội cung cấp cho cha nhân công và vật tư. Cha cũng có một ít lợi nhuận do việc bán những sản phẩm các em làm ra. Nhưng nhất là cha phải nhờ vào lòng hảo tâm của nhiều người, sẵn sàng mở rộng hầu bao, nhờ tài gây thiện cảm của cha. Nơi nào cha cũng được tiếp đón nồng hậu, và những ân nhân lâu dài đã nhận nuôi một số em, mỗi tháng trả một phần chi phí ăn ở của các em. Cha nhắc nhở các em câu nguyện liên li cho các ân nhân.

Nhưng nhìn về tương lai thì sao?... Cha đã dự kiến 300 học sinh mới cho năm học 1944 -1945. Cho các em ở đâu và làm cách nào bây giờ? Ba Vi không thể mở rộng được nữa. Phải cấp tốc tìm một nơi khác. Ý tưởng này đã luôn giày vò cha vào thời điểm mà chiến tranh lạnh lên cao độ, lúc mà quân chiếm đóng Nhật

japonais se font de plus en plus agressifs. Il n'admet pas que des milliards soient engloutis dans la guerre, que des fortunes prodigieuses soient accumulées par certains à la faveur des événements troubles de l'heure, alors qu'il suffirait de quelques millions de piastres pour sauver des milliers de vies d'enfants.

Des plans s'échafaudent dans son esprit jamais en repos. Ayant étudié les problèmes dans leur ensemble, et avec l'expérience qu'il a eue de cette première année, il envisage de faire en grand ce qu'il a réalisé en petit — si l'on peut dire !... — au Ba-Vi : un « Refuge », d'abord, pour les enfants mendiants et les orphelins, avec les premiers soins, leur première éducation, une première formation de plusieurs mois.

Ensuite, ils passeront dans une « cité » où, sous le patronage de sainte Thérèse de l'Enfant Jésus, seront construites en dur des « maisons de familles », avec l'église au centre, l'école et des ateliers artisanaux à proximité, un dispensaire, un stade et des terrains de jeux. Tout cela suffisamment loin d'Hanoï, pour que les enfants n'aient pas la tentation d'y courir pour reprendre leur vie de mendicité et de larcins.

Enfin il faudra, dans les années suivantes, un centre professionnel pour ceux qui seront en apprentissage et auront des emplois. Quelles sont les disponibilités financières de l'oeuvre pour entreprendre tous ces travaux ? — Aucune !

Nous n'avons pour toute richesse que l'espoir, avoue le Père Seitz, le 1er décembre 1944. Disons mieux : l'intime conviction que la Providence saura susciter assez d'hommes de coeur pour permettre à une oeuvre d'amour et de salut d'être demain une réalité plus agissante encore. La question du salut d'une foule d'enfants, naguère considérés comme des déchets irrémédiablement perdus, nous presse et nous tourmente sans cesse. Si aucune voix ne s'élève pour plaider leur cause, si nous ne tendons pas la main pour eux, le scandale de cette immense détresse continuera à peser sur notre société comme une réprobation. Pitié pour les milliers d'enfants qui attendent de nous le salut !

La Providence doit penser que le moment n'est pas venu de réaliser parfaitement cette grande oeuvre, car l'Indochine traverse alors des mois terribles et destructeurs sous l'étreinte cruciale d'une triple crise : économique, politique et religieuse.

— Crise économique, car la guerre qui se poursuit en Europe a maintenant des répercussions ravageuses dans les colonies : la misère croît en raison d'une élévation brutale du coût de la vie. Une série de cataclysmes naturels vient

càng lúc càng tỏ ra hung hãn. Cha không chấp nhận hàng tỷ đồng đổ vào chiến tranh, cũng như không chấp nhận một số người làm giàu quá mức, dựa vào những biến cố hỗn độn của thời cuộc. Trong khi chỉ cần một vài triệu đồng để cứu giúp hàng ngàn cuộc sống trẻ em.

Bao kế hoạch được triển khai trong tâm trí không bao giờ biết ngưng nghỉ của cha. Sau khi xem xét toàn bộ vấn đề, và với kinh nghiệm năm đầu tiên, cha dự kiến làm lớn hơn nữa cái mà cha đã làm nhỏ ở Ba-Vi- nếu có thể nói như thế: trước tiên là thành lập một nơi “trú ẩn” cho những đứa trẻ ăn xin và mồ côi, với những chăm sóc, dạy dỗ và huấn luyện đầu tiên trong vòng nhiều tháng.

Sau đó chúng sẽ được đưa sang một “thị xá”, đặt dưới sự bảo trợ của thánh Têrêsa Hải đồng Giêsu, những “mái ấm gia đình” sẽ được xây dựng kiên cố, có nhà thờ ở ngay trung tâm, trường học và xưởng thủ công ở bên cạnh, một trạm xá, một sân vận động và những sân chơi. Tất cả những thứ đó cần ở khá xa Hà Nội để các em không bị cám dỗ trở lại phố thị rồi tiếp tục cuộc sống ăn xin và ăn cắp vặt.

Cuối cùng, những năm sau đó, cần có một trung tâm dạy nghề để các em học nghề và có việc làm. Nhưng cha có sẵn phương tiện tài chính để bắt đầu công việc này không? - Hoàn toàn không!

Ngày 1 tháng 12 năm 1944 cha Seitz thú nhận rằng tất cả sự giàu sang mà chúng tôi có, chỉ là niềm hy vọng. Nói đúng hơn: đó là niềm xác tín sâu xa rằng Chúa Quan Phòng sẽ thúc giục đủ các nhà hảo tâm giúp đỡ công trình yêu thương và cứu thoát này, để nay mai nó trở thành một thực thể còn năng động hơn nữa. Vấn đề cứu giúp đám trẻ con - đã từng bị coi như là đồ phế thải, hư đốn vô phương cứu chữa - luôn thúc bách và giày vò chúng tôi không ngừng. Nếu không ai lên tiếng biện hộ cho chúng, nếu chúng ta không giang tay cứu vớt, thì cảnh khốn quẫn tai tiếng, to lớn này sẽ tiếp tục đè nặng trên xã hội chúng ta như một lời khiển trách. Hãy yêu thương hằng ngàn đứa trẻ đang chờ chúng ta cứu giúp!

Chắc hẳn Chúa Quan Phòng nghĩ rằng chưa đến lúc công trình vĩ đại này được thực hiện cách hoàn hảo vì Đông Dương đang trải qua những tháng ngày khủng khiếp; bị tàn phá và đè bẹp nặng nề do ba cuộc khủng hoảng cùng lúc: khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng chính trị và khủng hoảng tôn giáo.

--Khủng hoảng kinh tế: Lúc này, chiến tranh tiếp diễn bên Âu châu, đưa đến những hậu quả tai hại trong các xứ thuộc địa. Sự nghèo khổ gia tăng, do giá sinh hoạt vọt lên bất ngờ. Một loạt những thiên tai ập đến, làm cho tình huống càng

encore aggraver la situation : deux typhons, un long et rigoureux hiver comme on n'en vit jamais de mémoire d'homme au Tonkin. Février voit le début d'une épouvantable famine qui, durant cinq mois, désole le Tonkin. Le typhus et la dysenterie viennent encore ajouter leurs ravages à ceux de la famine. Les missionnaires paient un lourd tribut à la mort, qui fauche en quelques jours le Père Villebonnet, curé de la cathédrale de Hanoï auprès de qui le Père Seitz est vicaire. Il a contracté le typhus au chevet des malades. Le Père Seitz décuple ses efforts pour sauver ses enfants qu'il ne veut pas voir lépérir, ainsi que leurs familles, qu'elles soient chrétiennes ou païennes. Des soupes populaires servent jusqu'à cinq mille miséreux durant des semaines, mais ce sont des millions de personnes qu'il faudrait nourrir.

En juin, on compte un million de victimes, soit environ un neuvième de la population du Tonkin, et combien d'autres succomberont encore. Certaines chrétientés de la campagne sont réduites de moitié. —

La crise politique est peut-être plus grave encore que la crise économique, car plus durable, plus sournoise, plus perverse. L'occupation militaire de l'Indochine par le Japon, au mépris des traités signés, est la première cause de l'appauvrissement du pays. Les conflits ne cessent de se multiplier.

Brutalement, sans préavis, suivant un plan habilement combiné et sournoisement dissimulé, dans la nuit du 9 au 10 mars 1945, les troupes de l'armée japonaise attaquent simultanément, à l'improviste, les principales citadelles et garnisons françaises de l'Indochine. Surprises dans leur sommeil, presque toutes les troupes françaises doivent se rendre après quelques heures de combats qui font des morts.

Pillages, terreur, razzias : profitant de la panique et de la désorganisation des services, des bandes de voleurs et de pirates se ruent à l'assaut des exploitations agricoles et des villages isolés et sans défense, dévastent les magasins et les dépôts de vivres qui subsistent encore, ne reculant ni devant l'incendie ni devant le meurtre.

Maître de l'Indochine, le Japon lui promet l'indépendance à l'égard de l'Europe, dans le cadre de « la plus grande Asie » ; des gouvernements locaux sont installés sous le contrôle des autorités japonaises. Le ministère des missionnaires s'en trouve entravé, leur autorité est discutée et battue en brèche.

Crise économique et crise politique entraînent une crise religieuse. De xénophobe, le mouvement nationaliste ne tarde pas à devenir antireligieux.

thêm trầm trọng: Hai cơn cuồng phong, một mùa đông dài khắc nghiệt, mà người dân Bắc Kỳ chưa từng thấy. Tháng Hai là khởi đầu của một nạn đói khủng khiếp, kéo dài 5 tháng, tàn phá xứ Bắc Kỳ. Cùng với nạn đói, bệnh sốt ban và kiết lỵ tăng thêm sức tàn phá. Các vị thừa sai đã phải trả một giá rất đắt cho thân chết; chỉ trong vài ngày chiếc hái tử thần đã cướp đi sinh mạng cha Villebonnet, cha sở nhà thờ chính tòa Hà Nội, mà cha Seitz là cha phó. Ngài đã mắc bệnh sốt ban khi đi thăm các bệnh nhân. Cha Seitz phải cố gắng gấp 10 để cứu giúp những đứa trẻ mà ngài không muốn thấy chúng, cũng như gia đình chúng, phải chết - bất kể họ là công giáo hay dân ngoại - Những nòi cháo bình dân nuôi đến 5.000 người khốn khổ trong nhiều tuần lễ; nhưng số người cần phải nuôi ăn lên đến hàng triệu.

Đến tháng 6 người ta tính được một triệu nạn nhân - khoảng 1/9 dân số Bắc Kỳ - và còn biết bao nhiêu người khác nữa sẽ còn ngã xuống. Một số giáo xứ miền quê chỉ còn lại một nửa.

Khủng hoảng chính trị có lẽ còn nghiêm trọng hơn khủng hoảng kinh tế. Vì nó lâu dài hơn, thâm hiểm hơn và tai ác hơn. Việc quân Nhật cưỡng chiếm Đông Dương, bất kể những hiệp ước đã ký, là nguyên do đầu tiên làm cho xứ sở này nghèo đi. Xung đột lại không ngừng gia tăng.

Tàn bạo, bất ngờ, theo một kế hoạch phối hợp khéo léo và che giấu kỹ lưỡng, trong đêm mùng 9 rạng mùng 10 tháng 3 năm 1945, nhiều đạo quân Nhật đã thành lĩnh tấn công cùng một lúc những pháo đài lớn nơi đồn trú của quân đội Pháp tại Đông Dương. Bị bất ngờ khi đang ngủ, hầu như tất cả các đội quân Pháp đều phải đầu hàng sau vài giờ chiến đấu, với một số quân bị tử vong.

Cướp bóc, khủng bố, đột kích: lợi dụng sự hoảng loạn và sự vô tổ chức của các phòng ban, nhiều băng trộm cướp đổ xô vào các trang trại và các làng hẻo lánh, không người bảo vệ; Chúng phá hủy các cửa hàng, các đại lý lương thực còn sót lại, không ngần ngại đốt phá hoặc chém giết.

Lúc này Nhật đã làm chủ Đông Dương và hứa cho Đông Dương độc lập đối với Châu Âu, trong khuôn khổ "Đại Châu Á". Các chính quyền địa phương được thành lập dưới sự kiểm soát của quan chức Nhật. Công việc truyền giáo của các cha thừa sai gặp nhiều trở ngại, quyền hạn bị tranh cãi và bị đã kích kịch liệt.

L'opinion publique se trouve retournée par les campagnes de presse qui s'en prennent au catholicisme, taxé de religion étrangère et antinationale, accusé d'avoir favorisé l'asservissement du pays à la domination française, de semer la division parmi les esprits et de se montrer réfractaire à l'idée d'indépendance. Des calomnies nombreuses et persistantes sont lancées non seulement contre les missionnaires, mais aussi contre les prêtres et les catholiques annamites.

Par lettre datée du 10 août 1945, le directeur de l'Instruction publique japonais fait savoir au P. Seitz qu'il est « considéré comme ayant cessé ses fonctions d'aumônier du lycée », fonction qu'il a exercée depuis le 15 novembre 1941. Cela entraîne sa démission d'aumônier diocésain des scouts qu'il exerçait depuis quatre ans et quatre mois, ainsi que celle de directeur diocésain des OEuvres d'action catholique, après trois ans et huit mois d'activité.

Mais une charge bien plus lourde lui est assignée alors : il est nommé curé de la cathédrale de Hanoï, en remplacement du Père Villebonnet, mort en service commandé.

Khủng hoảng kinh tế và khủng hoảng chính trị kéo theo khủng hoảng tôn giáo. Từ bài ngoại, phong trào quốc gia chẳng mấy chốc trở thành chống tôn giáo. Các chiến dịch báo chí đã định hướng dư luận, bằng cách đả phá công giáo, cho là đạo ngoại bang, phản dân tộc, góp phần làm đất nước lệ thuộc vào sự đô hộ của Pháp, gây chia rẽ trong đầu óc người dân và tỏ ra chống đối ý tưởng độc lập. Nhiều vụ không khác nhau và dai dẳng được tung ra chống lại không những các vị thừa sai, mà cả các linh mục và giáo dân Việt Nam.

Qua lá thư đề ngày 10 tháng 8 năm 1945, giám đốc nha học chánh Nhật đã cho cha Seitz biết là cha “được coi như đã ngưng nhiệm vụ tuyên úy ở trường trung học”, nhiệm vụ mà cha đã thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 1941. Điều này kéo theo việc cha cũng phải ngưng chức tuyên úy hướng đạo giáo phận, chức vụ cha đã đảm nhiệm được 4 năm 4 tháng. Cũng vậy, cha cũng phải từ nhiệm chức giám đốc công giáo tiến hành giáo phận sau 3 năm 8 tháng hoạt động.

Nhưng một trách vụ nặng nề hơn nhiều được trao cho cha lúc đó. Cha được bổ nhiệm làm cha sở nhà thờ chính tòa Hà Nội, thay thế cha Villebonnet, qua đời trong khi thi hành nhiệm vụ.